

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG HÓA
THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT ĐÔNG LẠNH NGUYÊN
CONTAINER CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
MELODY LOGISTICS
TẠI ĐÀ NẴNG**

SINH VIÊN THỰC HIỆN: PHẠM VĂN CHIẾN

MÃ SỐ SINH VIÊN: 2254050144

KHÓA HỌC: 2022-2026

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG HÓA
THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT ĐÔNG LẠNH NGUYÊN
CONTAINER CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
MELODY LOGISTICS
TẠI ĐÀ NẴNG**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Dương Thị Thu Thảo

Sinh viên thực hiện: Phạm Văn Chiến

Mã số sinh viên: 2254050144

Khóa học: 2022 - 2026

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KINH TẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BỘ MÔN LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ
CHUỖI CUNG ỨNG

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 - 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Phạm Văn Chiến
- Chuyên ngành : Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

“HOÀN THIỆN QUY TRÌNH NHẬP KHẨU THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT
ĐÔNG LẠNH NGUYÊN CONTAINER CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH MELODY LOGISTICS TẠI ĐÀ NẴNG”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn

- TS. Dương Thị Thu Thảo

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp

- 10/02/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận

- 30/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, cùng với sự gia tăng mạnh mẽ của thương mại quốc tế, nhu cầu vận chuyển và logistics ngày càng trở nên thiết yếu, góp phần kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực logistics, hoạt động nhập khẩu hàng hóa nguyên container (FCL - Full Container Load) ngày càng phổ biến nhờ tính hiệu quả trong vận chuyển, khả năng bảo quản hàng hóa tốt và tối ưu chi phí. Đối với các mặt hàng thực phẩm đông lạnh, quy trình nhập khẩu lại càng đòi hỏi sự kiểm soát chặt chẽ do liên quan trực tiếp đến an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật và các quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

Hiện nay, cùng với nhu cầu tiêu dùng thực phẩm đông lạnh ngày càng tăng, khối lượng nhập khẩu các mặt hàng này vào Việt Nam cũng không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quy trình nhập khẩu thực phẩm đông lạnh tại nhiều doanh nghiệp logistics vẫn còn tồn tại những hạn chế như: thủ tục hành chính phức tạp, thời gian xử lý chứng từ và thông quan kéo dài, sự phối hợp giữa các bên liên quan chưa đồng bộ, dễ phát sinh chi phí lưu container, lưu bãi và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng. Bên cạnh đó, các yêu cầu về chuyển đổi số, tiêu chuẩn kiểm dịch và quy định quản lý chuyên ngành ngày càng khắt khe cũng đặt ra nhiều áp lực đối với doanh nghiệp logistics trong việc nâng cao hiệu quả quy trình nghiệp vụ.

Do đó, việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình nhập khẩu hàng thực phẩm đông lạnh nguyên container không chỉ mang ý nghĩa thực tiễn đối với doanh nghiệp mà còn góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, giảm chi phí, tối ưu thời gian xử lý và tăng năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Xuất phát từ tính cấp thiết đó, cùng với quá trình tìm hiểu và thực tập tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics, tác giả nhận thấy việc nghiên cứu và hoàn thiện quy trình nhập khẩu hàng thực phẩm đông lạnh nguyên container là cần thiết và có ý nghĩa cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài: “Hoàn

thiện quy trình nhập khẩu hàng thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container của Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung của đề tài là nghiên cứu, phân tích và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình nhập khẩu hàng thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng.

Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động logistics, quy trình nhập khẩu hàng hóa và các quy định về kiểm dịch động vật trong hoạt động nhập khẩu.
- Phân tích và đánh giá thực trạng quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng.
- Xác định những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân trong quá trình thực hiện quy trình nhập khẩu.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container về Việt Nam tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: Tập trung nghiên cứu các bước trong quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, bao gồm thủ tục hải quan, kiểm dịch động vật và các nghiệp vụ logistics liên quan.
- Về không gian: Nghiên cứu tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng.
- Về thời gian: Số liệu và thực trạng được thu thập và phân tích trong giai đoạn gần đây (ví dụ: từ năm 2021 đến năm 2024).

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thu thập dữ liệu: Thu thập dữ liệu thứ cấp từ báo cáo nội bộ của doanh nghiệp, tài liệu chuyên ngành logistics, các văn bản pháp luật liên quan đến kiểm dịch động vật và hoạt động xuất nhập khẩu.
- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phân tích các thông tin, dữ liệu thu thập được nhằm đánh giá thực trạng quy trình nhập khẩu tại doanh nghiệp.
- Phương pháp so sánh: So sánh giữa lý thuyết và thực tiễn, cũng như so sánh giữa các giai đoạn để nhận diện những điểm còn hạn chế.
- Phương pháp quan sát thực tế: Quan sát trực tiếp các hoạt động nghiệp vụ tại doanh nghiệp trong quá trình thực tập để hiểu rõ hơn về quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh.

5. Kết cấu khóa luận

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, khóa luận được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container trong hoạt động logistics.
- Chương 2: Thực trạng quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng.
- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng.

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng cùng toàn thể quý thầy cô khoa Kinh tế đã tận tình giảng dạy, truyền đạt kiến thức quý báu và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập tại trường cũng như trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến quý thầy cô chuyên ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng, đặc biệt là giảng viên hướng dẫn đã tận tình chỉ bảo, định hướng và hỗ trợ em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài: “Hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh nguyên container về Việt Nam của Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng.”

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng toàn thể anh/chị nhân viên tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong thời gian thực tập, giúp em có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, cung cấp thông tin và hỗ trợ em trong quá trình thu thập số liệu, tìm hiểu quy trình nghiệp vụ phục vụ cho bài khóa luận.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến gia đình và bạn bè - những người luôn ở bên cạnh, động viên và hỗ trợ em cả về tinh thần lẫn vật chất trong suốt quá trình học tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Do thời gian nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế, bài khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	i
1. Tính cấp thiết của đề tài	i
2. Mục tiêu nghiên cứu	ii
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	ii
4. Phương pháp nghiên cứu.....	ii
5. Kết cấu khóa luận.....	iii
LỜI CẢM ƠN	iv
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU	x
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	xii
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH NHẬP KHẨU THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT ĐÔNG LẠNH NGUYÊN CONTAINER	1
1.1. Cơ sở lý luận về nhập khẩu hàng hóa.....	1
1.1.1. Khái niệm về nhập khẩu hàng hóa	1
1.1.2. Các hình thức nhập khẩu hàng hóa	1
1.1.2.1. Nhập khẩu trực tiếp	1
1.1.2.2. Nhập khẩu ủy thác	2
1.1.2.3. Nhập khẩu tạm nhập tái xuất	3
1.1.2.4. Nhập khẩu gia công	4
1.1.2.5. Nhập khẩu tại chỗ	4
1.1.3. Hàng hóa nhập khẩu.....	5
1.1.3.1. Khái niệm về hàng hóa nhập khẩu.....	5
1.1.3.2. Đặc điểm của hàng hóa nhập khẩu	6
1.1.3.3. Vai trò của hoạt động nhập khẩu.....	7
1.2. Cơ sở lý luận về thực phẩm động vật đông lạnh	12
1.2.1. Khái niệm về thực phẩm động vật đông lạnh.....	12
1.2.2. Phân loại thực phẩm động vật đông lạnh	12
1.2.2.1. Phân loại theo nguồn gốc động vật.....	12
1.2.2.2. Phân loại theo mức độ chế biến	13
1.2.2.3. Phân loại theo nhiệt độ bảo quản	13
1.2.2.4. Phân loại theo mã HS trong xuất nhập khẩu.....	13
1.2.3. Đặc điểm của thực phẩm động vật đông lạnh	14
1.2.3.1. Là nhóm hàng dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện bảo quản lạnh	14

1.2.3.2. Có nguy cơ mang mầm bệnh và lây lan dịch bệnh động vật.	14
1.2.3.3. Chịu sự quản lý chuyên ngành nghiêm ngặt.....	15
1.2.3.4. Phải đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc	15
1.3. Quy trình giao nhận hàng hóa	15
1.4. Các quy định pháp lý và hệ thống chứng từ.....	20
1.4.1. Các quy định pháp lý liên quan.....	20
1.4.2. Hệ thống chứng từ trong nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh.	21
1.4.2.1. Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract)	22
1.4.2.2. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice).....	22
1.4.2.3. Phiếu đóng gói (Packing List)	22
1.4.2.4. Vận đơn (Bill of Lading – B/L)	22
1.4.2.5. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Certificate of Origin – C/O)	22
1.4.2.6. Tờ khai hải quan	22
1.4.2.7. Giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance Certificate)	23
1.4.2.8. Lệnh giao hàng (Delivery Order – D/O).....	23
1.4.2.9. Giấy chứng nhận hàng đến (Arrival Notice)	23
1.4.2.10. Các chứng từ chuyên ngành trong nhập khẩu.....	23
TÓM TẮT CHƯƠNG 1.....	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH NHẬP KHẨU HÀNG THỰC PHẨM	
ĐỘNG VẬT ĐÔNG LẠNH NGUYÊN CONTAINER TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY	
TNHH MELODY LOGISTICS TẠI ĐÀ NẴNG	26
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Melody Logistics.....	26
2.1.1. Giới thiệu tổng quan về công ty.....	26
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển.....	26
2.1.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	27
2.1.4. Cơ cấu tổ chức của công ty	29
2.1.5. Ngành nghề kinh doanh	31
2.1.5.1. Vận tải đường biển.....	31
2.1.5.2. Vận tải đường hàng không.....	31
2.1.5.3. Vận tải đường bộ	31
2.1.5.4. Dịch vụ khai báo hải quan	32
2.1.5.5 Dịch vụ chuyển phát nhanh	32
2.1.5.6. Dịch vụ kho bãi.....	32

2.1.5.7. Bảo hiểm hàng hóa	32
2.1.6. Nguồn lực của công ty	33
2.1.6.1 Cơ sở vật chất	33
2.1.6.2 Nguồn nhân lực.....	35
2.1.6.3. Nguồn lực tài chính	37
2.2. Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty	42
2.2.1. Kết quả kinh doanh của công ty TNHH Melody Logistics.....	42
2.2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh (nhà cung cấp, đối thủ cạnh tranh, khách hàng và thị trường).....	45
2.2.3.1. Thực trạng nhà cung cấp của Melody Logistics (Vendor).....	45
2.2.3.2. Thực trạng đối thủ cạnh tranh của Melody Logistics.	48
2.2.3.3. Thực trạng khách hàng của Melody Logistics Đà Nẵng.....	49
2.2.3.4. Thực trạng về thị trường của Melody Logistics	52
2.2.3. Thực trạng hoạt động nhập khẩu động thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại doanh nghiệp	53
2.3. Thực trạng quy trình giao nhận thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại công ty TNHH Melody Logistics.....	56
2.3.1. Nhận bộ chứng từ từ nhà xuất khẩu	59
2.3.2. Tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ nhập khẩu	64
2.3.3. Theo dõi lịch trình tàu và nhận Arrival Notice	65
2.3.4. Khai báo và nộp hồ sơ xin giấy phép kiểm dịch nhập khẩu.....	66
2.3.5. Lấy lệnh giao hàng EDO.....	70
2.3.6. Khai báo hải quan điện tử	73
2.3.7. Kiểm dịch động vật và lấy mẫu kiểm dịch.....	76
2.3.8. Nộp thuế và thực hiện thủ tục thông quan	81
2.3.9 Nhận container lạnh tại cảng.....	83
2.3.10. Vận chuyển container lạnh về kho bảo quản	86
2.3.11. Giao hàng và kiểm tra hàng hóa tại kho.....	88
2.3.12. Trả container rỗng và hoàn tất hồ sơ lô hàng.....	89
2.4. Đánh giá quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Melody Logistics.....	91
2.4.1. Ưu điểm của quy trình nhập khẩu	92
2.4.2 Nhược điểm của quy trình nhập khẩu	94

2.4.3 Nguyên nhân ảnh hưởng đến quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh	97
2.4.3.1 Nguyên nhân khách quan.....	97
2.4.3.2 Nguyên nhân chủ quan	97
TÓM TẮT CHƯƠNG 2.....	98
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH NHẬP KHẨU THỰC PHẨM ĐỘNG	
VẬT ĐÔNG LẠNH NGUYÊN CONTAINER TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH	
MELODY LOGISTICS TẠI ĐÀ NẴNG	99
3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển.....	99
3.1.1. Nhận diện và dự báo môi trường kinh doanh trong thời gian tới.....	99
3.1.1.1. Tổng quan về tình hình kinh tế, thương mại Việt Nam và Thế giới	99
3.1.1.2. Bối cảnh và các xu hướng phát triển của ngành nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh	101
3.1.2 Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty	105
3.1.2.1 Định hướng	105
3.1.2.2 Mục tiêu	106
3.2. Các giải pháp hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh.....	109
3.2.1. Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong công ty với các cơ quan chức năng	109
3.2.2 Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên.....	111
3.2.3. Ứng dụng công nghệ theo dõi nhiệt độ container lạnh	114
3.2.4 Xây dựng hệ thống vendor chiến lược ổn định	117
3.3. Điều kiện và cách thức thực hiện giải pháp	119
3.4. Những bài học kinh nghiệm và đóng góp cho doanh nghiệp từ chương trình thực tập tốt nghiệp.....	122
3.4.1. Bài học từ chương trình thực tập tốt nghiệp	122
3.4.2. Những đóng góp của khoá luận cho doanh nghiệp	124
TÓM TẮT CHƯƠNG 3.....	127
KẾT LUẬN.....	128
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	129
PHỤ LỤC CHỨNG TỪ.....	130

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU

❖ DANH MỤC SƠ ĐỒ VÀ BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 1.3 Sơ đồ quy trình nhập khẩu hàng động vật đông lạnh.....	16
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ cơ cấu tổng công ty Melody Logistics	30
Sơ đồ 2.2 Sơ đồ cơ cấu từng chi nhánh của công ty Melody Logistics	29
Sơ đồ 2.3 Sơ đồ quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh	57
Biểu đồ 2.1 Biểu đồ tình hình nguồn vốn của công ty giai đoạn 2023-2025	39
Biểu đồ 2.2 Biểu đồ tình hình tài sản của công ty giai đoạn 2023-2025.....	41

❖ DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1 Logo công ty TNHH Melody Logistics	26
Hình 2.2 Hợp đồng thương mại (sale contract).....	62
Hình 2.3 Hóa đơn thương mại (Invoice)	63
Hình 2.4 Hóa đơn thương mại (Invoice)	64
Hình 2.5 Packing List.....	61
Hình 2.6 Bill of Lading.....	62
Hình 2.7 Health Certificate	63
Hình 2.8 Certificate of Origin (C/O).....	64
Hình 2.9 Thông báo hàng đến (Arrival Notice)	66
Hình 2.10 Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu do cục thú y cấp.....	69
Hình 2.11 Đơn khai báo kiểm dịch	69
Hình 2.12 Debit Note thanh toán của hãng tàu để thanh toán lấy lệnh EDO	72
Hình. 2.13 Lệnh giao hàng điện tử (EDO).....	73
Hình 2.14 Tờ khai nhập khẩu.....	76
Hình 2.15 Biên bản chứng nhận.....	84
Hình 2.16 Công văn xin kiểm dịch lấy mẫu.....	80
Hình 2.17 Tally giao nhận hàng khi đã kiểm dịch (kiểm hóa) song.....	80
Hình 2.18 Giấy chứng nhận kiểm dịch sau khi đã có kết quả kiểm dịch	81
Hình 2.19 Giấy nộp thuế tờ khai	83
Hình 2.20 Web Eport cảng Đà Nẵng.....	85
Hình 2.21 EIR điện tử khi nhận cont hàng ở cảng	86
Hình 2.22 Phiếu EIR hạ bãi trả rỗng	91

❖ DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1 Một số mã HS phổ biến đối với thực phẩm động vật đông lạnh.....	14
Bảng 2.1 Bảng hệ thống văn phòng và các chi nhánh của công ty	33
Bảng 2.2 Bảng nhân sự của công ty năm 2025	35
Bảng 2.3 Bảng tình hình nguồn vốn của công ty giai đoạn 2023-2025	38
Bảng 2.4 Tình hình tài sản của công ty giai đoạn 2023-2025	40
Bảng 2.5 Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn 2023-2025.....	42
Bảng 2.6. Bảng mô tả cơ cấu doanh thu theo loại hình dịch vụ	55
Bảng 2.7 Bảng mô tả sơ lược về quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh	58

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung đầy đủ	Nghĩa tiếng Việt
FCL	Full Container Load	Hàng nguyên container
HS	Harmonized System	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
HS Code	Harmonized System Code	Mã số hàng hóa xuất nhập khẩu
WCO	World Customs Organization	Tổ chức Hải quan Thế giới
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới
SPS	Sanitary and Phytosanitary Measures	Biện pháp kiểm dịch động thực vật
EU	European Union	Liên minh Châu Âu
FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do
ATIGA	ASEAN Trade in Goods Agreement	Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN
TNHH	Limited Liability Company	Trách nhiệm hữu hạn
B/L	Bill of Lading	Vận đơn
AWB	Airway Bill	Vận đơn hàng không
D/O	Delivery Order	Lệnh giao hàng
EDO	Electronic Delivery Order	Lệnh giao hàng điện tử
C/O	Certificate of Origin	Giấy chứng nhận xuất xứ
AN	Arrival Notice	Thông báo hàng đến
T/T	Telegraphic Transfer	Chuyển tiền điện tử
L/C	Letter of Credit	Thư tín dụng
D/P	Documents against Payment	Nhờ thu trả tiền đổi chứng từ

Từ viết tắt	Nội dung đầy đủ	Nghĩa tiếng Việt
D/A	Documents against Acceptance	Nhờ thu chấp nhận chứng từ
FOB	Free On Board	Giao hàng lên tàu
CIF	Cost, Insurance and Freight	Tiền hàng, bảo hiểm và cước phí
VNACCS	Vietnam Automated Cargo Clearance System	Hệ thống thông quan hàng hóa tự động Việt Nam
VCIS	Vietnam Customs Intelligence Information System	Hệ thống thông tin tình báo hải quan Việt Nam
HQĐT	Electronic Customs	Hải quan điện tử
DEM	Demurrage	Phí lưu container tại cảng
DET	Detention	Phí lưu container ngoài cảng
CY	Container Yard	Bãi container
CFS	Container Freight Station	Kho hàng lẻ
POD	Port of Discharge	Cảng dỡ hàng
POL	Port of Loading	Cảng xếp hàng
ETA	Estimated Time of Arrival	Thời gian dự kiến tàu đến
ETD	Estimated Time of Departure	Thời gian dự kiến tàu chạy
VGM	Verified Gross Mass	Khối lượng toàn bộ đã xác nhận
EIR	Equipment Interchange Receipt	Phiếu giao nhận container
ICD	Inland Container Depot	Cảng cạn
OPS	Operations	Bộ phận vận hành
EMC	Evergreen Marine Corporation	Hãng tàu Evergreen

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH NHẬP KHẨU THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT ĐÔNG LẠNH NGUYÊN CONTAINER

1.1. Cơ sở lý luận về nhập khẩu hàng hóa

1.1.1. Khái niệm về nhập khẩu hàng hóa

Theo Luật Thương mại Việt Nam 2005: "Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật."

Dưới góc độ kinh tế học, nhập khẩu được hiểu là hoạt động mua hàng hóa và dịch vụ từ nước ngoài nhằm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất hoặc tái xuất của quốc gia nhập khẩu. Hoạt động này phản ánh mối quan hệ trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia dựa trên nguyên tắc phân công lao động quốc tế và lợi thế so sánh.

Dưới góc độ logistics và quản trị chuỗi cung ứng, nhập khẩu không đơn thuần là việc mua hàng từ nước ngoài mà còn bao gồm toàn bộ quá trình tổ chức vận chuyển, lưu kho, thực hiện thủ tục hải quan, thanh toán quốc tế, kiểm tra chuyên ngành và giao nhận hàng hóa. Đây là một chuỗi nghiệp vụ phức tạp đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều chủ thể như nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hãng tàu, ngân hàng, cơ quan hải quan, cơ quan kiểm dịch và đơn vị logistics.

1.1.2. Các hình thức nhập khẩu hàng hóa

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động nhập khẩu hàng hóa đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua nhập khẩu, các doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn nguyên vật liệu, máy móc, công nghệ và hàng hóa từ nước ngoài nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tùy thuộc vào mục đích kinh doanh, khả năng tài chính và đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp mà các hình thức nhập khẩu được áp dụng khác nhau. Hiện nay, các hình thức nhập khẩu phổ biến bao gồm nhập khẩu trực tiếp, nhập khẩu ủy thác, nhập khẩu tạm nhập tái xuất, nhập khẩu gia công và nhập khẩu tại chỗ.

1.1.2.1. Nhập khẩu trực tiếp

Nhập khẩu trực tiếp là hình thức nhập khẩu mà doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu tự mình tiến hành toàn bộ quá trình giao dịch và thực hiện hợp đồng với đối tác nước ngoài. Trong hình thức này, doanh nghiệp sẽ trực tiếp thực hiện các công việc như tìm kiếm nhà cung cấp, đàm phán ký kết hợp đồng ngoại thương, thanh toán quốc

tế, thuê phương tiện vận tải, mua bảo hiểm hàng hóa, làm thủ tục hải quan và tiếp nhận hàng hóa.

Đây là hình thức nhập khẩu được sử dụng phổ biến nhất trong hoạt động ngoại thương hiện nay bởi doanh nghiệp có thể chủ động trong toàn bộ quy trình nhập khẩu cũng như kiểm soát được chất lượng hàng hóa, giá cả và thời gian giao nhận. Hình thức này thường phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, có năng lực tài chính ổn định và đội ngũ nhân sự am hiểu nghiệp vụ ngoại thương.

Thông qua nhập khẩu trực tiếp, doanh nghiệp có điều kiện giảm thiểu chi phí trung gian và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, việc trực tiếp giao dịch với đối tác nước ngoài còn giúp doanh nghiệp mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động thương mại quốc tế. Tuy nhiên, hình thức này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến thanh toán quốc tế, biến động tỷ giá, vận tải quốc tế và các tranh chấp thương mại phát sinh. Vì vậy, doanh nghiệp cần có trình độ quản lý tốt cũng như hiểu biết về pháp luật và tập quán thương mại quốc tế để hạn chế rủi ro trong quá trình thực hiện nhập khẩu.

Theo Luật Thương mại 2005, doanh nghiệp tham gia hoạt động nhập khẩu trực tiếp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chủ thể kinh doanh và thực hiện đúng quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động ngoại thương.

1.1.2.2. Nhập khẩu ủy thác

Nhập khẩu ủy thác là hình thức nhập khẩu trong đó doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa nhưng không trực tiếp thực hiện hoạt động ngoại thương mà thuê một doanh nghiệp khác có chức năng xuất nhập khẩu đứng ra thay mặt mình tiến hành giao dịch với đối tác nước ngoài và thực hiện các thủ tục nhập khẩu theo hợp đồng ủy thác đã ký kết.

Trong quan hệ nhập khẩu ủy thác, bên nhận ủy thác sẽ thực hiện các nghiệp vụ ngoại thương như ký kết hợp đồng nhập khẩu, thanh toán quốc tế, làm thủ tục hải quan và giao nhận hàng hóa. Sau khi hoàn thành công việc, bên nhận ủy thác được hưởng một khoản phí dịch vụ theo thỏa thuận giữa hai bên. Quyền sở hữu hàng hóa vẫn thuộc về bên giao ủy thác.

Hình thức này thường được áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp mới tham gia hoạt động ngoại thương hoặc các doanh nghiệp chưa đủ điều kiện thực hiện nhập khẩu trực tiếp. Việc sử dụng dịch vụ nhập khẩu ủy thác giúp doanh nghiệp

giảm bớt áp lực về nhân sự, thủ tục pháp lý và hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện nhập khẩu.

Mặc dù mang lại nhiều thuận lợi, nhập khẩu ủy thác vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Doanh nghiệp phải chịu thêm chi phí ủy thác và phụ thuộc vào năng lực cũng như uy tín của đơn vị nhận ủy thác. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp không thể kiểm soát hoàn toàn tiến độ thực hiện hoặc các phát sinh liên quan đến quá trình nhập khẩu hàng hóa.

Theo Nghị định 69/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương, hoạt động nhập khẩu ủy thác phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy thác và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về thương mại quốc tế.

1.1.2.3. Nhập khẩu tạm nhập tái xuất

Nhập khẩu tạm nhập tái xuất là hình thức doanh nghiệp đưa hàng hóa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó tái xuất hàng hóa đó sang nước thứ ba hoặc trả lại cho nước xuất khẩu ban đầu mà không tiêu thụ tại thị trường nội địa.

Hoạt động này mang tính chất thương mại trung gian và thường được thực hiện nhằm khai thác sự chênh lệch về giá cả, cung cầu hàng hóa giữa các quốc gia. Hình thức tạm nhập tái xuất thường áp dụng đối với hàng hóa trung chuyển, nguyên liệu hoặc các mặt hàng có tính đặc thù trong thương mại quốc tế.

Trong quá trình thực hiện, hàng hóa tạm nhập tái xuất chịu sự quản lý chặt chẽ của cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước về ngoại thương. Doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến thời hạn lưu giữ hàng hóa, thủ tục hải quan và việc tái xuất đúng thời hạn quy định.

Hình thức này giúp doanh nghiệp tận dụng cơ hội kinh doanh quốc tế và có thể mang lại lợi nhuận tương đối cao từ hoạt động trung gian thương mại. Đồng thời, nó còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ logistics, kho bãi và trung chuyển hàng hóa. Tuy nhiên, nhập khẩu tạm nhập tái xuất cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro do biến động giá cả thị trường quốc tế, chính sách thương mại của các quốc gia và nguy cơ phát sinh vi phạm pháp luật nếu doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định.

Theo Luật Quản lý ngoại thương 2017, hoạt động tạm nhập tái xuất thuộc nhóm hoạt động thương mại chịu sự kiểm soát đặc biệt nhằm hạn chế gian lận thương mại và buôn lậu qua biên giới.

1.1.2.4. Nhập khẩu gia công

Nhập khẩu gia công là hình thức doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu, bán thành phẩm hoặc máy móc thiết bị từ nước ngoài để thực hiện hoạt động gia công, chế biến theo yêu cầu của bên đặt gia công, sau đó xuất khẩu thành phẩm trở lại cho đối tác nước ngoài.

Đây là hình thức nhập khẩu có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt phổ biến trong các ngành như dệt may, da giày, điện tử và chế biến thủy sản. Trong hình thức này, nguyên vật liệu thường do phía nước ngoài cung cấp, còn doanh nghiệp trong nước chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất và thu lợi nhuận thông qua phí gia công.

Nhập khẩu gia công giúp doanh nghiệp tận dụng được nguồn lao động dồi dào, cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực sản xuất trong nước mà không cần đầu tư quá nhiều vốn cho nguyên liệu đầu vào. Đồng thời, hoạt động này còn góp phần tạo việc làm, thúc đẩy xuất khẩu và tăng nguồn thu ngoại tệ cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, do chủ yếu thực hiện theo yêu cầu của đối tác nước ngoài nên doanh nghiệp gia công thường phụ thuộc vào đơn hàng, nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ từ phía đối tác. Giá trị gia tăng tạo ra trong nước chưa cao và khả năng chủ động trong hoạt động sản xuất còn hạn chế.

Theo Thông tư 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, doanh nghiệp thực hiện gia công hàng hóa xuất khẩu phải tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý nguyên vật liệu, định mức sản xuất và quyết toán hải quan.

1.1.2.5. Nhập khẩu tại chỗ

Nhập khẩu tại chỗ là hình thức doanh nghiệp Việt Nam mua hàng hóa từ thương nhân nước ngoài nhưng việc giao nhận hàng hóa được thực hiện ngay tại lãnh thổ Việt Nam theo sự chỉ định của bên nước ngoài mà không phát sinh hoạt động vận chuyển hàng hóa qua biên giới quốc gia.

Đây là hình thức nhập khẩu đặc thù thường xuất hiện trong hoạt động của doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc trong chuỗi cung ứng nội địa có yếu tố nước ngoài. Mặc dù hàng hóa không di chuyển từ nước ngoài vào Việt Nam nhưng doanh nghiệp vẫn phải thực hiện các thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật.

Nhập khẩu tại chỗ giúp doanh nghiệp tiết kiệm đáng kể chi phí vận chuyển, thời gian giao nhận và giảm bớt một số công đoạn trong hoạt động logistics. Đồng thời,

hình thức này còn tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất liên tục và nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng trong nước.

Tuy nhiên, phạm vi áp dụng của nhập khẩu tại chỗ còn tương đối hạn chế và phụ thuộc nhiều vào điều kiện hợp đồng thương mại cũng như các quy định pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần quản lý chặt chẽ chứng từ, hóa đơn và thủ tục hải quan để tránh phát sinh sai sót trong quá trình thực hiện.

Theo Luật Hải quan 2014, hoạt động nhập khẩu tại chỗ vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khai báo hải quan và quản lý chứng từ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.1.3. Hàng hóa nhập khẩu

1.1.3.1. Khái niệm về hàng hóa nhập khẩu

Theo khoản 6 điều 2 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT thì hàng hóa nhập khẩu được giải thích “Hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) ở nước ngoài và nơi nhận hàng (đích) ở Việt Nam.”

Trong hoạt động ngoại thương, đặc biệt là khâu làm thủ tục hải quan, phân loại hàng hóa đóng vai trò then chốt nhằm xác định chính xác mã số hàng hóa, thuế suất áp dụng và chính sách quản lý chuyên ngành tương ứng. Tại Việt Nam, quá trình phân loại hàng hóa nhập khẩu được thực hiện dựa trên Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (gọi tắt là mã HS), kết hợp với các quy định pháp luật hiện hành như Luật Hải quan 2014, Thông tư 14/2015/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Về cơ bản, hàng hóa nhập khẩu có thể được phân loại theo ba nhóm chính: theo mã HS, theo chế độ quản lý và theo mục đích nhập khẩu.

Thứ nhất, phân loại theo mã HS là phương pháp phổ biến và được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn cầu. Mỗi mặt hàng được gán một mã số gồm tối đa tám chữ số: sáu số đầu theo chuẩn quốc tế của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO), hai số sau do quốc gia quy định nhằm mục đích nội địa hóa. Mã HS giúp cơ quan hải quan xác định đúng mức thuế nhập khẩu, các tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm tra chuyên ngành cũng như yêu cầu chứng từ kèm theo. Ví dụ, mã HS 8471.30.90 mô tả bộ máy xử lý dữ liệu tự động, trong khi mã 0901.21.00 dùng để chỉ cà phê đã rang, không chứa caffeine.

Thứ hai, xét theo chính sách quản lý, hàng hóa nhập khẩu được chia thành bốn nhóm: hàng hóa thông thường, hàng hóa có điều kiện, hàng hóa bị hạn chế và hàng hóa cấm nhập khẩu. Nhóm hàng hóa thông thường không chịu sự kiểm soát đặc biệt, chỉ cần tuân thủ quy định chung về khai báo và nộp thuế. Ngược lại, hàng có điều kiện buộc

phải đáp ứng các yêu cầu về giấy phép, kiểm định chất lượng hoặc công bố hợp quy.

Điện hình là các mặt hàng thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế. Hàng hóa hạn chế nhập khẩu thường được điều chỉnh bằng hạn ngạch hoặc tạm dừng trong thời gian cụ thể, để bảo vệ lợi ích kinh tế – xã hội hoặc môi trường. Còn nhóm hàng cấm nhập khẩu, theo Phụ lục I Nghị định số 69/2018/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 69/2023/NĐ-CP), bao gồm vũ khí, chất ma túy, hóa chất độc hại, các sản phẩm phản cảm về văn hóa, phế liệu không đạt tiêu chuẩn.

Thứ ba, phân loại theo mục đích nhập khẩu cũng là cơ sở quan trọng trong xác định nghĩa vụ thuế và cách thức khai báo hải quan. Các hình thức phổ biến gồm: nhập khẩu kinh doanh, nhập khẩu gia công, nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, nhập khẩu phi mậu dịch, tạm nhập tái xuất. Mỗi hình thức này kéo theo một quy trình nghiệp vụ khác nhau về hồ sơ, chứng từ và chính sách thuế.

Trong hoạt động logistics và vận tải quốc tế, FCL và LCL là hai thuật ngữ cơ bản nhưng rất quan trọng, thể hiện cách thức tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng đường biển. Việc lựa chọn hình thức nào tùy thuộc vào khối lượng hàng, tính chất mặt hàng cũng như yêu cầu của chủ hàng về chi phí và thời gian vận chuyển. FCL phù hợp với lô hàng lớn, yêu cầu cao về bảo mật và thời gian, trong khi LCL là giải pháp kinh tế dành cho lô hàng nhỏ, không gấp rút.

1.1.3.2. Đặc điểm của hàng hóa nhập khẩu

Hàng hóa nhập khẩu là những hàng hóa được mua từ nước ngoài và đưa vào lãnh thổ quốc gia để phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh hoặc tiêu dùng trong nước. Trong hoạt động thương mại quốc tế, hàng hóa nhập khẩu có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Hàng hóa nhập khẩu có nguồn gốc từ nước ngoài và được vận chuyển qua biên giới quốc gia thông qua các phương thức vận tải quốc tế.
- Quá trình nhập khẩu hàng hóa phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hải quan, thuế, kiểm dịch, kiểm tra chất lượng và các chính sách quản lý chuyên ngành của Nhà nước.
- Hàng hóa nhập khẩu thường chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như tỷ giá ngoại tệ, chính sách thương mại quốc tế, chi phí vận tải, bảo hiểm và các điều kiện giao hàng quốc tế.
- Việc nhập khẩu hàng hóa thường gắn liền với các hợp đồng ngoại thương, phương thức thanh toán quốc tế và các tập quán thương mại quốc tế.

- Hàng hóa nhập khẩu có thể phục vụ nhiều mục đích khác nhau như tiêu dùng, sản xuất, gia công, tái xuất hoặc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và phát triển kinh tế.

- Hoạt động nhập khẩu tiềm ẩn nhiều rủi ro như biến động giá cả, chậm trễ giao hàng, rủi ro thanh toán, tranh chấp thương mại hoặc thay đổi chính sách quản lý của các quốc gia liên quan.

1.1.3.3. Vai trò của hoạt động nhập khẩu

a) Vai trò đối với nền kinh tế

Trong xu thế toàn cầu hóa, nhập khẩu đóng vai trò là "cầu nối" giúp nền kinh tế quốc gia hòa nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu. Vai trò này được thể hiện qua các khía cạnh trọng yếu sau:

- Bổ sung nguồn lực và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Đối với các quốc gia đang phát triển, nhập khẩu là phương thức quan trọng để tiếp nhận các yếu tố đầu vào mà sản xuất trong nước chưa đáp ứng được. Việc ưu tiên nhập khẩu tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu) góp phần hình thành các ngành công nghiệp mới, từ đó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ: Nhập khẩu cho phép quốc gia đi sau tận dụng được các thành tựu khoa học kỹ thuật của các nước phát triển. Thông qua việc nhập khẩu công nghệ nguồn, bản quyền và các dây chuyền sản xuất hiện đại, quốc gia có thể rút ngắn thời gian nghiên cứu, nâng cao năng suất lao động xã hội và tạo ra bước nhảy vọt về trình độ sản xuất.

- Điều tiết cung - cầu và ổn định kinh tế vĩ mô: Nhập khẩu đóng vai trò là "van điều tiết" cho thị trường nội địa. Khi cung trong nước thiếu hụt, nhập khẩu giúp cân bằng thị trường, hạn chế tình trạng lạm phát và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của nhân dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- Kích thích cạnh tranh và nâng cao hiệu quả kinh tế: Sự thâm nhập của hàng hóa ngoại nhập buộc các nhà sản xuất nội địa phải đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt. Điều này tạo động lực tự thân để các doanh nghiệp trong nước phải cải tiến quy trình, tối ưu hóa chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm, từ đó nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

- Tạo tiền đề và thúc đẩy hoạt động xuất khẩu: Nhập khẩu và xuất khẩu có mối quan hệ biện chứng. Nhập khẩu máy móc, nguyên liệu chất lượng cao là cơ sở để tạo ra

hàng hóa xuất khẩu có giá trị gia tăng lớn, giúp quốc gia cải thiện cán cân thanh toán và tham gia sâu hơn vào phân công lao động quốc tế.

b) Vai trò đối với doanh nghiệp

Ở cấp độ vi mô, nhập khẩu là một mắt xích quan trọng trong chiến lược kinh doanh, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trên thị trường:

- Đảm bảo tính liên tục và chất lượng của quá trình sản xuất: Hoạt động nhập khẩu cung cấp cho doanh nghiệp những nguyên liệu đầu vào chuyên biệt hoặc có chất lượng vượt trội so với nguồn cung nội địa. Điều này giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất ổn định và tạo ra những sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế thị trường: Tiếp cận với các nguồn hàng nhập khẩu đa dạng giúp doanh nghiệp phong phú hóa danh mục sản phẩm, đáp ứng kịp thời những thay đổi trong thị hiếu khách hàng. Bên cạnh đó, việc sử dụng máy móc hiện đại nhập khẩu giúp giảm tỷ lệ sản phẩm lỗi, hạ giá thành đơn vị, từ đó tạo ưu thế về giá và chất lượng.

- Tận dụng lợi thế về chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận: Trong nhiều trường hợp, việc nhập khẩu trực tiếp từ nhà sản xuất nước ngoài giúp doanh nghiệp cắt giảm các khâu trung gian, tận dụng lợi thế về quy mô hoặc các ưu đãi thuế quan từ các hiệp định thương mại tự do (FTA), từ đó trực tiếp gia tăng biên lợi nhuận.

- Tiếp cận tri thức quản trị và văn hóa kinh doanh quốc tế: Thông qua các giao dịch nhập khẩu, doanh nghiệp có cơ hội tiếp xúc với các phương thức quản lý tiên tiến, quy trình logistics hiện đại và các chuẩn mực kinh doanh quốc tế. Đây là quá trình "học hỏi thông qua thực hành" (learning by doing), giúp doanh nghiệp hoàn thiện bộ máy quản trị và nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự.

- Phân tán rủi ro cung ứng: Việc đa dạng hóa nguồn cung thông qua nhập khẩu giúp doanh nghiệp giảm bớt sự phụ thuộc vào một thị trường duy nhất, đảm bảo an toàn chuỗi cung ứng trước các biến động tiêu cực từ môi trường kinh doanh nội địa.

Nhập khẩu không chỉ là hoạt động bổ trợ mà là động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện. Đối với nền kinh tế, nó là công cụ để hiện đại hóa; đối với doanh nghiệp, nó là vũ khí chiến lược để nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

c) Vai trò đối với ngành logistics

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ, hoạt động nhập khẩu không chỉ giữ vai trò quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân mà còn có tác động trực tiếp đến sự phát triển của ngành logistics. Logistics được xem là cầu nối giữa hoạt động sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa, trong đó nhập khẩu là một mắt xích quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ chuỗi cung ứng. Sự gia tăng về quy mô và tần suất nhập khẩu hàng hóa đã tạo điều kiện cho ngành logistics mở rộng phạm vi hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ và từng bước hội nhập với chuỗi logistics toàn cầu.

Trước hết, hoạt động nhập khẩu góp phần thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ vận tải quốc tế. Khi doanh nghiệp thực hiện nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài, nhu cầu sử dụng các phương thức vận tải như đường biển, đường hàng không, đường bộ và đường sắt quốc tế ngày càng gia tăng. Điều này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp logistics mở rộng hoạt động vận chuyển hàng hóa quốc tế, phát triển mạng lưới đại lý vận tải và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, hoạt động nhập khẩu còn thúc đẩy sự phát triển của dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế (freight forwarding), giúp kết nối hiệu quả giữa người bán, người mua và các đơn vị vận tải trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bên cạnh đó, nhập khẩu hàng hóa còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của hệ thống kho bãi và dịch vụ lưu trữ hàng hóa. Hàng hóa nhập khẩu trước khi được phân phối ra thị trường hoặc đưa vào sản xuất thường phải trải qua quá trình lưu kho, kiểm định và phân loại. Vì vậy, nhu cầu về kho ngoại quan, kho lạnh, kho CFS và các trung tâm logistics ngày càng tăng. Điều này tạo động lực cho các doanh nghiệp logistics đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng kho bãi, ứng dụng công nghệ quản lý hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả lưu trữ và phân phối hàng hóa.

Ngoài ra, hoạt động nhập khẩu còn thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ hỗ trợ logistics như khai báo hải quan, bảo hiểm hàng hóa, kiểm định chất lượng, thanh toán quốc tế và dịch vụ tư vấn ngoại thương. Trong quá trình nhập khẩu, doanh nghiệp phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan đến hải quan và pháp lý, từ đó làm gia tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics chuyên nghiệp. Điều này không chỉ giúp mở rộng thị trường dịch vụ logistics mà còn góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

Hoạt động nhập khẩu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hiện đại hóa ngành logistics. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động thương mại quốc tế, các doanh nghiệp logistics buộc phải đầu tư vào công nghệ thông tin, tự động hóa quản lý kho bãi, hệ thống theo dõi hàng hóa và quản trị chuỗi cung ứng. Nhờ đó, ngành logistics từng bước chuyển đổi theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Bên cạnh những tác động tích cực, hoạt động nhập khẩu cũng đặt ra nhiều thách thức đối với ngành logistics. Khối lượng hàng hóa nhập khẩu gia tăng nhanh chóng đòi hỏi hệ thống cảng biển, kho bãi và hạ tầng giao thông phải được đầu tư đồng bộ nhằm tránh tình trạng ùn tắc và quá tải. Đồng thời, các doanh nghiệp logistics cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các tập đoàn logistics quốc tế có tiềm lực tài chính và công nghệ mạnh.

Tóm lại, hoạt động nhập khẩu có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của ngành logistics. Không chỉ thúc đẩy sự mở rộng của các dịch vụ vận tải, kho bãi và giao nhận hàng hóa quốc tế, nhập khẩu còn góp phần hiện đại hóa cơ sở hạ tầng logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc nâng cao hiệu quả hoạt động nhập khẩu sẽ tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển bền vững của ngành logistics Việt Nam.

d) Vai trò đối với xã hội

Trong nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, hoạt động nhập khẩu không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp và nền kinh tế quốc dân mà còn mang lại nhiều tác động tích cực đối với đời sống xã hội. Thông qua hoạt động nhập khẩu, quốc gia có thể bổ sung nguồn hàng hóa, công nghệ và nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đồng thời, nhập khẩu còn góp phần thúc đẩy giao lưu kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật giữa các quốc gia.

Trước hết, hoạt động nhập khẩu góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng của xã hội. Trong điều kiện năng lực sản xuất trong nước còn hạn chế hoặc chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân, nhập khẩu giúp bổ sung các mặt hàng thiết yếu như máy móc, thiết bị, dược phẩm, nguyên liệu sản xuất và hàng tiêu dùng. Nhờ đó, người tiêu dùng có thêm nhiều sự lựa chọn về chủng loại, mẫu mã và chất lượng sản phẩm, từ đó góp phần nâng cao mức sống và cải thiện chất lượng đời sống xã hội.

Bên cạnh đó, nhập khẩu còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Thông qua việc nhập khẩu máy móc, thiết bị hiện đại và công nghệ tiên tiến từ nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước có điều kiện đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động và cải thiện chất lượng sản phẩm. Điều này không chỉ giúp tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế mà còn tạo động lực cho sự phát triển khoa học kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Ngoài ra, hoạt động nhập khẩu còn góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Khi hoạt động nhập khẩu phát triển, các lĩnh vực liên quan như vận tải, kho bãi, logistics, bảo hiểm, tài chính và dịch vụ hải quan cũng có điều kiện mở rộng quy mô hoạt động. Điều này tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động trong nhiều ngành nghề khác nhau, từ đó góp phần ổn định an sinh xã hội và nâng cao thu nhập cho người dân.

Không những vậy, nhập khẩu còn góp phần thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường nội địa. Sự xuất hiện của hàng hóa nhập khẩu với chất lượng và công nghệ cao buộc các doanh nghiệp trong nước phải cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa chi phí nhằm tăng khả năng cạnh tranh. Qua đó, người tiêu dùng được hưởng lợi từ các sản phẩm có chất lượng tốt hơn với mức giá hợp lý hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, hoạt động nhập khẩu cũng có thể tạo ra một số ảnh hưởng tiêu cực đối với xã hội nếu không được quản lý hiệu quả. Việc nhập khẩu quá mức hàng hóa tiêu dùng có thể làm gia tăng sự phụ thuộc vào thị trường nước ngoài, ảnh hưởng đến sản xuất trong nước và gây mất cân bằng cán cân thương mại. Ngoài ra, nếu kiểm soát không chặt chẽ, hàng hóa nhập khẩu kém chất lượng hoặc không đảm bảo an toàn có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng và môi trường xã hội.

Nhìn chung, hoạt động nhập khẩu có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. Không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và tạo việc làm, nhập khẩu còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của quốc gia. Vì vậy, việc quản lý và phát triển hoạt động nhập khẩu một cách hiệu quả sẽ là cơ sở quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của nền kinh tế và xã hội.

1.2. Cơ sở lý luận về thực phẩm động vật đông lạnh

1.2.1. Khái niệm về thực phẩm động vật đông lạnh

Thực phẩm động vật đông lạnh là các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật được bảo quản bằng phương pháp cấp đông ở nhiệt độ thấp nhằm duy trì chất lượng, giá trị dinh dưỡng và kéo dài thời gian sử dụng. Trong hoạt động xuất nhập khẩu, nhóm hàng này bao gồm thịt gia súc, gia cầm, thủy sản và các sản phẩm chế biến từ động vật được bảo quản ở nhiệt độ đông lạnh, thường từ -18°C trở xuống.

Đây là nhóm hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành nghiêm ngặt do liên quan trực tiếp đến vấn đề an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật và sức khỏe cộng đồng. Vì vậy, việc phân loại thực phẩm động vật đông lạnh có ý nghĩa quan trọng trong quá trình khai báo hải quan, xác định mã HS, tính thuế xuất nhập khẩu và thực hiện các thủ tục kiểm dịch.

1.2.2. Phân loại thực phẩm động vật đông lạnh

1.2.2.1. Phân loại theo nguồn gốc động vật

a) Nhóm thịt gia súc đông lạnh

Nhóm này bao gồm các sản phẩm từ động vật chăn nuôi trên cạn như bò, heo, dê, cừu được giết mổ và bảo quản đông lạnh. Một số mặt hàng phổ biến gồm: Thịt bò đông lạnh; Thịt heo đông lạnh; Thịt dê đông lạnh; Thịt cừu đông lạnh.

Các sản phẩm có thể ở dạng nguyên con, cắt khúc, lọc xương hoặc đóng gói chân không phục vụ tiêu dùng và chế biến công nghiệp.

b) Nhóm thịt gia cầm đông lạnh

Đây là nhóm hàng có nguồn gốc từ gia cầm được bảo quản bằng phương pháp cấp đông, bao gồm: Gà đông lạnh; Vịt đông lạnh; Gà tây đông lạnh; Chim cú đông lạnh.

Sản phẩm thường được nhập khẩu dưới dạng: đùi gà, cánh gà, chân gà, gà nguyên con đông lạnh.

c) Nhóm thủy sản đông lạnh

Thủy sản đông lạnh là nhóm hàng có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn tại Việt Nam, bao gồm: Cá đông lạnh; Tôm đông lạnh; Mực đông lạnh; Bạch tuộc đông lạnh; Nghêu, sò đông lạnh,....

Các sản phẩm có thể được chế biến dưới nhiều dạng khác nhau như: nguyên con, phi lê, bóc vỏ, hấp sơ chế hoặc tẩm ướp gia vị nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và người tiêu dùng.

d) Nhóm sản phẩm chế biến từ động vật đông lạnh

Đây là nhóm hàng đã qua quá trình chế biến công nghiệp từ nguyên liệu động vật, bao gồm: Xúc xích đông lạnh; Chả cá đông lạnh; Viên thả lẩu đông lạnh; Gà nugget đông lạnh; Thịt tẩm bột đông lạnh.

Nhóm này thường có giá trị gia tăng cao và yêu cầu tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nghiêm ngặt hơn.

1.2.2.2. Phân loại theo mức độ chế biến

a) Hàng đông lạnh tươi sống

Là các sản phẩm chỉ trải qua quá trình sơ chế cơ bản trước khi cấp đông như: làm sạch, cắt miếng, loại bỏ nội tạng.

Ví dụ: Cá basa phi lê đông lạnh, thịt bò nguyên khối đông lạnh.

b) Hàng đông lạnh sơ chế

Là sản phẩm đã được xử lý thêm nhằm thuận tiện cho chế biến hoặc tiêu dùng, bao gồm: tẩm gia vị, tẩm bột, cắt định lượng, đóng gói sẵn.

Ví dụ: Tôm tẩm bột đông lạnh, gà ướp gia vị đông lạnh.

c) Hàng đông lạnh chế biến sâu

Đây là nhóm thực phẩm đã được chế biến gần hoàn chỉnh hoặc hoàn chỉnh trước khi cấp đông. Người tiêu dùng chỉ cần chiên, hấp hoặc làm nóng trước khi sử dụng.

Ví dụ: Xúc xích, hamburger đông lạnh, pizza hải sản đông lạnh.

1.2.2.3. Phân loại theo nhiệt độ bảo quản

Trong hoạt động logistics và xuất nhập khẩu, thực phẩm động vật đông lạnh còn được phân loại dựa trên nhiệt độ bảo quản như sau:

- Hàng làm lạnh (Chilled): Nhiệt độ bảo quản từ 0°C đến 4°C, sản phẩm chưa đông cứng hoàn toàn, thời gian bảo quản ngắn.

- Hàng đông lạnh (Frozen): Nhiệt độ bảo quản thông thường $\leq -18^{\circ}\text{C}$, đây là phương pháp phổ biến trong vận chuyển quốc tế.

- Hàng đông sâu (Deep Frozen): Nhiệt độ bảo quản có thể dưới -40°C , áp dụng đối với một số sản phẩm cao cấp hoặc cần bảo quản đặc biệt như cá ngừ sashimi.

1.2.2.4. Phân loại theo mã HS trong xuất nhập khẩu

Mã HS (Harmonized System Code) là hệ thống mã số dùng để phân loại hàng hóa trong thương mại quốc tế. Việc xác định chính xác mã HS giúp doanh nghiệp: tính thuế nhập khẩu, xác định chính sách quản lý, thực hiện kiểm dịch và thông quan.

Bảng 1.1 Một số mã HS phổ biến đối với thực phẩm động vật đông lạnh

Thịt bò đông lạnh	0202
Thịt heo đông lạnh	0203
Thịt gia cầm đông lạnh	0207
Cá đông lạnh	0303
Phi lê cá đông lạnh	0304
Tôm đông lạnh	0306
Mực, bạch tuộc đông lạnh	0307
Sản phẩm chế biến từ thịt	1601, 1602
Sản phẩm chế biến từ thủy sản	1604, 1605

Việc áp mã HS cần căn cứ vào: thành phần hàng hóa, mức độ chế biến, trạng thái bảo quản, mục đích sử dụng.

1.2.3. Đặc điểm của thực phẩm động vật đông lạnh

Thực phẩm động vật đông lạnh là nhóm hàng hóa đặc thù trong thương mại quốc tế do có liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người, an toàn thực phẩm và nguy cơ lây lan dịch bệnh động vật. Vì vậy, trong quá trình xuất nhập khẩu, nhóm hàng này chịu sự quản lý chặt chẽ của cơ quan thú y và cơ quan kiểm dịch của các quốc gia.

1.2.3.1. Là nhóm hàng dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện bảo quản lạnh

Đặc điểm nổi bật của thực phẩm động vật đông lạnh là phải được bảo quản liên tục trong môi trường nhiệt độ thấp, thông thường từ -18°C trở xuống nhằm duy trì chất lượng và hạn chế sự phát triển của vi sinh vật. Trong quá trình vận chuyển quốc tế, nếu chuỗi lạnh bị gián đoạn có thể làm sản phẩm bị biến đổi chất lượng, giảm giá trị dinh dưỡng và phát sinh nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

Do đó, hoạt động logistics đối với thực phẩm đông lạnh đòi hỏi hệ thống kho lạnh, container lạnh và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

1.2.3.2. Có nguy cơ mang mầm bệnh và lây lan dịch bệnh động vật.

Thực phẩm động vật đông lạnh là sản phẩm có nguồn gốc từ động vật nên có khả năng mang theo các tác nhân gây bệnh như: vi khuẩn; virus; ký sinh trùng; nấm mốc.

Một số dịch bệnh nguy hiểm như cúm gia cầm, lở mồm long móng, dịch tả heo châu Phi có thể lây lan thông qua động vật hoặc sản phẩm động vật chưa được kiểm soát chặt chẽ. Vì vậy, nhiều quốc gia áp dụng các biện pháp kiểm dịch nghiêm ngặt đối với nhóm hàng này nhằm ngăn ngừa nguy cơ xâm nhập dịch bệnh từ nước ngoài.

Theo quy định của Việt Nam, sản phẩm động vật đông lạnh thuộc diện phải kiểm dịch trước khi nhập khẩu và phải được kiểm tra về nguồn gốc, tình trạng vệ sinh thú y và an toàn dịch bệnh.

1.2.3.3. Chịu sự quản lý chuyên ngành nghiêm ngặt

Trong thương mại quốc tế, thực phẩm động vật đông lạnh không chỉ chịu sự quản lý của cơ quan hải quan mà còn thuộc phạm vi quản lý của cơ quan thú y và an toàn thực phẩm. Tại Việt Nam, việc nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh phải thực hiện: đăng ký kiểm dịch động vật; kiểm tra hồ sơ thú y; kiểm tra điều kiện bảo quản; lấy mẫu xét nghiệm khi cần thiết.

Đối với sản phẩm có nguy cơ cao, hàng hóa phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu cho đến khi có kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu mới được phép thông quan.

1.2.3.4. Phải đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc

Một đặc điểm quan trọng khác của thực phẩm động vật đông lạnh là yêu cầu nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc. Các quốc gia nhập khẩu thường yêu cầu doanh nghiệp cung cấp: giấy chứng nhận kiểm dịch; giấy chứng nhận y tế (Health Certificate); chứng nhận xuất xứ hàng hóa; thông tin cơ sở giết mổ, chế biến và đóng gói. Ngoài ra, cơ sở sản xuất tại nước xuất khẩu phải được cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu công nhận hoặc nằm trong danh sách được phép xuất khẩu.

Theo quy định của Liên minh châu Âu (EU), động vật và sản phẩm động vật chỉ được nhập khẩu từ các cơ sở được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

1.2.3.5. Chịu ảnh hưởng lớn bởi chính sách thương mại và kiểm dịch quốc tế

Thực phẩm động vật đông lạnh là nhóm hàng nhạy cảm trong thương mại quốc tế vì liên quan đến dịch bệnh động vật và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Khi xảy ra dịch bệnh tại quốc gia xuất khẩu, nước nhập khẩu có thể: tạm ngừng nhập khẩu; cấm nhập khẩu; tăng cường kiểm tra kiểm dịch.

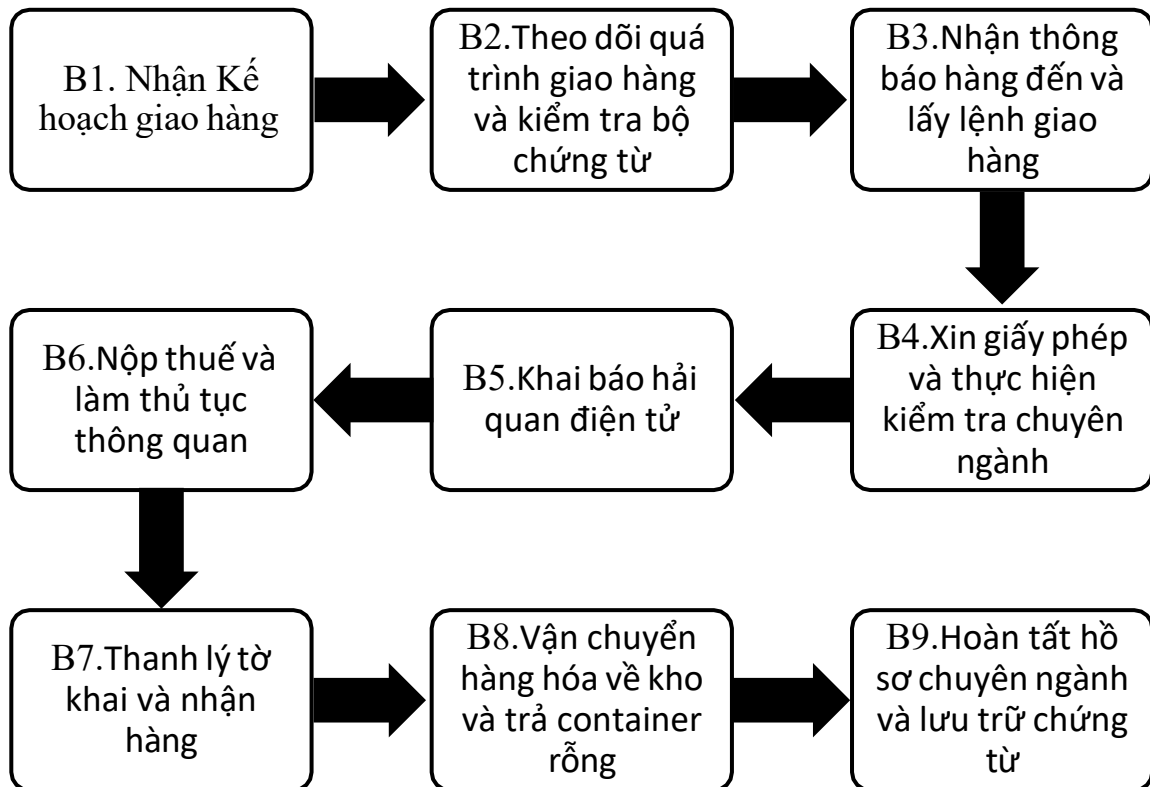
Do đó, hoạt động xuất nhập khẩu nhóm hàng này phụ thuộc lớn vào: tình hình dịch bệnh quốc tế; quy định SPS (Sanitary and Phytosanitary Measures); hiệp định thương mại; tiêu chuẩn thú y của từng quốc gia.

1.3. Quy trình giao nhận hàng hóa

Quy trình giao nhận hàng hóa là chuỗi các hoạt động được thực hiện từ khi tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng, chuẩn bị và kiểm tra hàng hóa, tổ chức vận chuyển đến khi bàn giao hàng cho người nhận và hoàn tất các chứng từ liên quan. Quy

trình này nhằm đảm bảo hàng hóa được giao nhận đúng số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm theo thỏa thuận giữa các bên, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động logistics, giảm thiểu rủi ro và nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng.

Sơ đồ 1.3 Sơ đồ quy trình giao nhận hàng động vật đông lạnh



Bước 1: Nhận kế hoạch giao hàng

Trong quy trình giao nhận hàng hóa, nhận kế hoạch giao hàng là bước đầu tiên và có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức hoạt động vận chuyển. Đây là quá trình bộ phận giao nhận tiếp nhận thông tin và yêu cầu giao hàng từ bộ phận kinh doanh, bộ phận kho hoặc khách hàng để xây dựng phương án thực hiện phù hợp. Nội dung của kế hoạch giao hàng thường bao gồm các thông tin như: tên hàng hóa, số lượng, chủng loại, địa điểm giao nhận, thời gian giao hàng, phương tiện vận chuyển, thông tin người nhận và các yêu cầu đặc biệt liên quan đến hàng hóa.

Về mặt lý thuyết, việc tiếp nhận và kiểm tra kế hoạch giao hàng giúp doanh nghiệp chủ động trong công tác bố trí nhân sự, phương tiện và nguồn lực cần thiết cho quá trình vận chuyển. Đồng thời, bước này còn góp phần hạn chế sai sót trong giao nhận, đảm bảo hàng hóa được giao đúng đối tượng, đúng thời gian và đáp ứng các cam kết đã thỏa thuận với khách hàng. Vì vậy, nhận kế hoạch giao hàng được xem là cơ sở để triển khai hiệu quả các bước tiếp theo của quy trình giao nhận hàng hóa, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động logistics của doanh nghiệp.

Bước 2: Theo dõi quá trình giao hàng và kiểm tra bộ chứng từ

Sau khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải, người xuất khẩu sẽ gửi bộ chứng từ cho doanh nghiệp nhập khẩu để chuẩn bị làm thủ tục nhận hàng và khai báo hải quan.

Bộ chứng từ nhập khẩu thường bao gồm hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ và các chứng từ chuyên ngành khác nếu có. Theo bài giảng, doanh nghiệp cần kiểm tra kỹ các thông tin trên bộ chứng từ để tránh sai sót trong quá trình thông quan. Trong quá trình kiểm tra chứng từ, doanh nghiệp phải đối chiếu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng, số container, số seal và thông tin người nhận hàng giữa các chứng từ với nhau. Nếu phát hiện sai sót, doanh nghiệp cần yêu cầu nhà xuất khẩu điều chỉnh kịp thời trước khi hàng đến cảng.

Công việc này thường do nhân viên chứng từ hoặc phòng xuất nhập khẩu đảm nhận.

Bước 3: Nhận thông báo hàng đến và lấy lệnh giao hàng

Trước khi tàu cập cảng, hãng tàu hoặc đại lý vận tải sẽ gửi giấy thông báo hàng đến cho doanh nghiệp nhập khẩu. Đây là căn cứ để doanh nghiệp chuẩn bị thủ tục nhận hàng và khai báo hải quan.

Theo bài giảng, sau khi nhận được giấy báo hàng đến, doanh nghiệp sẽ tiến hành lấy lệnh giao hàng (D/O) từ hãng tàu hoặc đại lý vận tải.

Khi đến lấy lệnh giao hàng, doanh nghiệp cần chuẩn bị các chứng từ như giấy giới thiệu, vận đơn gốc hoặc giấy ủy quyền nhận hàng. Đồng thời doanh nghiệp phải thanh toán các khoản phí địa phương như phí D/O, phí vệ sinh container và các khoản phụ phí khác theo quy định của hãng tàu.

Bộ phận logistics hoặc nhân viên giao nhận là người trực tiếp thực hiện công việc này.

Bước 4: Xin giấy phép và thực hiện kiểm tra chuyên ngành

Đối với một số mặt hàng thuộc diện quản lý đặc biệt, doanh nghiệp cần thực hiện thủ tục xin giấy phép nhập khẩu hoặc đăng ký kiểm tra chuyên ngành trước khi làm thủ tục thông quan.

Theo bài giảng, các mặt hàng như hóa chất, thực phẩm, phân bón hoặc thiết bị chuyên ngành có thể phải thực hiện kiểm dịch, kiểm tra chất lượng hoặc công bố hợp quy theo quy định pháp luật.

Doanh nghiệp cần căn cứ vào mã HS của hàng hóa để xác định chính sách quản lý chuyên ngành và chuẩn bị hồ sơ phù hợp. Nếu không hoàn tất các thủ tục này, lô hàng sẽ không được thông quan hoặc bị kéo dài thời gian lưu kho bãi tại cảng.

Công việc này thường do phòng xuất nhập khẩu phối hợp với bộ phận pháp chế và nhân viên chứng từ thực hiện.

Bước 5: Khai báo hải quan điện tử

Khai báo hải quan là bước quan trọng nhất trong quy trình nhập khẩu hàng hóa. Theo bài giảng, “chuẩn bị chứng từ là khâu quan trọng nhất trong quá trình làm thủ tục hải quan”.

Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gồm hợp đồng, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ và các chứng từ liên quan, doanh nghiệp sẽ tiến hành khai báo hải quan điện tử thông qua hệ thống VNACCS/VCIS.

Doanh nghiệp sử dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử để nhập thông tin tờ khai và truyền dữ liệu lên hệ thống hải quan. Sau khi truyền thành công, hệ thống sẽ tự

động phân luồng tờ khai thành luồng xanh, luồng vàng hoặc luồng đỏ. Nhân viên khai báo hải quan hoặc đại lý hải quan là người trực tiếp thực hiện bước này.

Bước 6: Nộp thuế và làm thủ tục thông quan

Sau khi tờ khai được phân luồng, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật. Theo bài giảng, số tiền thuế sẽ được hiển thị trực tiếp trên tờ khai hải quan.

Đối với tờ khai luồng xanh, hệ thống sẽ tự động thông quan sau khi doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ thuế. Đối với luồng vàng, doanh nghiệp phải xuất trình hồ sơ giấy đề hải quan kiểm tra chứng từ. Trong trường hợp luồng đỏ, doanh nghiệp phải thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa tại cảng.

Trong quá trình kiểm hóa, cơ quan hải quan sẽ kiểm tra số lượng, chủng loại, nhãn mác và tình trạng thực tế của hàng hóa nhằm đối chiếu với thông tin khai báo trên tờ khai.

Bước này được thực hiện bởi nhân viên giao nhận, nhân viên hải quan và cơ quan hải quan cửa khẩu.

Bước 7: Thanh lý tờ khai và nhận hàng

Sau khi tờ khai được thông quan, doanh nghiệp tiến hành in mã vạch tờ khai và thực hiện thủ tục thanh lý tại hải quan giám sát cảng. Theo bài giảng, doanh nghiệp phải nộp mã vạch cùng tờ khai đã thông quan để hải quan xác nhận cho phép đưa hàng ra khỏi khu vực giám sát.

Sau khi hoàn tất thanh lý, doanh nghiệp đến phòng thương vụ cảng để in phiếu EIR và làm thủ tục nhận container.

Bộ phận giao nhận và logistics là đơn vị trực tiếp thực hiện công việc này.

Bước 8: Vận chuyển hàng hóa về kho và trả container rỗng

Sau khi nhận hàng tại cảng, doanh nghiệp điều xe container vận chuyển hàng về kho để tiến hành rút hàng. Trước khi rút hàng doanh nghiệp cần kiểm tra kỹ tình trạng seal container, chụp hình hiện trạng container và kiểm tra các hư hỏng nếu có nhằm tránh phát sinh chi phí sửa chữa container sau này.

Sau khi rút hàng xong, doanh nghiệp phải trả container rỗng về đúng địa điểm và thời gian quy định của hãng tàu để tránh bị phạt phí lưu container.

Công việc này thường do bộ phận kho vận, tài xế container và phòng logistics thực hiện.

Bước 9: Hoàn tất hồ sơ chuyên ngành và lưu trữ chứng từ

Sau khi hoàn tất việc nhận hàng, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn lại đối với cơ quan quản lý chuyên ngành nếu có. Một số mặt hàng như điện thoại, thiết bị điện tử hoặc máy tính cần bổ sung kết quả kiểm định hoặc chứng nhận hợp quy sau thông quan.

Cuối cùng, doanh nghiệp phải lưu trữ toàn bộ hồ sơ chứng từ nhập khẩu phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan, thanh tra thuế hoặc giải quyết tranh chấp phát sinh. người khai hải quan phải lưu giữ chứng từ trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày thông quan hàng hóa.

Công việc lưu trữ chứng từ thường do phòng kế toán, phòng xuất nhập khẩu và bộ phận lưu trữ hồ sơ đảm nhận.

❖ *Lưu ý* : Trước khi nhập khẩu, doanh nghiệp cần kiểm tra xem mặt hàng có thuộc danh mục được phép nhập khẩu vào Việt Nam hay không. Đồng thời, doanh nghiệp phải lựa chọn nhà cung cấp đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận.

Trong quá trình làm thủ tục nhập khẩu, doanh nghiệp cần chuẩn bị đầy đủ bộ chứng từ gồm hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại, vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận kiểm dịch động vật và giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Đối với một số mặt hàng đặc biệt, doanh nghiệp còn phải thực hiện kiểm tra chất lượng hoặc công bố an toàn thực phẩm theo quy định.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần lưu ý đến các quy định về thuế nhập khẩu, thời hạn sử dụng hàng hóa và tiêu chuẩn ghi nhãn sản phẩm. Việc không tuân thủ đúng quy định có thể dẫn đến tình trạng hàng hóa bị lưu kho kéo dài, phát sinh chi phí lớn hoặc bị từ chối thông quan.

Theo quy định của Luật An toàn thực phẩm 2010 và Luật Thú y 2015, thực phẩm có nguồn gốc động vật nhập khẩu phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về kiểm dịch, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc trước khi lưu thông tại thị trường Việt Nam.

1.4. Các quy định pháp lý và hệ thống chứng từ

1.4.1. Các quy định pháp lý liên quan

Hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tại Việt Nam chịu sự quản lý chặt chẽ của nhiều cơ quan chức năng như Hải quan, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương và Bộ Y tế. Do đây là mặt hàng ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe

người tiêu dùng nên doanh nghiệp nhập khẩu phải tuân thủ đầy đủ các quy định về hải quan, kiểm dịch động vật, an toàn thực phẩm và bảo quản lạnh.

Một số văn bản pháp lý quan trọng liên quan đến hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh gồm:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu;
- Luật Thú y số 79/2015/QH13 quy định về kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật nhập khẩu;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Các quy định về biểu thuế xuất nhập khẩu và mã HS do Bộ Tài chính ban hành;
- Quy định của Tổng cục Hải quan về khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS.

Ngoài các quy định pháp luật của Việt Nam, doanh nghiệp còn phải tuân thủ các yêu cầu của nước xuất khẩu liên quan đến tiêu chuẩn vệ sinh thú y, điều kiện bảo quản lạnh và chứng nhận an toàn thực phẩm.

Đối với thực phẩm động vật đông lạnh nhập khẩu bằng container lạnh (Reefer Container), doanh nghiệp phải đảm bảo duy trì nhiệt độ bảo quản phù hợp trong suốt quá trình vận chuyển, lưu kho và giao nhận hàng hóa nhằm tránh ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp nhập khẩu cần thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới để hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình thông quan và kiểm tra chuyên ngành.

1.4.2. Hệ thống chứng từ trong nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh.

Trong quy trình nhập khẩu, bộ chứng từ là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện thanh toán quốc tế, khai báo hải quan, đăng ký kiểm dịch và nhận hàng tại cảng. Bộ chứng từ nhập khẩu thường bao gồm các chứng từ sau:

1.4.2.1. Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract)

Hợp đồng ngoại thương là văn bản thỏa thuận giữa bên mua và bên bán ở hai quốc gia khác nhau về việc mua bán hàng hóa quốc tế. Nội dung chủ yếu của hợp đồng gồm: tên hàng hóa, số lượng, chất lượng, giá cả, điều kiện giao hàng, phương thức thanh toán, điều khoản bảo hiểm và giải quyết tranh chấp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhất của giao dịch nhập khẩu, đồng thời là căn cứ để mở L/C, thực hiện thanh toán quốc tế và làm thủ tục hải quan.

1.4.2.2. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Hóa đơn thương mại là chứng từ do người bán phát hành nhằm yêu cầu người mua thanh toán tiền hàng. Nội dung cơ bản gồm thông tin người mua và người bán, tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, tổng giá trị hàng hóa và điều kiện giao hàng. Chứng từ này là căn cứ để thanh toán quốc tế, xác định trị giá tính thuế và thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu.

1.4.2.3. Phiếu đóng gói (Packing List)

Packing List là chứng từ thể hiện chi tiết quy cách đóng gói hàng hóa. Nội dung thường bao gồm số lượng kiện hàng, trọng lượng, kích thước và hình thức đóng gói. Chứng từ này giúp hỗ trợ kiểm hóa, thuận tiện trong quá trình giao nhận, lưu kho và đối chiếu khi nhận hàng.

1.4.2.4. Vận đơn (Bill of Lading – B/L)

Vận đơn là chứng từ do hãng vận tải phát hành nhằm xác nhận đã nhận hàng để vận chuyển. Vận đơn có chức năng là biên lai nhận hàng, bằng chứng của hợp đồng vận tải và chứng từ sở hữu hàng hóa. Một số loại vận đơn phổ biến gồm vận đơn đường biển (Ocean Bill of Lading), vận đơn hàng không (Airway Bill – AWB), vận đơn đích danh, vận đơn theo lệnh và vận đơn surrendered.

1.4.2.5. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Certificate of Origin – C/O)

C/O là chứng từ xác nhận nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Chứng từ này giúp doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế quan theo các hiệp định thương mại, đồng thời là căn cứ xác định mức thuế nhập khẩu ưu đãi và chứng minh nguồn gốc hàng hóa nhập khẩu.

1.4.2.6. Tờ khai hải quan

Tờ khai hải quan là chứng từ do doanh nghiệp lập để khai báo thông tin hàng hóa với cơ quan hải quan. Đây là căn cứ để cơ quan hải quan kiểm tra, thông quan hàng hóa

và xác định các khoản thuế phải nộp như thuế nhập khẩu, thuế GTGT. Hiện nay, doanh nghiệp chủ yếu thực hiện khai báo qua hệ thống hải quan điện tử VNACCS/VCIS.

1.4.2.7. Giấy chứng nhận bảo hiểm (Insurance Certificate)

Giấy chứng nhận bảo hiểm là chứng từ xác nhận hàng hóa đã được mua bảo hiểm trong quá trình vận chuyển quốc tế. Chứng từ này có vai trò bảo vệ quyền lợi của chủ hàng khi xảy ra rủi ro, là căn cứ yêu cầu bồi thường bảo hiểm và thường được sử dụng trong thanh toán L/C. Tùy theo điều kiện giao hàng như CIF hoặc CIP mà trách nhiệm mua bảo hiểm thuộc về người bán hoặc người mua.

1.4.2.8. Lệnh giao hàng (Delivery Order – D/O)

Lệnh giao hàng là chứng từ do hãng tàu hoặc đại lý phát hành cho phép người nhận đến cảng nhận hàng. Đây là chứng từ cần thiết trong khâu giao nhận hàng hóa nhập khẩu và là căn cứ để nhận container hoặc hàng tại cảng.

1.4.2.9. Giấy chứng nhận hàng đến (Arrival Notice)

Giấy báo hàng đến là thông báo của hãng tàu hoặc đại lý vận tải về thời gian và địa điểm hàng đến cảng. Chứng từ này giúp doanh nghiệp chủ động chuẩn bị hồ sơ nhận hàng, thực hiện khai báo hải quan và thanh toán các chi phí địa phương liên quan.

1.4.2.10. Các chứng từ chuyên ngành trong nhập khẩu

Ngoài bộ chứng từ cơ bản, tùy từng loại hàng hóa mà doanh nghiệp cần chuẩn bị thêm các chứng từ chuyên ngành.

a) Giấy phép nhập khẩu

Giấy phép nhập khẩu là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cho phép doanh nghiệp nhập khẩu một số mặt hàng đặc biệt. Chứng từ này thường áp dụng đối với các mặt hàng như hóa chất, thiết bị y tế, phế liệu, máy móc chuyên dụng và các hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện. Đối với các mặt hàng nhập khẩu có điều kiện, doanh nghiệp phải xin giấy phép trước khi mở tờ khai hải quan.

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch

Giấy chứng nhận kiểm dịch là chứng từ xác nhận hàng hóa đã được kiểm dịch theo quy định của pháp luật. Bao gồm kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật và kiểm dịch y tế. Chứng từ này có vai trò đảm bảo an toàn dịch bệnh và là điều kiện bắt buộc để thông quan đối với nhiều mặt hàng nông sản, thực phẩm nhập khẩu.

c) Giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng

Giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng là chứng từ xác nhận hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật. Chứng từ này giúp đảm bảo chất lượng hàng hóa nhập khẩu và là điều kiện để thông quan đối với các mặt hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành.

d) Giấy đăng ký kiểm tra an toàn thực phẩm

Giấy đăng ký kiểm tra an toàn thực phẩm là chứng từ đăng ký kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng thực phẩm nhập khẩu. Chứng từ này có vai trò đảm bảo hàng hóa an toàn cho người tiêu dùng và là điều kiện bắt buộc trước khi thông quan.

e) Phiếu an toàn hóa chất (MSDS)

Phiếu an toàn hóa chất (MSDS) là tài liệu kỹ thuật cung cấp thông tin về đặc tính, mức độ nguy hiểm và cách xử lý hóa chất. Chứng từ này giúp đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển, lưu kho và sử dụng hóa chất. Đối với nhiều loại hóa chất nhập khẩu, MSDS là chứng từ bắt buộc. Theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP, hóa chất nhập khẩu phải được khai báo qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước khi thông quan.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã trình bày cơ sở lý luận về hoạt động nhập khẩu hàng hóa và quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container trong lĩnh vực logistics. Nội dung chương tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động nhập khẩu; đồng thời phân tích đặc điểm của thực phẩm động vật đông lạnh, các yêu cầu về kiểm dịch, bảo quản lạnh và truy xuất nguồn gốc. Bên cạnh đó, chương cũng trình bày tổng quan quy trình nhập khẩu hàng hóa, các chứng từ và quy định pháp luật liên quan làm nền tảng cho việc nghiên cứu thực trạng tại doanh nghiệp ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH NHẬP KHẨU HÀNG THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT ĐÔNG LẠNH NGUYÊN CONTAINER TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MELODY LOGISTICS TẠI ĐÀ NẴNG

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Melody Logistics

2.1.1. Giới thiệu tổng quan về công ty

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH MELODY LOGISTICS
- Tên quốc tế: MELODY LOGISTICS COMPANY LIMITED
- Mã số thuế: 0309499306
- Địa chỉ: Tòa nhà Melody, 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường Đức Nhuận, TP. HCM, Việt Nam.
- Điện thoại: + 84 28 355 11 657
- Fax: + 84 28 355 11 675
- Website: <https://www.melodylogistics.com/>
- Email: info@melodylogistics.com



(Nguồn: Website công ty)

Hình 2.1 Logo công ty TNHH Melody Logistics

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH Melody Logistics được thành lập vào năm 2009 tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giao nhận vận tải và dịch vụ logistics quốc tế. Ngay từ khi đi vào hoạt động, công ty đã định hướng phát triển theo mô hình logistics tích hợp nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa ngày càng đa dạng của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Với phương châm hoạt động hướng đến chất

lượng dịch vụ, hiệu quả vận chuyển và sự hài lòng của khách hàng, Melody Logistics từng bước xây dựng được uy tín và vị thế trên thị trường logistics Việt Nam.

Trong giai đoạn đầu thành lập, công ty tập trung phát triển các dịch vụ vận tải đường biển và thực hiện thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu. Nhờ nắm bắt được xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động thương mại, công ty đã không ngừng mở rộng quy mô hoạt động sang nhiều lĩnh vực khác như vận tải hàng không, vận tải nội địa, vận tải đa phương thức, dịch vụ kho bãi và phân phối hàng hóa. Đồng thời, Melody Logistics cũng tăng cường hợp tác với các hãng tàu, hãng hàng không và các đối tác logistics quốc tế nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng mạng lưới vận chuyển toàn cầu.

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, Melody Logistics đã xây dựng được hệ thống chi nhánh và văn phòng đại diện tại nhiều tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ. Việc mở rộng mạng lưới hoạt động giúp công ty nâng cao khả năng kết nối vận tải giữa các khu vực kinh tế trọng điểm, đồng thời đáp ứng nhanh chóng nhu cầu giao nhận hàng hóa của khách hàng trên phạm vi cả nước. Bên cạnh đó, công ty còn là thành viên của nhiều tổ chức logistics uy tín như WCA, FIATA và VLA, qua đó khẳng định năng lực hoạt động và khả năng hội nhập quốc tế của doanh nghiệp.

Hiện nay, Công ty TNHH Melody Logistics đang từng bước khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp logistics có tốc độ phát triển ổn định tại Việt Nam. Với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, tác phong làm việc chuyên nghiệp cùng định hướng phát triển bền vững, công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang đến cho khách hàng những giải pháp logistics tối ưu, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam.

2.1.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

2.1.3.1. Tầm nhìn

Công ty TNHH Melody Logistics – Chi nhánh Đà Nẵng hướng đến mục tiêu trở thành một trong những đơn vị logistics uy tín tại khu vực miền Trung, đóng vai trò cầu nối quan trọng trong chuỗi cung ứng và hoạt động giao nhận vận tải trong nước cũng như quốc tế. Chi nhánh không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới hợp tác và ứng dụng các giải pháp logistics hiện đại nhằm đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

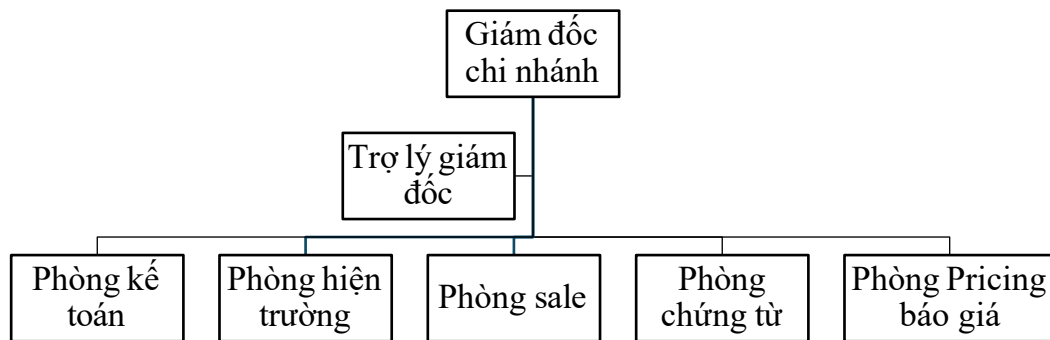
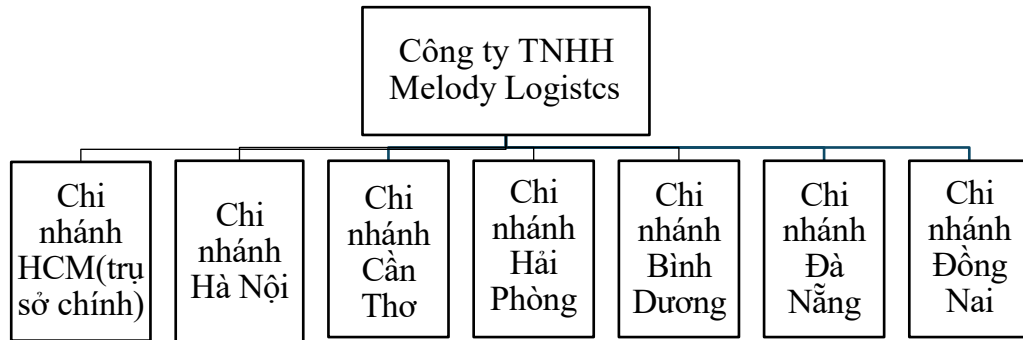
2.1.3.2. Sứ mệnh

Melody Logistics luôn đặt mục tiêu mang đến cho khách hàng các giải pháp logistics hiệu quả, an toàn và tối ưu chi phí thông qua hệ thống dịch vụ chuyên nghiệp cùng quy trình làm việc linh hoạt. Chi nhánh chú trọng xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững với khách hàng, đối tác và các đơn vị vận tải nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hóa. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và tạo điều kiện để nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn.

2.1.3.3. Giá trị cốt lõi

- Uy tín: Luôn đảm bảo tính chính xác, minh bạch và đúng cam kết trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Chuyên nghiệp: Xây dựng đội ngũ nhân viên có chuyên môn nghiệp vụ cao, tác phong làm việc nhanh chóng và hiệu quả.
- Hợp tác: Đề cao tinh thần hợp tác lâu dài với khách hàng, đối tác và giữa các bộ phận trong doanh nghiệp nhằm tạo nên hiệu quả hoạt động tốt nhất.
- Đổi mới: Không ngừng cải tiến quy trình làm việc, nâng cao chất lượng dịch vụ và thích ứng với sự thay đổi của thị trường logistics.
- Khách hàng là trung tâm: Luôn lắng nghe và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, xem sự hài lòng của khách hàng là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức của công ty



(Nguồn: Nội bộ công ty)

Công ty TNHH Melody Logistics xây dựng cơ cấu tổ chức theo mô hình quản lý phân chia theo khu vực nhằm đảm bảo tính linh hoạt và nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực logistics và giao nhận vận tải quốc tế. Hiện nay, công ty có hệ thống trụ sở chính và các chi nhánh hoạt động tại nhiều tỉnh, thành phố trọng điểm như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ. Việc mở rộng mạng lưới chi nhánh giúp doanh nghiệp tăng khả năng kết nối vận tải giữa các khu vực, đồng thời đáp ứng nhanh chóng nhu cầu vận chuyển hàng hóa trong nước và quốc tế của khách hàng. Đây là hình thức chia team theo từng chi nhánh và từng khu vực để hợp lý hóa trong việc handle hàng hoá, để cho các khâu của các bộ phận liên kết với nhau.

Trong cơ cấu tổ chức của công ty, trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh đóng vai trò là trung tâm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển, hoạch định chính sách kinh doanh và quản lý hoạt động của các chi nhánh trên toàn quốc. Dưới sự điều hành của Ban Giám đốc là hệ thống các chi nhánh khu vực, mỗi chi nhánh hoạt động như một đơn vị độc lập tương đối nhưng vẫn có sự liên kết và phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hoạt động logistics của doanh nghiệp.

Tại mỗi chi nhánh như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng đều có Giám đốc chi nhánh trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh tại khu vực phụ trách. Giám đốc chi nhánh có nhiệm vụ quản lý nhân sự, xây dựng kế hoạch kinh doanh, phát triển khách hàng và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của chi nhánh trước Ban Giám đốc công ty. Đặc biệt, Chi nhánh Melody Logistics tại Đà Nẵng được thành lập từ năm 2016, là đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH Melody Logistics và hiện đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ vận tải và giao nhận hàng hóa.

Dưới sự quản lý của Giám đốc chi nhánh là các phòng ban chuyên môn được phân chia theo chức năng nghiệp vụ nhằm hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động giao nhận và vận tải. Cụ thể bao gồm:

- a) Phòng Sales (Kinh doanh): Là bộ phận chịu trách nhiệm tìm kiếm khách hàng, tư vấn dịch vụ logistics, đàm phán ký kết hợp đồng và chăm sóc khách hàng. Đây là bộ phận đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường và gia tăng doanh thu cho công ty.
- b) Phòng Pricing: Có nhiệm vụ cập nhật giá cước vận tải từ các hãng tàu, hãng hàng không và đối tác logistics; đồng thời thực hiện báo giá dịch vụ cho khách hàng và hỗ trợ bộ phận kinh doanh trong quá trình tư vấn dịch vụ.
- c) Phòng Operations (OPS): Chịu trách nhiệm điều phối và theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa, làm việc với hãng tàu, cảng biển, kho bãi và các đơn vị vận tải nhằm đảm bảo hàng hóa được giao nhận đúng thời gian và đúng yêu cầu của khách hàng.
- d) Phòng Chứng từ (Documentation): Thực hiện kiểm tra, xử lý và lưu trữ các chứng từ liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như Invoice, Packing List, Bill of Lading, tờ khai hải quan và các chứng từ vận tải khác nhằm đảm bảo tính chính xác và hợp lệ của hồ sơ.
- e) Phòng Kế toán – Tài chính: Thực hiện các nghiệp vụ tài chính, kế toán, quản lý công nợ, thanh toán chi phí và theo dõi doanh thu của từng chi nhánh cũng như của toàn công ty.

Ngoài ra, giữa các chi nhánh của Melody Logistics luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong việc xử lý chứng từ, hỗ trợ khách hàng và kết nối vận tải giữa các khu vực nhằm đảm bảo quá trình giao nhận hàng hóa được diễn ra nhanh chóng và hiệu quả. Với mô hình tổ chức theo hướng chuyên môn hóa kết hợp quản lý theo khu vực, Công ty TNHH

Melody Logistics có thể nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa quy trình làm việc và đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng trong lĩnh vực logistics.

2.1.5. Ngành nghề kinh doanh

2.1.5.1. Vận tải đường biển

Melody Logistics hoạt động với vai trò là NVOCC, cung cấp các giải pháp vận tải đường biển hiệu quả với chi phí cạnh tranh cho khách hàng có nhu cầu xuất nhập khẩu. Công ty duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với nhiều hãng tàu uy tín trên thế giới như APL, CMA-CGM, OOCL, ZIM, CK LINE, PIL, WAN HAI, YML, MSC... nhằm cung cấp cho khách hàng thông tin đầy đủ về lịch tàu, lộ trình vận chuyển và cước phí phù hợp.

Trong lĩnh vực vận tải đường biển, Melody Logistics cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng nguyên container (FCL) và hàng lẻ (LCL), cũng như dịch vụ door-to-door từ và đến các cảng lớn trên thế giới thông qua mạng lưới đại lý quốc tế rộng khắp. Dịch vụ gom hàng lẻ (consol) là một trong những thế mạnh của công ty, với các tuyến thường xuyên đi khu vực châu Á và mở rộng sang thị trường EU và Hoa Kỳ.

2.1.5.2. Vận tải đường hàng không

Melody Logistics cung cấp dịch vụ vận tải hàng không nội địa và quốc tế thông qua việc hợp tác với nhiều hãng hàng không uy tín như Malaysia Airlines (MH), Turkish Airlines (TK), Vietnam Airlines (VN), Cathay Pacific (CX), Singapore Airlines (SQ)... Dịch vụ vận tải hàng không được triển khai từ các sân bay chính của Việt Nam như Tân Sơn Nhất (SGN), Nội Bài (HAN), Đà Nẵng (DAD) đến các sân bay trên toàn thế giới và ngược lại.

Bên cạnh đó, Melody Logistics được cấp chứng chỉ IATA, cho phép công ty thực hiện vận chuyển các mặt hàng đặc thù như hàng mau hỏng và hàng nguy hiểm theo đúng quy định quốc tế. Ngoài vận tải quốc tế, công ty còn cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa với mức cước phù hợp và thời gian giao hàng nhanh chóng.

2.1.5.3. Vận tải đường bộ

Melody Logistics cung cấp dịch vụ vận tải nội địa bằng đường bộ, đường sông và đường sắt, phục vụ vận chuyển hàng hóa trong phạm vi nội địa và giữa Việt Nam với Lào, Campuchia. Công ty sở hữu đội ngũ lái xe chuyên nghiệp và trang bị các phương tiện, thiết bị phù hợp, bao gồm cả vận chuyển container lạnh nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển.

2.1.5.4. Dịch vụ khai báo hải quan

Melody Logistics cung cấp dịch vụ khai báo hải quan từ năm 2009, với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Công ty cung cấp dịch vụ khai báo hải quan trọn gói cho các lô hàng xuất nhập khẩu, bao gồm tư vấn hồ sơ, truyền tờ khai hải quan, thực hiện thủ tục thông quan, kiểm tra thực tế hàng hóa và phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan. Với sự am hiểu về quy trình và các quy định pháp luật trong lĩnh vực hải quan, dịch vụ khai báo hải quan của Melody Logistics góp phần hỗ trợ khách hàng rút ngắn thời gian thông quan và đảm bảo quá trình xuất nhập khẩu được thực hiện đúng quy định.

2.1.5.5 Dịch vụ chuyển phát nhanh

Melody Logistics hiện là đối tác của các nhà cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế như DHL, FEDEX, TNT, UPS,... Chúng tôi có thể đáp ứng được các nhu cầu vận chuyển chứng từ, hàng hóa hỏa tốc trong nước cũng như quốc tế. Ngoài ra mảng chuyển phát nhanh của chúng tôi cũng sẽ cung cấp dịch vụ vận chuyển các mặt hàng cá nhân, hàng thương mại điện tử,... với giá cả hợp lý và thời gian nhanh chóng.

2.1.5.6. Dịch vụ kho bãi

Melody Group cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi đa dạng theo nhu cầu Khách Hàng từ kho bãi truyền thống đến các loại kho bãi chuyên dụng như: kho lạnh, kho ngoại quan, kho CFS... theo thời gian và diện tích. cung cấp dịch vụ đóng kiện, đóng gói, bao bì cho tất cả các loại hàng hóa đảm bảo đúng tiêu chuẩn và theo yêu cầu của khách hàng với chi phí tối ưu. Ngoài ra Melody logistics còn cung cấp dịch vụ dán shipping mart, kiểm đếm hàng hóa, giám định hàng hóa Khách Hàng có yêu cầu

2.1.5.7. Bảo hiểm hàng hóa

Melody Logistics cung cấp dịch vụ bảo hiểm hàng hóa nhằm bảo vệ quyền lợi và giảm thiểu rủi ro cho khách hàng trong quá trình vận chuyển. Công ty hỗ trợ tư vấn các gói bảo hiểm phù hợp với từng loại hàng hóa, tuyến vận chuyển và phương thức giao nhận nhằm hạn chế tổn thất phát sinh trong quá trình lưu thông hàng hóa.

Thông qua dịch vụ này, khách hàng có thể yên tâm hơn khi thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, đồng thời nâng cao mức độ an toàn và đảm bảo giá trị hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển.

2.1.6. Nguồn lực của công ty

2.1.6.1 Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất là một trong những nguồn lực quan trọng quyết định năng lực hoạt động và chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp trong ngành logistics. Đối với Melody Logistics - một doanh nghiệp giao nhận và logistics hoạt động đa dạng các dịch vụ - cơ sở vật chất không chỉ góp phần đảm bảo hiệu quả vận hành logistics mà còn là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng trên thị trường.

a) Hệ thống văn phòng và các chi nhánh

Melody Logistics sở hữu mạng lưới văn phòng và chi nhánh tại nhiều khu vực kinh tế trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu giao nhận hàng hóa và hỗ trợ khách hàng nhanh chóng. Việc đặt văn phòng tại các thành phố lớn giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc kết nối với khách hàng, đối tác và mở rộng phạm vi hoạt động trên thị trường logistics.

Bên cạnh đó, hệ thống chi nhánh được phân bố hợp lý còn giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng điều phối công việc, tăng tính linh hoạt trong quá trình xử lý đơn hàng và hỗ trợ khách hàng kịp thời tại từng khu vực. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Cụ thể sau đây:

Bảng 2.1 Bảng hệ thống văn phòng và các chi nhánh của công ty

Khu vực / Chi nhánh	Địa chỉ chính thức	Vai trò chính
Trụ sở chính - TP. Hồ Chí Minh	Tầng 10 - Tòa nhà Melody, Quận 1, TP. HCM	Điều hành tổng thể, đội ngũ lãnh đạo, chiến lược doanh nghiệp
Chi nhánh Hà Nội	Số 55 Phố Nguyễn Xiển, Thanh Xuân, Hà Nội	Đảm nhiệm thị trường phía Bắc, điều phối vận tải quốc tế & nội địa
Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 12A, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Đà Nẵng	Điều phối dịch vụ đăng ký hàng hải, hàng không trung tâm miền Trung
Chi nhánh Hải Phòng	KCN vsip, Hải Phòng	Phục vụ khai thác cảng biển lớn, kết nối đường biển – đường bộ

Chi nhánh Đồng Nai	Khu A, Biên Hòa, Đồng Nai	Trung tâm logistic vùng Đông Nam Bộ
Chi nhánh Bình Dương	Đường Mỹ Phước – Tân Vạn	Điều phối nền tảng chuyển phát nhANH và vận tải liên vùng
Chi nhánh Cần Thơ	Quận Ninh Kiều	Hỗ trợ dịch vụ logistics tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long

b) Trang thiết bị, kho bãi và hệ thống logistics

Hệ thống trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động logistics của doanh nghiệp được đầu tư tương đối đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ, vận chuyển và giao nhận hàng hóa.

- Kho bãi và bãi container: Doanh nghiệp sở hữu và liên kết với các kho hàng nằm gần các cảng lớn như Hải Phòng, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng 25.000 – 30.000 m². Bên cạnh đó, hệ thống bãi container được bố trí phục vụ lưu trữ container rỗng, container chờ đóng hàng và container chờ rút ruột.

- Thiết bị xếp dỡ: Doanh nghiệp sử dụng nhiều loại thiết bị hỗ trợ xếp dỡ như máy nâng hạ, thiết bị nâng pallet và xe nâng từ 3 – 5 tấn nhằm đáp ứng nhu cầu di chuyển hàng hóa nặng, hàng rời và nâng cao hiệu quả trong quá trình khai thác hàng hóa.

c) Phần mềm và công nghệ

Melody Logistics chú trọng đầu tư và ứng dụng các phần mềm, hệ thống công nghệ trong hoạt động quản lý và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ logistics và tối ưu hóa quy trình làm việc nội bộ.

Doanh nghiệp sử dụng hệ thống phần mềm quản lý nội bộ để theo dõi tiến độ vận tải, cập nhật tình trạng lô hàng và kiểm soát quá trình xử lý đơn hàng theo thời gian thực, qua đó giúp hạn chế sai sót và nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận. Bên cạnh đó, Melody Logistics triển khai hệ thống CRM – ERP nhằm đồng bộ dữ liệu và kết nối thông tin giữa các phòng ban như kinh doanh, chứng từ, điều vận và kế toán. Việc ứng dụng hệ thống này giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý khách hàng, kiểm soát quy trình xử lý công việc cũng như hỗ trợ công tác báo cáo và lưu trữ dữ liệu một cách khoa học hơn. Trong hoạt động trao đổi thông tin và giao dịch với khách hàng, doanh nghiệp sử dụng nền tảng thư điện tử Zoho Mail nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp, ổn định và bảo mật trong quá trình liên lạc nội bộ cũng như làm việc với đối tác quốc tế. Ngoài ra, công ty còn ứng dụng phần mềm Elsa để quản lý và theo dõi chi phí

của từng lô hàng, hỗ trợ kiểm soát doanh thu – chi phí, tính toán lợi nhuận và đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn hàng một cách chính xác và minh bạch hơn.

Melody Logistics còn áp dụng hệ thống VNACCS/VCIS trong hoạt động khai báo hải quan điện tử, góp phần rút ngắn thời gian xử lý tờ khai và đảm bảo tuân thủ các quy định của cơ quan hải quan. Việc kết hợp giữa các phần mềm quản lý và hệ thống công nghệ hỗ trợ giúp doanh nghiệp giảm thiểu thao tác thủ công, nâng cao tốc độ xử lý chứng từ và tối ưu hiệu quả vận hành trong hoạt động logistics.

Nhìn chung, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng đã góp phần nâng cao năng lực quản lý, cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của Melody Logistics trong bối cảnh ngành logistics ngày càng phát triển theo hướng số hóa và tự động hóa.

2.1.6.2 Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là nguồn lực sống còn đối với doanh nghiệp, đặc biệt trong một lĩnh vực đòi hỏi tính phối hợp cao như logistics. Melody Logistics không chỉ cần nhân sự có kiến thức logistics mà còn đòi hỏi kỹ năng chuyên môn thực tế, khả năng phối hợp liên bộ phận và xử lý tình huống tại hiện trường.

Bảng 2.2 Bảng nhân sự của công ty năm 2025

Phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I. Phân chia theo công việc		
Ban lãnh đạo	4	3,33
Nhân viên kinh doanh (Sales)	38	31,67
Nhân viên chứng từ	24	20,00
Nhân viên hiện trường (Giao nhận)	7	5,83
Nhân viên điều vận	18	15,00
Hỗ trợ & IT	9	7,50
Kế toán & Hành chính	20	16,67
Tổng cộng	120	100
II. Phân chia theo trình độ		
Trên Đại học	8	6,67
Đại học / Cao đẳng	90	75,00
Trung cấp / Lao động phổ thông	22	18,33
Tổng cộng	120	100

III. Phân chia theo giới tính		
Nam	66	55,00
Nữ	54	45,00
Tổng cộng	120	100

Căn cứ vào Bảng 2.2 có thể thấy quy mô nguồn nhân lực của Melody Logistics năm 2025 đạt khoảng 120 nhân viên, thể hiện sự phát triển tương đối ổn định của doanh nghiệp trong lĩnh vực giao nhận và logistics quốc tế. Với đặc thù hoạt động trải rộng ở nhiều mảng như vận tải quốc tế, khai báo hải quan, vận tải nội địa và dịch vụ khách hàng, cơ cấu nhân sự của công ty được phân bổ theo hướng tập trung mạnh vào các bộ phận nghiệp vụ và kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường và chăm sóc khách hàng.

Xét theo cơ cấu công việc, bộ phận kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất với 38 nhân viên, tương ứng 31,67% tổng số lao động. Điều này phản ánh đặc điểm thực tế của các doanh nghiệp logistics hiện nay khi hoạt động cạnh tranh chủ yếu dựa vào năng lực tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới đối tác và phát triển doanh số. Đội ngũ sales đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn giải pháp vận chuyển, chăm sóc khách hàng và duy trì quan hệ với các đại lý trong và ngoài nước.

Bộ phận chứng từ có 24 nhân viên, chiếm 20,00%, đảm nhận các công việc liên quan đến xử lý hồ sơ xuất nhập khẩu, khai báo hải quan, theo dõi lịch tàu và phối hợp với khách hàng trong quá trình giao nhận hàng hóa. Đây là bộ phận có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo tính chính xác và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ logistics.

Bộ phận điều vận gồm 18 nhân viên, chiếm 15,00%, chịu trách nhiệm điều phối phương tiện vận tải, sắp xếp lịch giao nhận và theo dõi tiến độ vận chuyển hàng hóa. Trong khi đó, bộ phận kế toán – hành chính có 20 nhân viên, chiếm 16,67%, thực hiện công tác tài chính, quản lý nhân sự và hỗ trợ hoạt động vận hành nội bộ của doanh nghiệp. Bộ phận hỗ trợ và IT với 9 nhân viên, chiếm 7,50%, có nhiệm vụ quản lý hệ thống công nghệ thông tin, hỗ trợ kỹ thuật và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu trong hoạt động logistics.

Đáng chú ý, bộ phận hiện trường (giao nhận) chỉ gồm 7 nhân viên, chiếm 5,83% tổng số lao động. Tỷ lệ này tương đối phù hợp với xu hướng hoạt động của nhiều doanh nghiệp logistics hiện nay khi phần lớn nghiệp vụ hiện trường được tối ưu hóa thông qua

hệ thống đại lý, đối tác vận tải và dịch vụ thuê ngoài. Do đó, doanh nghiệp không cần duy trì số lượng lớn nhân sự giao nhận trực tiếp mà tập trung nhiều hơn vào công tác điều phối, quản lý khách hàng và xử lý chứng từ.

Xét theo trình độ chuyên môn, nguồn nhân lực của Melody Logistics có chất lượng tương đối cao khi lao động có trình độ đại học và cao đẳng chiếm 75,00% tổng số nhân sự. Điều này cho thấy doanh nghiệp chú trọng tuyển dụng đội ngũ nhân viên có chuyên môn phù hợp với đặc thù ngành logistics và xuất nhập khẩu. Lao động có trình độ trên đại học chiếm 6,67%, chủ yếu đảm nhiệm các vị trí quản lý và hoạch định chiến lược. Trong khi đó, lao động trung cấp và lao động phổ thông chiếm 18,33%, tập trung ở các vị trí hỗ trợ vận hành và hiện trường.

Xét theo giới tính, cơ cấu lao động của công ty tương đối cân đối với lao động nam chiếm 55,00% và lao động nữ chiếm 45,00%. Lao động nam chủ yếu làm việc ở các bộ phận điều vận, hiện trường và vận hành, trong khi lao động nữ tập trung nhiều ở các bộ phận chứng từ, kế toán và chăm sóc khách hàng. Sự phân bổ này phù hợp với tính chất công việc của ngành logistics, đồng thời góp phần tạo nên môi trường làm việc linh hoạt và hiệu quả.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn nhân lực của Melody Logistics năm 2025 được tổ chức theo hướng phù hợp với mô hình hoạt động của doanh nghiệp logistics hiện đại, trong đó chú trọng phát triển đội ngũ kinh doanh, chứng từ và điều phối nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

2.1.6.3. Nguồn lực tài chính

a) Nguồn vốn

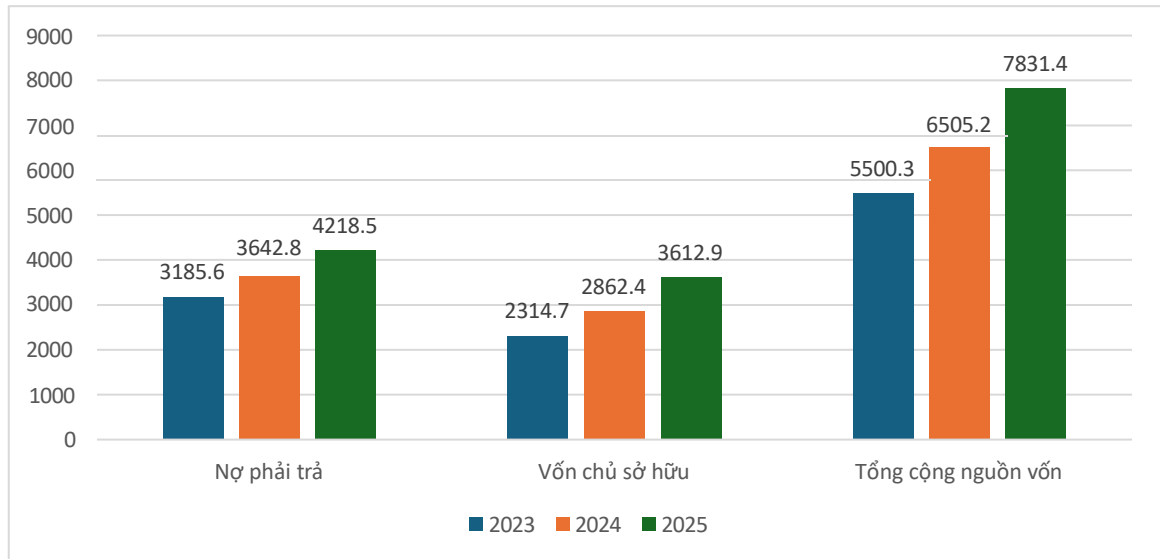
Bảng 2.3 Bảng tình hình nguồn vốn của công ty giai đoạn 2023-2025

(Đơn vị: Triệu đồng)

Nguồn vốn	2023	2024	2025	Chênh lệch			
				2024/2023 (+/-)	2024/2023 (%)	2025/2024 (+/-)	2025/2024 (%)
A. Nợ phải trả	3.185,60	3.642,80	4.218,50	457,20	14,35	575,70	15,80
I. Nợ ngắn hạn	2.468,40	2.934,60	3.312,80	466,20	18,89	378,20	12,89
II. Nợ dài hạn	717,20	708,20	905,70	-9,00	-1,25	197,50	27,90
B. Vốn chủ sở hữu	2.314,70	2.862,40	3.612,90	547,70	23,66	750,50	26,22
I. Vốn góp chủ sở hữu	2.012,50	2.012,50	2.318,40	0,00	0,00	305,90	15,20
II. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	302,20	849,90	1.294,50	547,70	181,27	444,60	52,30
Tổng cộng nguồn vốn	5.500,30	6.505,20	7.831,40	1.004,90	18,27	1.326,20	20,39

(Nguồn: Bộ phận Kế toán)

(Đơn vị: Triệu đồng)



Biểu đồ 2.1 Biểu đồ tình hình nguồn vốn của công ty giai đoạn 2023-2025

Qua bảng 2.3 và biểu đồ 2.1 cho thấy, tổng nguồn vốn của công ty tăng trưởng ổn định qua các năm, từ 5.500,30 triệu đồng năm 2023 lên 7.831,40 triệu đồng năm 2025, với mức tăng 18,27% năm 2024 và 20,39% năm 2025. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang mở rộng quy mô hoạt động và tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu phát triển.

Xét về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn, trong đó nợ ngắn hạn chiếm ưu thế. Nợ ngắn hạn tăng từ 2.468,40 triệu đồng năm 2023 lên 3.312,80 triệu đồng năm 2025, phù hợp với đặc thù doanh nghiệp logistics thường xuyên phát sinh các khoản chi phí vận hành và thanh toán ngắn hạn. Trong khi đó, nợ dài hạn có sự biến động nhẹ, cho thấy doanh nghiệp linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn vay.

Vốn chủ sở hữu tăng từ 2.314,70 triệu đồng năm 2023 lên 3.612,90 triệu đồng năm 2025, chủ yếu nhờ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Điều này phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tự tích lũy vốn của doanh nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao mức độ tự chủ tài chính và hỗ trợ mở rộng hoạt động trong tương lai.

Nhìn chung, tình hình nguồn vốn của công ty trong giai đoạn 2023-2025 được đánh giá là tương đối ổn định và có chiều hướng tích cực. Cơ cấu nguồn vốn phù hợp với đặc thù ngành logistics và quy mô nhân sự, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định và tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

b) Cơ cấu tài sản

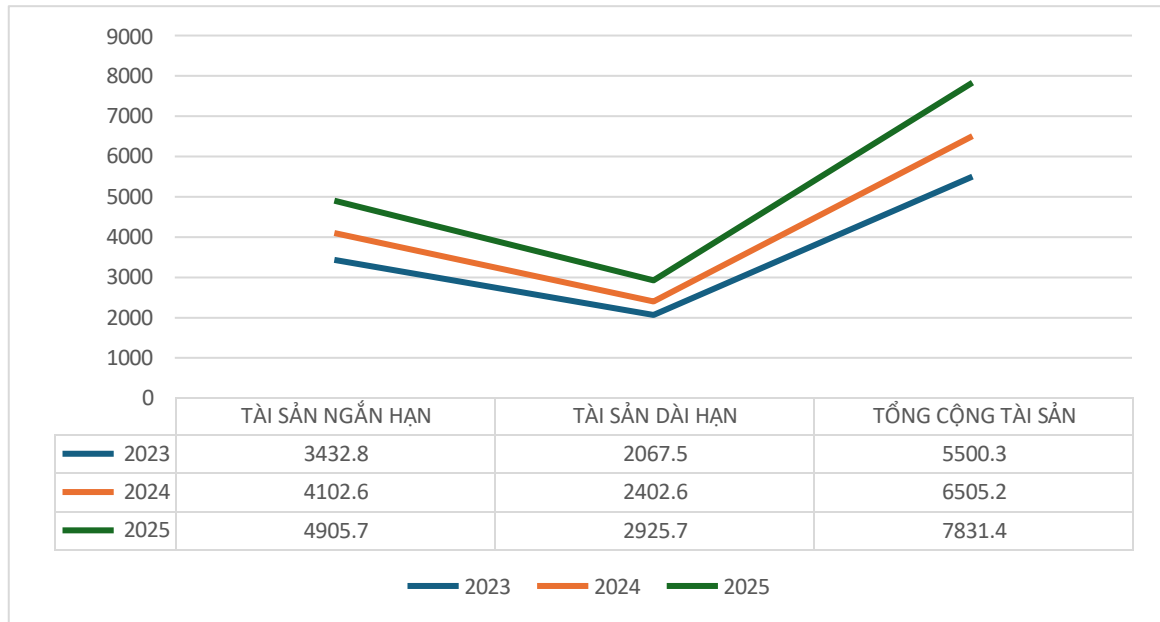
Bảng 2.4 Tình hình tài sản của công ty giai đoạn 2023-2025

(Đơn vị: Triệu đồng)

Tài sản	2023	2024	2025	Chênh lệch			
				2024/2023 (+/-)	2024/2023 (%)	2025/2024 (+/-)	2025/2024 (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.432,80	4.102,60	4.905,70	669,80	19,52	803,10	19,58
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	612,40	748,90	885,60	136,50	22,30	136,70	18,26
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	148,60	182,40	171,80	33,80	22,75	-10,60	-5,81
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.481,30	2.988,70	3.614,20	507,40	20,45	625,50	20,93
IV. Tài sản ngắn hạn khác	190,50	182,60	234,10	-7,90	-4,15	51,50	28,21
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.067,50	2.402,60	2.925,70	335,10	16,21	523,10	21,77
I. Tài sản cố định	1.512,80	1.781,40	2.164,90	268,60	17,76	383,50	21,52
II. Tài sản dài hạn khác	554,70	621,20	760,80	66,50	11,99	139,60	22,47
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.500,30	6.505,20	7.831,40	1.004,90	18,27	1.326,20	20,39

(Nguồn: Bộ phận Kế toán)

(Đơn vị: Triệu đồng)



Biểu đồ 2.2 Biểu đồ tình hình tài sản của công ty giai đoạn 2023-2025

Dựa vào bảng 2.4 và biểu đồ 2.2 có thể thấy tình hình tài sản của Melody Logistics giai đoạn 2023–2025 có xu hướng tăng trưởng tích cực, phản ánh quá trình mở rộng quy mô và nâng cao năng lực hoạt động của doanh nghiệp. Tổng tài sản tăng từ 5.500,3 triệu đồng năm 2023 lên 7.831,4 triệu đồng năm 2025, tương ứng mức tăng 18,27% năm 2024 và 20,39% năm 2025. Điều này cho thấy doanh nghiệp duy trì được tốc độ phát triển khá ổn định và từng bước nâng cao tiềm lực tài chính trong hoạt động kinh doanh logistics.

Xét về cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn và tăng đều qua các năm, phù hợp với đặc thù ngành logistics cần nguồn vốn lưu động cao để phục vụ hoạt động vận hành và giao nhận. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh cho thấy doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh, tuy nhiên cũng đặt ra yêu cầu kiểm soát công nợ hiệu quả nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản. Bên cạnh đó, tiền và các khoản tương đương tiền tăng ổn định, phản ánh khả năng duy trì dòng tiền khá tốt của công ty.

Đối với tài sản dài hạn, giá trị tài sản tăng liên tục, đặc biệt là tài sản cố định, cho thấy doanh nghiệp chú trọng đầu tư vào cơ sở vật chất, phương tiện vận tải và hệ thống công nghệ nhằm nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ. Điều này thể hiện định hướng phát triển lâu dài và chiến lược mở rộng hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian tới.

2.2. Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty

2.2.1. Kết quả kinh doanh của công ty TNHH Melody Logistics

Bảng 2.5 Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn 2023-2025

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	Chênh lệch			
					2024/2023 (+/-)	2024/2023 (%)	2025/2024 (+/-)	2025/2024 (%)
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.845,70	4.612,80	5.508,40	767,10	19,95	895,60	19,41
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	20,40	25,10	30,80	4,70	23,04	5,70	22,71
3	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.825,30	4.587,70	5.477,60	762,40	19,93	889,90	19,40
4	Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.145,60	3.758,90	4.415,30	613,30	19,50	656,40	17,46
5	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	679,70	828,80	1.062,30	149,10	21,94	233,50	28,17
6	Chi phí cung cấp dịch vụ khác	50,30	59,40	70,10	9,10	18,09	10,70	18,01
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	510,60	523,90	553,20	13,30	2,61	29,30	5,59

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	2025	Chênh lệch			
					2024/2023 (+/-)	2024/2023 (%)	2025/2024 (+/-)	2025/2024 (%)
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	118,80	245,50	439,00	126,70	106,65	193,50	78,82
9	Chi phí thuế TNDN	29,70	61,40	108,90	31,70	106,73	47,50	77,36
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	89,10	184,10	330,10	95,00	106,62	146,00	79,30
11	ROS (%)	2,33	4,01	6,03	1,68	72,10	2,02	50,37
12	ROA (%)	1,62	2,83	4,22	1,21	74,69	1,39	49,12
13	ROE (%)	3,85	6,43	9,14	2,58	67,01	2,71	42,16

Căn cứ vào số liệu tại bảng 2.5 cho thấy, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Melody Logistics trong giai đoạn 2023-2025 có nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện qua sự tăng trưởng ổn định của doanh thu, lợi nhuận cũng như các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sinh lời.

Trước hết, doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty tăng liên tục qua các năm. Cụ thể, doanh thu năm 2024 đạt 4.612,8 triệu đồng, tăng 767,1 triệu đồng, tương ứng 19,95% so với năm 2023. Sang năm 2024, doanh thu tiếp tục tăng lên 5.508,4 triệu đồng, tăng 895,6 triệu đồng, tương ứng 19,41% so với năm 2024. Mức tăng trưởng doanh thu khá ổn định phản ánh nhu cầu thị trường logistics gia tăng, đồng thời cho thấy công ty từng bước mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ.

Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ cũng có xu hướng tăng tương ứng với doanh thu. Năm 2024, doanh thu thuần đạt 4.587,7 triệu đồng, tăng 19,93% so với năm 2023; đến năm 2025 đạt 5.477,6 triệu đồng, tăng 19,40% so với năm trước. Các khoản giảm trừ doanh thu tuy có tăng nhẹ nhưng chiếm tỷ trọng không lớn, cho thấy chất lượng doanh thu của doanh nghiệp tương đối ổn định.

Về chi phí, giá vốn dịch vụ cung cấp tăng cùng chiều với doanh thu, phản ánh việc mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, tốc độ tăng của giá vốn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, đặc biệt trong năm 2025 (17,46%), đã góp phần làm cho lợi nhuận gộp tăng mạnh. Lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 1.062,3 triệu đồng, tăng 28,17% so với năm 2024, cho thấy công ty đã từng bước cải thiện hiệu quả khai thác dịch vụ và kiểm soát tốt chi phí trực tiếp.

Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng với tốc độ chậm, chỉ 2,61% trong năm 2024 và 5,59% trong năm 2025. Điều này cho thấy công ty đã có sự kiểm soát hợp lý chi phí quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động. Nhờ đó, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh qua các năm, từ 118,8 triệu đồng năm 2023 lên 245,5 triệu đồng năm 2024 và đạt 439,0 triệu đồng vào năm 2025.

Xét về các chỉ tiêu sinh lời, ROS, ROA và ROE đều có xu hướng tăng rõ rệt qua các năm. ROS tăng từ 2,33% năm 2023 lên 4,01 năm 2024 và tăng lên 6,03% năm 2025, phản ánh khả năng sinh lợi trên doanh thu ngày càng được cải thiện. ROA và ROE cũng tăng tương ứng, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu của công ty ngày càng cao, phù hợp với xu hướng tăng của quy mô tài sản và nguồn vốn đã phân tích ở các phần trước.

Tổng thể, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Melody Logistics giai đoạn 2024-2025 được đánh giá là tích cực, thể hiện sự tăng trưởng ổn định về doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả sinh lời. Đây là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp tiếp tục củng cố năng lực tài chính, nâng cao sức cạnh tranh và hướng tới phát triển bền vững trong thời gian tới.

2.2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh (nhà cung cấp, đối thủ cạnh tranh, khách hàng và thị trường)

Trong những năm gần đây, ngành logistics Việt Nam có tốc độ tăng trưởng tương đối cao nhờ sự phát triển mạnh của hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế. Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt do sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Theo thống kê của Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), hiện nay doanh nghiệp logistics nội địa chiếm số lượng lớn nhưng thị phần chủ yếu vẫn tập trung ở các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực mạnh về vốn, công nghệ và mạng lưới quốc tế.

Đối với Melody Logistics Đà Nẵng, doanh nghiệp hiện hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, khai báo hải quan và logistics hàng lạnh. Trong đó, nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh từ các quốc gia châu Âu như Poland, Denmark và Hungary là một trong những nhóm dịch vụ được công ty tập trung khai thác.

2.2.3.1. Thực trạng nhà cung cấp của Melody Logistics (Vendor)

Trong hoạt động giao nhận quốc tế, hệ thống nhà cung cấp (vendor) đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp logistics. Đối với Melody Logistics, các vendor không chỉ hỗ trợ thực hiện vận chuyển mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ giao hàng, chi phí logistics, chất lượng dịch vụ và khả năng xử lý các tình huống phát sinh tại cảng hoặc sân bay. Hiện nay, Melody Logistics đang hợp tác với nhiều nhóm vendor khác nhau bao gồm nhà xe container, nhà vận chuyển hàng lẻ (LCL), hãng tàu biển và hãng hàng không quốc tế nhằm phục vụ nhu cầu vận chuyển đa dạng của khách hàng.

a) Nhà cung cấp vận tải container đường bộ

Đối với vận chuyển container nội địa và kéo container ra vào cảng, Melody Logistics hiện đang phối hợp với các nhà xe như Khởi An Phú và Donatrans. Đây là các đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ vận tải container và đầu kéo phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực TP.HCM, Đồng Nai và các cảng trọng điểm phía Nam.

Các vendor vận tải container hiện nay có ưu điểm là:

- Chủ động được đội xe đầu kéo và tài xế;
- Có kinh nghiệm xử lý container lạnh (reefer container);
- Hiểu rõ quy trình ra vào cảng và thủ tục hạ bãi;
- Có khả năng phối hợp nhanh với bộ phận OPS khi phát sinh kiểm hóa hoặc kiểm dịch.

Tuy nhiên, thực tế hoạt động cho thấy doanh nghiệp logistics vẫn gặp nhiều khó khăn liên quan đến tình trạng thiếu xe vào mùa cao điểm, chi phí nhiên liệu tăng cao và tình trạng ùn tắc tại cảng. Đặc biệt đối với container lạnh, chi phí vận chuyển thường cao hơn container thường do yêu cầu về kỹ thuật và thời gian vận hành nghiêm ngặt.

Theo số liệu ngành logistics Việt Nam, vận tải đường bộ hiện vẫn chiếm hơn 70% tổng sản lượng vận chuyển hàng hóa nội địa. Điều này cho thấy vai trò rất lớn của các vendor vận tải container trong chuỗi logistics hiện nay.

b) Nhà cung cấp vận chuyển hàng lẻ (LCL)

Đối với hàng lẻ hoặc hàng consol, Melody Logistics phối hợp với các đơn vị gom hàng như Spider để thực hiện khai thác hàng LCL. Các vendor này thường đảm nhận vai trò:

- Gom hàng từ nhiều chủ hàng khác nhau;
- Khai thác kho CFS;
- Điều phối đóng ghép container;
- Phát hành House Bill và quản lý lịch tàu.

Hình thức vận chuyển hàng lẻ giúp khách hàng tiết kiệm đáng kể chi phí vận chuyển đối với các lô hàng nhỏ, không đủ đóng nguyên container. Tuy nhiên, đặc thù của hàng LCL là phụ thuộc nhiều vào lịch consol và thời gian gom hàng nên thời gian vận chuyển thường kéo dài hơn hàng FCL.

Ngoài ra, trong giai đoạn cao điểm xuất nhập khẩu cuối năm, tình trạng thiếu chỗ trên tàu hoặc thiếu container rỗng có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ đóng hàng của các vendor consol.

c) Hãng tàu biển hợp tác chính

Trong lĩnh vực vận tải biển quốc tế, Melody Logistics chủ yếu làm việc với các hãng tàu như Evergreen Marine Corporation (EMC), SITC và CMA CGM.

Các hãng tàu này được lựa chọn do:

- Có lịch tàu ổn định tại khu vực châu Á;

- Giá cước cạnh tranh;
- Có nhiều tuyến dịch vụ đi Trung Quốc, Hàn Quốc và Đông Nam Á;
- Hỗ trợ tốt đối với hàng lạnh và hàng thực phẩm.

Trong đó:

- EMC mạnh về tuyến nội Á và có độ ổn định lịch tàu khá cao;
- SITC có lợi thế về giá cước và thời gian vận chuyển ngắn đối với tuyến Trung Quốc;
- CMA CGM có mạng lưới vận tải toàn cầu rộng và năng lực khai thác container lạnh lớn.

Tuy nhiên, thị trường vận tải biển những năm gần đây biến động mạnh do ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại, khủng hoảng chuỗi cung ứng và thiếu container rỗng toàn cầu. Điều này khiến doanh nghiệp logistics thường xuyên đối mặt với tình trạng:

- Delay tàu;
- Roll booking;
- Thiếu slot container lạnh;
- Tăng phụ phí mùa cao điểm.

d) Nhà cung cấp vận tải hàng không

Đối với hàng air cargo, Melody Logistics thường khai thác dịch vụ từ các hãng hàng không như Vietnam Airlines, Korean Air, Asiana Airlines hoặc Cathay Pacific tùy theo tuyến vận chuyển và đặc điểm hàng hóa.

Vận tải hàng không chủ yếu được áp dụng đối với:

- Hàng giá trị cao;
- Hàng cần giao gấp;
- Thực phẩm tươi sống;
- Hàng điện tử;
- Mẫu hàng hoặc chứng từ khẩn.

Theo số liệu ngành logistics Việt Nam, vận tải hàng không chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ về khối lượng nhưng đóng góp khoảng 25% tổng giá trị xuất khẩu do chủ yếu vận chuyển hàng hóa có giá trị cao.

Tuy nhiên, chi phí vận tải hàng không hiện vẫn ở mức cao và phụ thuộc nhiều vào tải cung ứng của các hãng bay quốc tế. Trong giai đoạn cao điểm hoặc thiếu tải,

doanh nghiệp logistics thường gặp khó khăn trong việc giữ chỗ (booking) và ổn định giá cước.

e) Đánh giá thực trạng hệ thống vendor của Melody Logistics

Hiện nay, hệ thống vendor của Melody Logistics nhìn chung tương đối đa dạng và đáp ứng được nhiều loại hình vận chuyển khác nhau từ đường bộ, đường biển đến hàng không. Việc hợp tác với nhiều vendor giúp công ty:

- Chủ động lựa chọn phương án vận chuyển phù hợp;
- Linh hoạt xử lý phát sinh;
- Tối ưu chi phí cho khách hàng;
- Hạn chế phụ thuộc vào một nhà cung cấp duy nhất.

Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ thực trạng chung của ngành logistics Việt Nam. Theo thống kê của Bộ Công Thương, hơn 90% doanh nghiệp logistics Việt Nam có quy mô nhỏ và năng lực tài chính còn hạn chế. Ngoài ra, chi phí logistics tại Việt Nam hiện vẫn ở mức cao so với khu vực do hạn chế về hạ tầng, kết nối vận tải và chi phí vận hành.

Bên cạnh đó, tình trạng thiếu container, ùn tắc cảng, biến động giá cước và áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp logistics nước ngoài cũng tạo ra nhiều áp lực cho các công ty logistics nội địa như Melody Logistics.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng mối quan hệ ổn định với các vendor chiến lược, duy trì chất lượng dịch vụ và tăng khả năng phối hợp xử lý hiện trường là yếu tố rất quan trọng giúp Melody Logistics nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo đảm chất lượng dịch vụ khách hàng.

2.2.3.2. *Thực trạng đối thủ cạnh tranh của Melody Logistics.*

Hiện nay, thị trường logistics tại Đà Nẵng có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp logistics lớn trong và ngoài nước như:

- Bee Logistics Corporation - Da Nang Branch
- Voltrans Logistics Vietnam - Da Nang Branch
- Vinatrans Danang Logistics Center
- APL Logistics Danang Branch

Các doanh nghiệp trên đều cung cấp các dịch vụ tương tự như vận tải đường biển quốc tế, khai báo hải quan, vận tải container nội địa, kho bãi và logistics tổng hợp.

Trong đó, các doanh nghiệp lớn như Danalog hay Vinatrans có lợi thế về hệ thống kho bãi, depot container và vị trí gần cảng Tiên Sa, giúp tối ưu thời gian giao nhận và chi phí vận chuyển nội địa. Ngoài ra, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như APL Logistics hay Voltrans Logistics thường có lợi thế về mạng lưới đại lý toàn cầu, quan hệ trực tiếp với hãng tàu quốc tế và hệ thống công nghệ quản lý hiện đại.

So với các đối thủ lớn, Melody Logistics có quy mô nhỏ hơn nhưng lại có lợi thế về tính linh hoạt trong xử lý nghiệp vụ và khả năng chăm sóc khách hàng cá nhân hóa. Đây là yếu tố khá quan trọng đối với nhóm khách hàng vừa và nhỏ – nhóm khách hàng chủ yếu của doanh nghiệp hiện nay.

Bên cạnh đó, công ty tập trung mạnh vào hoạt động logistics lạnh và nhập khẩu thực phẩm đông lạnh từ châu Âu. Đây là nhóm hàng hóa có tính đặc thù cao, yêu cầu doanh nghiệp phải có kinh nghiệm xử lý container lạnh, thủ tục kiểm dịch động vật và khai báo hải quan chuyên ngành. Trong khi nhiều doanh nghiệp logistics chỉ tập trung vào vận tải thông thường, Melody Logistics lựa chọn khai thác phân khúc logistics lạnh nhằm tạo sự khác biệt trên thị trường.

Theo số liệu nội bộ của doanh nghiệp giai đoạn 2023 – 2025, doanh thu từ hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông lạnh chiếm khoảng 35% – 40% tổng doanh thu dịch vụ của công ty. Điều này cho thấy logistics lạnh hiện là một trong những mảng dịch vụ quan trọng của Melody Logistics và cũng là lĩnh vực cạnh tranh trực tiếp với nhiều doanh nghiệp logistics khác tại khu vực miền Trung.

Ngoài ra, doanh nghiệp còn chú trọng ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành thông qua hệ thống CRM – ERP, Zoho Mail và phần mềm Elsa để quản lý chi phí lô hàng. Đây được xem là một trong những yếu tố giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận và cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng.

Tuy nhiên, Melody Logistics vẫn còn gặp một số hạn chế nhất định như chưa sở hữu hệ thống kho lạnh riêng, phụ thuộc tương đối nhiều vào hãng tàu và đơn vị vận tải thuê ngoài. Điều này khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc cạnh tranh về giá cước và khả năng chủ động điều phối logistics so với các doanh nghiệp lớn.

2.2.3.3. Thực trạng khách hàng của Melody Logistics Đà Nẵng

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động xuất nhập khẩu và nhu cầu tiêu dùng thực phẩm tại Việt Nam, thị trường logistics, đặc biệt là logistics lạnh, đang có xu hướng tăng trưởng nhanh và trở thành một trong những lĩnh

vực có tiềm năng phát triển lớn. Trong bối cảnh đó, Công ty TNHH Melody Logistics từng bước xây dựng được hệ thống khách hàng tương đối ổn định và đa dạng trên phạm vi cả nước, tập trung chủ yếu vào nhóm doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, doanh nghiệp kho lạnh, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp may mặc xuất khẩu và các công ty thương mại sử dụng dịch vụ logistics quốc tế.

Hiện nay, nhóm khách hàng lớn nhất và mang lại nguồn doanh thu chủ lực cho Melody Logistics là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu và phân phối thực phẩm động vật đông lạnh. Đây là nhóm khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics thường xuyên do đặc thù hàng hóa cần được bảo quản trong điều kiện nhiệt độ nghiêm ngặt và yêu cầu thời gian vận chuyển nhanh chóng. Các doanh nghiệp này chủ yếu nhập khẩu các mặt hàng như thịt bò đông lạnh, thịt gà, nội tạng động vật, thủy sản đông lạnh và các sản phẩm thực phẩm chế biến từ động vật nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa, cung ứng cho hệ thống siêu thị, nhà hàng, bếp ăn công nghiệp, chuỗi thực phẩm và các cơ sở chế biến thực phẩm trong nước.

Về thị trường nhập khẩu, phần lớn khách hàng của Melody Logistics hiện đang nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh từ các quốc gia có ngành chăn nuôi và chế biến thực phẩm phát triển mạnh như Hoa Kỳ, Brazil, Úc, Nga, Ba Lan, Hà Lan, Đức và một số nước thuộc Liên minh châu Âu (EU). Trong đó, thịt bò đông lạnh thường được nhập khẩu nhiều từ Úc và Hoa Kỳ do có chất lượng cao và nguồn cung ổn định. Đối với thịt gà và nội tạng động vật đông lạnh, Brazil và Hoa Kỳ là hai thị trường nhập khẩu lớn nhờ giá thành cạnh tranh và sản lượng xuất khẩu lớn. Ngoài ra, các sản phẩm thủy sản và thực phẩm chế biến đông lạnh cũng được nhập khẩu từ các nước châu Âu và khu vực Nam Mỹ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường Việt Nam.

Sự gia tăng nhu cầu nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tại Việt Nam xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Trước hết, tốc độ đô thị hóa nhanh, mức sống của người dân ngày càng được nâng cao và xu hướng tiêu dùng hiện đại đã làm gia tăng nhu cầu sử dụng thực phẩm nhập khẩu có chất lượng cao. Đồng thời, sự phát triển mạnh của hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chuỗi nhà hàng, khách sạn và dịch vụ ăn uống cũng kéo theo nhu cầu lớn về nguồn cung thực phẩm đông lạnh ổn định và đa dạng. Bên cạnh đó, trong một số thời điểm, nguồn cung thực phẩm trong nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng nên hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông lạnh trở thành giải pháp quan trọng nhằm cân đối cung cầu thị trường.

Xét trên phạm vi cả nước, hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh hiện tập trung mạnh tại các khu vực có hệ thống cảng biển lớn, trung tâm logistics phát triển và nhu cầu tiêu thụ thực phẩm cao. Trong đó, khu vực miền Nam, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Đồng Nai và Long An, hiện là khu vực có nhu cầu nhập khẩu và tiêu thụ thực phẩm đông lạnh lớn nhất cả nước do tập trung đông dân cư, hệ thống phân phối hiện đại và nhiều doanh nghiệp chế biến thực phẩm quy mô lớn.

Tại khu vực miền Bắc, các địa phương như Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên và Bắc Ninh cũng ghi nhận nhu cầu nhập khẩu thực phẩm đông lạnh tăng mạnh trong những năm gần đây. Đây là khu vực tập trung nhiều doanh nghiệp thương mại, trung tâm phân phối và hệ thống kho lạnh phục vụ tiêu dùng và sản xuất công nghiệp. Trong khi đó, khu vực miền Trung mặc dù quy mô thị trường nhỏ hơn nhưng đang có tốc độ phát triển tương đối nhanh nhờ sự mở rộng của hoạt động logistics, du lịch và dịch vụ tiêu dùng.

Đối với Melody Logistics, phần lớn khách hàng hiện nay thuộc nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực thương mại thực phẩm, kho lạnh và phân phối hàng nhập khẩu. Các doanh nghiệp này thường không tự xây dựng bộ phận logistics chuyên biệt mà có xu hướng thuê ngoài dịch vụ logistics nhằm tối ưu chi phí và tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi. Do đó, nhu cầu sử dụng các dịch vụ như vận tải quốc tế, khai báo hải quan, vận chuyển container lạnh nội địa, lưu kho và hỗ trợ kiểm dịch ngày càng gia tăng.

Ngoài nhóm khách hàng thực phẩm đông lạnh, Melody Logistics còn cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp sản xuất may mặc, doanh nghiệp nhập khẩu nguyên phụ liệu và các công ty xuất khẩu hàng hóa công nghiệp. Tuy nhiên, xét về tỷ trọng doanh thu và tần suất sử dụng dịch vụ, nhóm khách hàng logistics lạnh vẫn là nhóm khách hàng chiến lược và mang lại nguồn doanh thu ổn định nhất cho doanh nghiệp.

Đặc điểm nổi bật của nhóm khách hàng này là yêu cầu rất cao về thời gian xử lý chứng từ, tiến độ thông quan hàng hóa và khả năng kiểm soát chất lượng trong suốt quá trình vận chuyển. Đối với hàng đông lạnh, việc chậm thông quan hoặc mất kiểm soát nhiệt độ container có thể dẫn đến thiệt hại lớn về chất lượng hàng hóa và phát sinh nhiều chi phí lưu kho, lưu bãi tại cảng. Chính vì vậy, khách hàng thường ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp logistics có kinh nghiệm xử lý hàng lạnh, có khả năng phối hợp tốt với hãng tàu, cảng biển và cơ quan hải quan.

Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng thực phẩm nhập khẩu tại Việt Nam tiếp tục tăng và thị trường logistics lạnh ngày càng phát triển, Melody Logistics đang từng bước mở rộng mạng lưới khách hàng trên phạm vi toàn quốc, đồng thời tập trung nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ logistics lạnh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Đây được xem là định hướng phát triển quan trọng của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

2.2.3.4. Thực trạng về thị trường của Melody Logistics

Thị trường nhập khẩu hàng đông lạnh tại Việt Nam hiện nay được đánh giá là một trong những phân khúc có tốc độ tăng trưởng cao trong ngành logistics do nhu cầu tiêu dùng thực phẩm đông lạnh ngày càng gia tăng. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu bao gồm thịt bò, thịt gà, hải sản, cá hồi, thực phẩm chế biến và nguyên liệu đông lạnh phục vụ ngành thực phẩm, nhà hàng, khách sạn và hệ thống siêu thị. Bên cạnh sự gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa, xu hướng tiêu dùng hiện đại cũng khiến người tiêu dùng ưu tiên các sản phẩm đông lạnh có chất lượng ổn định, thời gian bảo quản dài và nguồn gốc rõ ràng. Điều này kéo theo nhu cầu phát triển mạnh của dịch vụ logistics lạnh, đặc biệt là vận tải container lạnh, kho lạnh và dịch vụ khai báo hải quan chuyên biệt. Theo báo cáo về thị trường logistics chuỗi lạnh Việt Nam giai đoạn 2025–2033, quy mô thị trường được dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR khoảng 13,6% nhờ nhu cầu thực phẩm chế biến và thực phẩm tươi sống ngày càng cao tại các khu vực đô thị.

Đối với Melody Logistics, đây được xem là thị trường có nhiều tiềm năng phát triển do công ty đang hoạt động trong lĩnh vực giao nhận quốc tế và logistics tổng hợp. Công ty có khả năng cung cấp các dịch vụ liên quan đến hàng đông lạnh như vận tải đường biển bằng container lạnh, khai báo hải quan, vận chuyển nội địa và theo dõi nhiệt độ hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Tuy nhiên, thị trường logistics lạnh cũng đặt ra nhiều áp lực cạnh tranh khi có sự tham gia của các doanh nghiệp logistics lớn trong và ngoài nước như DHL, Maersk và Kuehne + Nagel. Ngoài ra, hoạt động nhập khẩu hàng đông lạnh còn chịu ảnh hưởng bởi chi phí đầu tư kho lạnh, xe lạnh và hệ thống bảo quản nhiệt độ khá cao. Các quy định về kiểm dịch thực phẩm, an toàn vệ sinh và tiêu chuẩn bảo quản cũng ngày càng nghiêm ngặt, buộc doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản lý chuỗi lạnh nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển và lưu kho. Trong bối cảnh thị trường logistics lạnh tại Việt Nam tiếp tục mở rộng, Melody

Logistics có nhiều cơ hội gia tăng thị phần nếu doanh nghiệp tiếp tục đầu tư công nghệ bảo quản lạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng mạng lưới vận chuyển quốc tế.

2.2.3. Thực trạng hoạt động nhập khẩu động thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại doanh nghiệp

Trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ thực phẩm đông lạnh tại Việt Nam ngày càng gia tăng, hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh đóng vai trò quan trọng trong việc cung ứng nguồn hàng phục vụ tiêu dùng và sản xuất trong nước. Đây là nhóm hàng hóa có yêu cầu nghiêm ngặt về điều kiện bảo quản, kiểm dịch động vật và an toàn thực phẩm, do đó đòi hỏi doanh nghiệp logistics phải có quy trình tổ chức thực hiện chặt chẽ và chuyên nghiệp. Tại Công ty TNHH Melody Logistics, hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh được tổ chức theo quy trình phối hợp giữa nhiều bộ phận nhằm đảm bảo hàng hóa được vận chuyển, thông quan và giao nhận đúng thời gian, đúng quy định.

Hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tại Melody Logistics được tổ chức theo mô hình phối hợp giữa nhiều bộ phận chuyên môn nhằm đảm bảo quy trình xử lý lô hàng diễn ra hiệu quả.

Bộ phận kinh doanh chịu trách nhiệm tìm kiếm khách hàng, tư vấn giải pháp logistics, báo giá cước vận chuyển quốc tế và duy trì quan hệ với các đối tác nước ngoài. Do đặc điểm khách hàng nhập khẩu thực phẩm đông lạnh thường có nhu cầu vận chuyển định kỳ với số lượng lớn nên bộ phận kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì nguồn khách hàng ổn định cho doanh nghiệp.

Bộ phận chứng từ phụ trách kiểm tra và xử lý các chứng từ nhập khẩu như Commercial Invoice, Packing List, Bill of Lading, Health Certificate, Certificate of Origin (C/O), giấy chứng nhận kiểm dịch động vật và các hồ sơ liên quan khác. Đồng thời, bộ phận này thực hiện khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS và phối hợp xử lý thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

Bộ phận điều vận có nhiệm vụ theo dõi lịch tàu, điều phối xe container lạnh và sắp xếp kế hoạch giao nhận hàng hóa tại cảng. Trong khi đó, nhân viên hiện trường sẽ trực tiếp làm việc với cảng, hải quan và cơ quan kiểm dịch trong trường hợp lô hàng cần kiểm hóa hoặc lấy mẫu kiểm tra thực tế.

Bộ phận kế toán - hành chính thực hiện theo dõi công nợ, thanh toán các khoản chi phí phát sinh và hỗ trợ công tác quản lý hồ sơ, chứng từ nội bộ của doanh nghiệp.

Hiện nay, hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tại Công ty TNHH Melody Logistics chủ yếu được thực hiện từ các quốc gia thuộc khu vực châu Âu như Poland, Denmark, Hungary, Germany và Netherlands. Đây là những quốc gia có ngành chăn nuôi và chế biến thực phẩm phát triển, đáp ứng được các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động vật theo quy định của thị trường quốc tế cũng như của Việt Nam.

Trong đó, Poland được xem là một trong những nguồn cung thực phẩm đông lạnh lớn của châu Âu với các mặt hàng chủ yếu như thịt gà, chân gà, thịt heo và các sản phẩm chế biến từ gia cầm. Các doanh nghiệp tại Poland có lợi thế về quy mô sản xuất lớn, giá thành cạnh tranh và hệ thống chế biến hiện đại nên được nhiều doanh nghiệp nhập khẩu tại Việt Nam lựa chọn.

Denmark là quốc gia nổi tiếng với ngành công nghiệp chế biến thịt heo và thực phẩm đông lạnh chất lượng cao. Các sản phẩm nhập khẩu từ Denmark thường đáp ứng tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt của Liên minh châu Âu (EU), đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Đây là yếu tố quan trọng giúp các doanh nghiệp nhập khẩu tại Việt Nam yên tâm hơn trong quá trình phân phối và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

Hungary cũng là thị trường cung cấp nhiều mặt hàng thực phẩm động vật đông lạnh cho Việt Nam như thịt gia cầm, thực phẩm chế biến và nội tạng động vật đông lạnh. Các doanh nghiệp xuất khẩu tại Hungary có kinh nghiệm trong hoạt động thương mại quốc tế và duy trì được mức giá tương đối phù hợp với nhu cầu nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam.

Việc Melody Logistics tập trung xử lý các lô hàng nhập khẩu từ các quốc gia châu Âu xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Thứ nhất, các quốc gia thuộc khu vực châu Âu có hệ thống quản lý chất lượng và kiểm dịch động vật tương đối nghiêm ngặt, giúp hàng hóa đáp ứng tốt các yêu cầu nhập khẩu của cơ quan chức năng Việt Nam. Điều này góp phần hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình kiểm tra chuyên ngành và thông quan hàng hóa. Thứ hai, nguồn hàng thực phẩm đông lạnh từ châu Âu thường có chất lượng ổn định, thời gian bảo quản dài và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường Việt Nam. Trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến chất lượng và nguồn gốc thực phẩm, các sản phẩm nhập khẩu từ khu vực châu Âu được đánh giá cao hơn về độ an toàn và tiêu chuẩn sản xuất. Thứ ba, việc hợp tác với các đối

tác tại Poland, Denmark và Hungary giúp Melody Logistics mở rộng mạng lưới đại lý quốc tế và nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ logistics lạnh chuyên nghiệp. Các tuyến vận chuyển từ châu Âu về Việt Nam hiện nay tương đối ổn định, chủ yếu thông qua đường biển bằng container lạnh nguyên container (FCL), phù hợp với đặc điểm của mặt hàng thực phẩm đông lạnh.

Các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu như EVFTA cũng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa từ khu vực này thông qua việc cắt giảm thuế quan và thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế. Điều này góp phần làm gia tăng nhu cầu nhập khẩu thực phẩm đông lạnh từ châu Âu cũng như mở ra cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp logistics như Melody Logistics.

Nhìn chung, việc tập trung khai thác các tuyến nhập khẩu thực phẩm đông lạnh từ Poland, Denmark, Hungary và các quốc gia châu Âu khác không chỉ giúp Melody Logistics mở rộng thị trường hoạt động mà còn góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ logistics lạnh và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng trong lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm đông lạnh tại Việt Nam.

Bảng 2.6. Bảng mô tả cơ cấu doanh thu theo loại hình dịch vụ

Loại hình dịch vụ	2023 (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	2024 (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	2025 (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Giao nhận thực phẩm đông lạnh	1.454,60	38,00	1.835,10	40,00	2.191,00	40,00
Vận tải quốc tế hàng khô	1.038,70	27,15	1.154,90	25,18	1.322,40	24,14
Dịch vụ khai báo hải quan	498,20	13,02	574,60	12,53	681,40	12,44
Vận tải nội địa và điều vận	382,50	10,00	458,80	10,00	547,80	10,00
Kho bãi và dịch vụ logistics khác	451,30	11,83	564,30	12,29	735,00	13,42
Tổng cộng	3.825,30	100	4.587,70	100	5.477,60	100

Căn cứ vào Bảng 2.6 có thể thấy hoạt động giao nhận thực phẩm đông vật đông lạnh luôn chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty TNHH Melody Logistics giai đoạn 2023 – 2025. Cụ thể, doanh thu từ hoạt động này năm 2023 đạt khoảng 1.454,60 tỷ đồng, chiếm 38,00% tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp. Đến năm 2024, doanh thu tăng lên 1.835,10 tỷ đồng, tương ứng 40,00%, và tiếp tục đạt khoảng 2.191,00 tỷ đồng vào năm 2025.

Kết quả trên cho thấy hoạt động giao nhận thực phẩm đông vật đông lạnh đang đóng vai trò là lĩnh vực kinh doanh chủ lực của Melody Logistics. Sự tăng trưởng này xuất phát từ nhu cầu nhập khẩu thực phẩm đông lạnh ngày càng cao tại thị trường Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng thịt bò, thịt heo, thịt gà và thực phẩm chế biến nhập khẩu từ các quốc gia châu Âu như Ba Lan, Hungary, Đức và Hà Lan. Đây là nhóm hàng hóa có giá trị cao, yêu cầu quy trình vận chuyển, bảo quản và xử lý thủ tục nghiêm ngặt nên mang lại doanh thu tương đối lớn cho doanh nghiệp logistics.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải quốc tế hàng khô cũng chiếm tỷ trọng đáng kể, dao động từ 24% đến 27% tổng doanh thu. Đây là hoạt động hỗ trợ quan trọng giúp công ty đa dạng hóa dịch vụ logistics và mở rộng tệp khách hàng ngoài lĩnh vực thực phẩm đông lạnh.

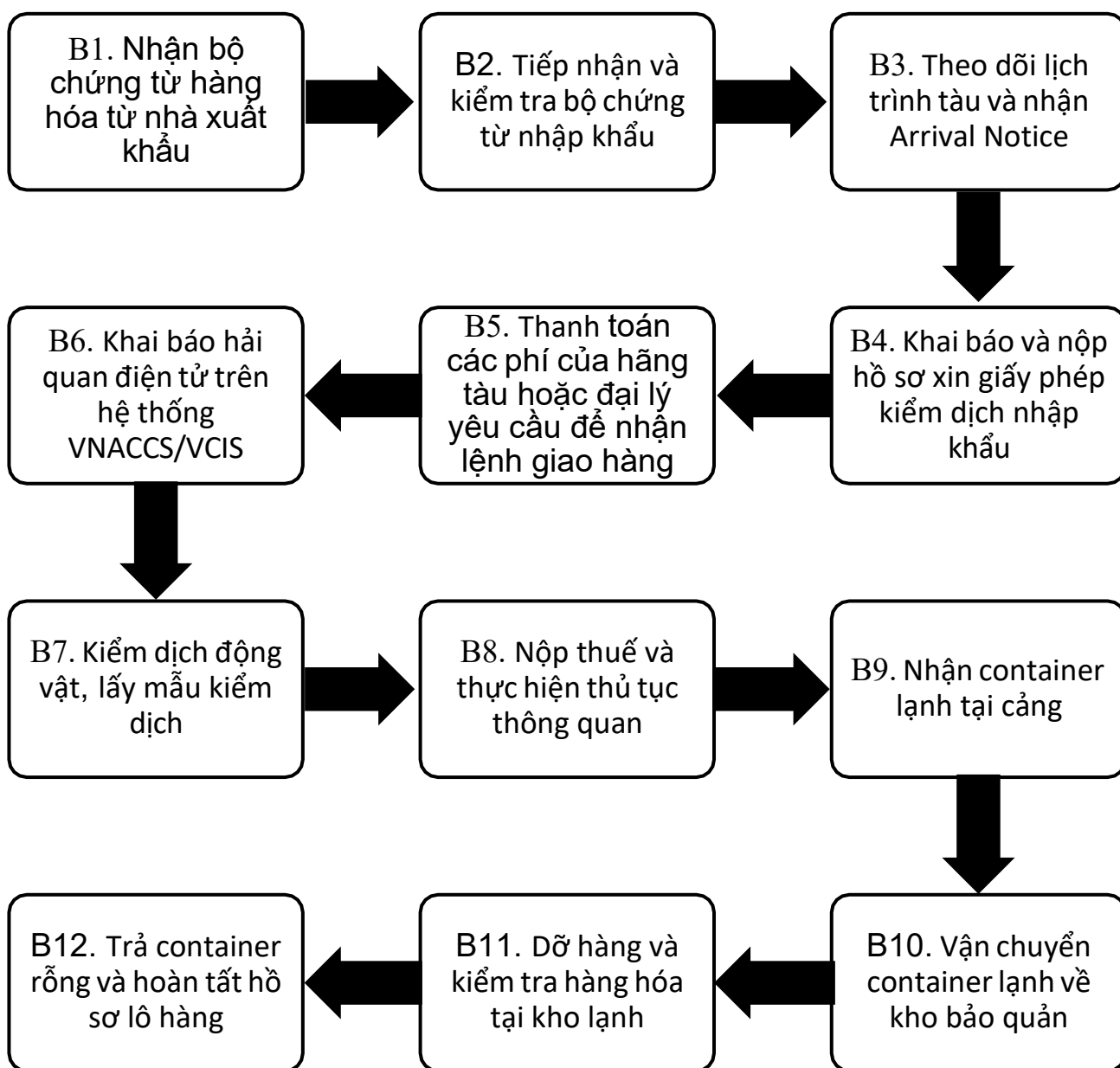
Các dịch vụ khai báo hải quan, vận tải nội địa, điều vận và kho bãi cũng có xu hướng tăng trưởng ổn định qua các năm. Điều này phản ánh khả năng cung cấp dịch vụ logistics trọn gói của Melody Logistics, từ vận chuyển quốc tế, khai báo hải quan đến giao nhận nội địa và lưu kho hàng hóa.

Cơ cấu doanh thu của Melody Logistics cho thấy doanh nghiệp đang tập trung phát triển mạnh lĩnh vực logistics lạnh và nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh. Đây được xem là lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng thực phẩm nhập khẩu tại Việt Nam ngày càng tăng, đồng thời góp phần tạo nguồn doanh thu ổn định và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

2.3. Thực trạng quy trình giao nhận thực phẩm đông vật đông lạnh nguyên container tại công ty TNHH Melody Logistics

Để đảm bảo hàng hóa thực phẩm đông vật đông lạnh được nhập khẩu và vận chuyển đúng tiến độ, Công ty TNHH Melody Logistics thực hiện quy trình xử lý nghiệp vụ theo từng công đoạn cụ thể, từ tiếp nhận thông tin lô hàng, chuẩn bị chứng từ, khai báo hải quan, đăng ký kiểm dịch đến vận chuyển container lạnh về kho bảo

quản cho khách hàng. Quy trình này được xây dựng nhằm đảm bảo hàng hóa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kiểm dịch, an toàn thực phẩm và duy trì ổn định nhiệt độ trong suốt quá trình vận chuyển. Thực tế quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tại Công ty TNHH Melody Logistics được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3 Sơ đồ quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh

Bảng 2.7 Bảng mô tả sơ lược về quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh

Bước	Nội dung công việc	Chứng từ sử dụng	Đơn vị/Bộ phận thực hiện
B1	Nhận bộ chứng từ từ nhà xuất khẩu	Commercial Invoice, Packing List, Bill of Lading, Health Certificate, C/O, Veterinary Certificate	Nhà xuất khẩu
B2	Tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ nhập khẩu	Invoice, Packing List, Bill of Lading, Health Certificate, C/O	Bộ phận chứng từ Melody Logistics
B3	Theo dõi lịch trình tàu và nhận Arrival Notice	Arrival Notice (A/N), Manifest	Melody Logistics – Hãng tàu
B4	Khai báo và nộp hồ sơ xin giấy phép kiểm dịch nhập khẩu động vật/sản phẩm động vật trên Cổng thông tin một cửa quốc gia	Đơn đăng ký kiểm dịch, Health Certificate, Bill of Lading, Invoice, Packing List	Bộ phận chứng từ Melody Logistics – Cục Thú y
B5	Thanh toán các phí của hãng tàu hoặc đại lý yêu cầu để nhận lệnh giao hàng	Delivery Order (D/O), Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu, Hồ sơ kiểm dịch	Bộ phận chứng từ Melody Logistics – Hãng tàu – Cơ quan thú y
B6	Khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS	Tờ khai hải quan, Invoice, Packing List, B/L, C/O, Giấy phép kiểm dịch	Bộ phận chứng từ Melody Logistics
B7	Kiểm dịch động vật, lấy mẫu kiểm dịch	Hồ sơ kiểm dịch, Giấy đăng ký kiểm dịch,	Cơ quan thú y – Nhân viên hiện

Bước	Nội dung công việc	Chứng từ sử dụng	Đơn vị/Bộ phận thực hiện
		Phiếu lấy mẫu kiểm dịch	trường Melody Logistics
B8	Nộp thuế và thực hiện thủ tục thông quan	Tờ khai hải quan, Giấy nộp thuế	Nhà nhập khẩu – Hải quan
B9	Nhận container lạnh tại cảng	EIR, Phiếu xuất container, D/O	Nhân viên hiện trường Melody Logistics – Cảng
B10	Vận chuyển container lạnh về kho bảo quản	Phiếu điều xe, Lệnh vận chuyển	Bộ phận điều vận – Đơn vị vận tải
B11	Dỡ hàng và kiểm tra hàng hóa tại kho lạnh	Biên bản giao nhận hàng hóa, Phiếu nhập kho	Khách hàng – Kho lạnh – Melody Logistics
B12	Trả container rỗng và hoàn tất hồ sơ lô hàng	EIR trả rỗng, Hồ sơ thanh toán, Hóa đơn dịch vụ	Bộ phận điều vận – Bộ phận kế toán

2.3.1. Nhận bộ chứng từ từ nhà xuất khẩu

Sau khi hàng hóa được xếp lên tàu, nhà xuất khẩu sẽ tiến hành phát hành và gửi bộ chứng từ hàng hóa cho nhà nhập khẩu và Melody Logistics để phục vụ quá trình làm thủ tục nhập khẩu.

Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng thực phẩm động vật đông lạnh thường bao gồm:



NOWACO A/S - 9000 Aalborg - Denmark - HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED 162/2 Me Suot street Hoa Khanh ward Da Nang city Vietnam	Invoice S-193798 695621 Page 1 <table border="0" style="width: 100%; font-size: x-small;"> <tr> <td>Account No.</td><td>29795</td> <td>Invoice Date</td><td>10-03-26</td> </tr> <tr> <td>Our ref.</td><td>PATA</td> <td>Due Date</td><td>10-04-26</td> </tr> <tr> <td>Your order/ref.</td><td></td> <td>Our VAT No.</td><td>DK62497718</td> </tr> <tr> <td>Our Order No.</td><td>3/461661</td> <td>Your VAT No.</td><td>VN0402248709</td> </tr> </table> Payment Terms 20% prepayment, 80% T/T against fax copies	Account No.	29795	Invoice Date	10-03-26	Our ref.	PATA	Due Date	10-04-26	Your order/ref.		Our VAT No.	DK62497718	Our Order No.	3/461661	Your VAT No.	VN0402248709
Account No.	29795	Invoice Date	10-03-26														
Our ref.	PATA	Due Date	10-04-26														
Your order/ref.		Our VAT No.	DK62497718														
Our Order No.	3/461661	Your VAT No.	VN0402248709														

Bankdetails Nordea A/S

Our Bank Prinsensgade 15
DK-9000 Aalborg

Beneficiary NOWACO A/S

Account No. 20005005779579

IBAN Account No. DK7020005005779579

SWIFT Code NDEADKKK

Your Bank:

Lading Date Shipment Date/ETD 10-03-26 Delivery Date/ETA 10-04-26 Delivery Address:	Transport Method Seafreight Means of Transport CMA CGM Argon Transport Description 1x40 fcl for December 2025 shipment with ETA Da Nang after 22-02-26 Transport Temp. -18/-20° C Seal - marks/numbers KLV479689
--	--

Delivery Terms CIF (INCOTERMS 2020) Place of delivery DA NANG Destination Vietnam Shipment Department code 25 Custom duty code	
---	--

Item No.	Quantity	Item Description	Quantity/Unit	Unit Price	USD Amount
13290	2.300 cartons	Hungarian frozen CHICKEN FEET, processed, B-grade, packed fixed weight 10 kg per carton. HU-112	23 Mtons	790,00	18.170,00

Brand: Master Good

The exporter of the products covered by this document (customs authorisation No. DKREX200852356) declares that, except where otherwise clearly indicated, these products are of EU preferential origin.

Total gross weight: 24.320 Kgs

Risk and liability will be subject to situation in The Red Sea / Suez.
 As per agreement, in case of any extra cost, caused by situation in the Red Sea / Suez.
 (Such as, but not limited to War Risk surcharges Nowaco will not be responsible and will not participate in any extra cost).

Claims, if any, must be reported in writing within 3 days from receipt of goods.
 (in case of any claim (cif term) the insurance is subject to a deductible of USD 3.500 any one occurrence)
 (Only applies to transport damage)

(Insurance coverage stops when container is discharged at CY/Container Yard (CIF incoterms).
 Risk and responsibility after container discharged at CY / Container Yard

Continued 18.170,00

*Jurisdiction: Maritime and Commercial Court,
Copenhagen, Denmark, subject to Danish law.*

NOWACO A/S
Prinsensgade 15
9000 Aalborg
Denmark

Phone No. (+45) 7788 6100
Fax: (+45) 9630 8050
E-mail: nowaco@nowaco.com
Web Site: www.nowaco.com
Reg. No. 62497718

Food For The World

Hình 2.4 Hóa đơn thương mại (Invoice)

MASTER - GOOD KFT. 4600, KISVÁRDA, IPARI U. 9. HUNGARY HU 12467037 PACKING LIST / RAKOMÁNY JEGYZÉK					
CONSIGNEE / ÁTVEVŐ		HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED 162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward, Da Nang city, Viet Nam			
CONSIGNEE REG.No. / ÁTVEVŐ ADÓSZÁMA					
Container no.		SEGU 923082-6			
PLACE OF DELIVERY OF THE GOODS / ÁRU KISZOLGÁLTATÁSI HELYE		HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED 162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward, Da Nang city, Viet Nam			
NATURE OF THE GOODS		PALLET	METHOD OF PACKING	PACKING UNIT	WEIGHT/SULY
TERMÉK MEGNEVEZÉSE		EUR	CSOMAGOLÁS MÓDJA CSOM. EGYSEG		NETTÓ BRUTTÓ
		PCS/DB	PCS/DB		KG KG
Date of production: 14.11.2025. - 22.11.2025					
Expiry date: 16.05.2027. - 24.05.2027					
Frozen chicken Feet B grade /Gy.fagy. Csirke B láb		20	karton	2300	23 000 24 320
TOTAL/Összesen:		20		2300	23 000 24 320

Kisvárd, 2025.11.25.

Master Good Kft.
 4600 Kisvárd, Ipari út 9.
 Adóigaz. szám: 12467037-2-15
 22

112
 EK

Hình 2.5 Packing List

SHIPPER NORIDANE FOODS AS AMALIEGADE 9B DK-1256 COPENHAGEN K DENMARK		COPY NON NEGOTIABLE BILL OF LADING		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 2px;">VOYAGE NUMBER:</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">0VAN2E1MA</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">BILL OF LADING NUMBER:</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">GDYD409339</td> </tr> </table>		VOYAGE NUMBER:	0VAN2E1MA	BILL OF LADING NUMBER:	GDYD409339
VOYAGE NUMBER:									
0VAN2E1MA									
BILL OF LADING NUMBER:									
GDYD409339									
CONSIGNEE HARMONY LOGISTICS TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED, 162/9 ME SUOT STREET, HOA KHANH WARD, DA NANG CITY VIETNAM TAX ID: 0402248709 thiemnd.hungthinh@gmail.com*		EXPORT REFERENCES 							
NOTIFY PARTY: Carrier not to be responsible for failure to notify HARMONY LOGISTICS TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED, 162/9 ME SUOT STREET, HOA KHANH WARD, DA NANG CITY VIETNAM TAX ID: 0402248709 thiemnd.hungthinh@gmail.com*		CARRIER: CMA CGM Société Anonyme au Capital de 234 988 330 Euros Head Office: 4, quai d'Arenc - 13002 Marseille - France Tel: (33) 4 88 91 90 00 - Fax: (33) 4 88 91 90 95 562 024 422 R.C.S. Marseille							
PRE CARRIAGE BY*	PLACE OF RECEIPT*	FREIGHT TO BE PAID AT	NUMBER OF ORIGINAL BILLS OF LADING						
		GDYNIA	THREE (3)						
VESSEL	PORT OF LOADING	PORT OF DISCHARGE	FINAL PLACE OF DELIVERY*						
OOCL VALENCIA	GDANSK	DA NANG							
MARKS AND NOS CONTAINER AND SEALS	NO AND KIND OF PACKAGES	DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS AS STATED BY SHIPPER SHIPPER'S LOAD STOW AND COUNT SAID TO CONTAIN	GROSS WEIGHT CARGO	TARE	MEASUREMENT				
CGMU8021342 SEAL BY947419 SEAL IW2204076867	1 x 40RH	1778 CARTONS Chicken Feet Deep Frozen NET WEIGHT: 26670 KG HS CODE 020714 *CEE/NOT: TEL: +840327048772 FREIGHT PREPAID Cargo is stowed in a refrigerated container set at the shipper's requested carrying temperature of -20 degrees Celsius Shipped on Board OOCL VALENCIA 02-APR-2026 CMA CGM POLSKA SP Z OO As agents for the Carrier	27786.000	4310	50.000				
Weight in Kgs Total: 1 CONTAINER(S)		Sheet 1 of 2	27786.000	4310	50.000				
ABOVE PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER. CARRIER NOT RESPONSIBLE.									
ADDITIONAL CLAUSES									
4. Goods at Port are at Merchant's risk, expenses and responsibility 77. Ground rent (storage power supply) monitoring cost/ THC at Port of Discharge are for Merchant's account according to Port rates. 92. Reefer container can only be operated by electrical power. During land transportation the Carrier will not be liable in any respect whatsoever for consequences, due to non refrigeration. 194. For the purpose of the present carriage, clause 14(2) shall exclude the application of the York/Antwerp rules, 2004. 202. Demurrage and detention shall be calculated and paid as per general tariff available on the web site www.cma-cgm.com, or in any of CMA CGM agency. However if special free time conditions are granted, then rules applicable as per general tariff and shall start from the day following the last free day. 216. Mis-declaration of cargo weight endangers crew, port workers and vessels' safety. Your cargo may be weighed at any place and time of carriage and any mis-declaration will expose you to claims for all losses, expenses or damages whatsoever resulting therefrom and be subject to freight surcharges. 223. The Merchant acknowledges that the Carrier may carry the Goods identified in this Bill of Lading on the deck of any Vessel and in taking receipt of this Bill of Lading the Merchant (including the Shipper, the Consignee and the holder of the Bill of Lading, as the case may be) confirms his express acceptance of all the Terms and Conditions of this Bill of Lading and expressly confirms his unconditional and irrevocable consent to the possible carriage of the Goods on the deck of any Vessel. 274. The Container(s) mentioned in this Bill of Lading is/are the property of the Carrier. The Merchant is responsible for returning any empty Container, with interior clean, free of any dangerous goods placards, labels or markings, free of any residues, damage or used feedstuffs, at the designated place. The Merchant shall be liable to indemnify the Carrier for any loss or expense whatsoever arising out of the foregoing, including but not limited to the sound market value - or the depreciated value due by the Carrier to a container lessor. The Carrier is entitled to collect a deposit from the Merchant at the time of release of the container which shall be refunded as security for payment of any sums due to the Carrier, in particular for payment of all detention and demurrage and/or Container indemnity as referred above. 295. Merchant is reminded that in case of discrepancy between the Verified Gross Mass (VGM) sent to the Carrier, or the weight declared to the Carrier for non-containerized cargo, and the weight declared by									
RECEIVED by the carrier from the shipper in apparent good order and condition (unless otherwise noted herein) the total number or quantity of Containers or other packages or units, indicated above stated by the shipper to comprise the cargo specified above for transportation subject to all the terms hereof (including the terms on page one) from the place of receipt or the port of loading, whichever is applicable, to the port of discharge or the place of delivery, whichever is applicable. Delivery of the Goods will only be made on payment of all Freight and charges. On presentation of this document (duly endorsed) to the Carrier by or on behalf of the holder, the rights and liabilities arising in accordance with the terms hereof shall (without prejudice to any rule of common law or statutes rendering them binding upon the shipper, holder and carrier) become binding in all respects between the Carrier and Holder as though the contract contained herein or evidenced hereby had been made between them. All claims and actions arising between the Carrier and the Merchant in relation with the contract of Carriage evidenced by this Bill of Lading shall exclusively be brought before the Tribunal de Commerce de Marseille and no other Court shall have jurisdiction with regards to any such claim or action. Notwithstanding the above, the Carrier is also entitled to bring the claim or action before the Court of the place where the defendant has his registered office. In witness whereof three (3) original Bills of Lading, unless otherwise stated above, have been issued, one of which being accomplished, the others to be void. (OTHER TERMS AND CONDITIONS OF THE CONTRACT ON PAGE ONE)									
PLACE AND DATE OF ISSUE	GDYNIA	02 APR 2026	SIGNED FOR THE CARRIER CMA CGM S.A. BY CMA CGM POLSKA SP Z OO as agents for the carrier CMA CGM S. A.						
SIGNED FOR THE SHIPPER *APPLICABLE ONLY WHEN THIS DOCUMENT IS USED AS A COMBINED TRANSPORT BILL OF LADING									

Hình 2.6 Bill of Lading

Doc:Kivirda, 2021.11.24. Certificate No: SZ-0683/00054-1310215
02.316/69/2019. Original



**ANIMAL HEALTH CERTIFICATE
ÁLLATEGÉSZSÉGÜGYI BIZONYÍTVÁNY**

for poultry (chicken / duck / goose / turkey / quail / pheasants / other) products from
Hungary for human consumption intended for consignment to the Socialist Republic of
Vietnam

emberi fogyasztásra szánt baromfi (tyúk / kacsa / lúd / pulyka / füzű / fácán / egyéb)
termékek Magyarországról a Vietnámi Szocialista Köztársaságra történő kiviteltéhez

(This certificate is for the veterinary purposes only and must accompany the consignment until it reaches the place of
destination.)

(Ez a bizonyítvány állategészségügyi célból és a szállítástól a megnevezett helyig kell kísérni.)

Reference number:
Hivatalos szám: SZ-0683/00054-1310215

Country (and region, where applicable) of dispatch: HUNGARY
Feladási ország (ahol alkalmazandó), terület: MAGYARORSZAG

Ministry:
Minisztérium: Állatorvosügyészség
Ministry of Agriculture of Hungary

Competent issuing authority:
Kivirda Helyiégi hatóság: Élelmiszer-Származási Bizottság Városi Kormányzat Kivirda Helyi
Hatóság Előzetesellenőrzés-tervezési és Állategészségügyi Osztály. Identification of product:
I. A termék azonosítása: Csirke /Chicken

- The poultry originated from: Hungary
- A baromfi termék származék:Magyarországról

(Animal species) (Állatfaj)

- Name of the commodity: Frozen chicken feet II grade
- Az áru neve: Gy.fagy. csirke láb II min.

- Nature of packing: carton
- A csomagolás módja:karton

- Number of packing units:
- Csomagolás egységek száma: 2300 karton

- Net weight:
- Nettó súly: 23000 kg

- Container number:
- Konténer szám: SZLU 949820-0

- Container Seal-Number:
- Konténer plombaszám: NBY 136849; 1445453

HU
112
EK

HU 112 EK

HU 112 EK

I. A termék származék: Magyarországról
II. Origin of product: Hungary

4/1

02.06/2018. Original
 22.06/2018.
 Name(s) address(es) and official approval number(s) of slaughterhouse / processing facility / warehouse approved by the competent authority of the country of origin.
 A származási ország állatárvégeléseitől (vagy feldolgozásától) jóváhagyott üzem(ek) / tárolóhely(ek) neve(i), címe(i) és hivatalos jóváhagyási száma(i)
 Master-Good Kft. 4600 Kivárda, Ipár út 9. Szabolcs-Szatmár Bereg County Hungary HU 112
 III. Destination of products
 III. Az áru rendeltetése: Da Nang, Vietnam
 The poultry product, described above is to be sent from:
 A fent leírt emberi fogyasztásra szánt baromfi termék(ek) innen:
 Master-Good Kft. 4600 Kivárda, Ipár út 9. Szabolcs-Szatmár Bereg County Hungary
 HU 112
 (Place of dispatch) (A feladás helye)
 Da Nang, VIETNAM
 (Place of destination) (Rendeltetési hely)
 by the following means of transport ⁽¹⁾ vessel
 a következő szállítási eszközzel ⁽²⁾ hajó. CMA CGM HELLUM OR SUB
 date and place of shipment :
 a feladás időpontja és helye: 2023.11.24. Master-Good Kft. 4600 Kivárda, Ipár út 9. Szabolcs-Szatmár Bereg County Hungary
 Name and address of consignee (exporter and exporter company):
 A feladó (exportőr és exportőr cég neve és címe): Master-Good Kft. 4600 Kivárda, Ipár út 9. Szabolcs-Szatmár Bereg County Hungary on behalf of Novaro A/S - Primrosegård 15, DK-9000 Aalborg, Denmark.
 Name and address of consignee (importer and importer company):
 A címzett (importőr és importőr cég neve és címe):
 HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED
 7639 Nu Sout street, Hoa Khanh ward, Da Nang city, Viet Nam
 IV. Health attention:
 IV. Egészségügyi figyelmek:
 I the undersigned, official veterinarian, verify that:
 Aláírott állatorvos igazolom, hogy:
 1. region (country) of the exporting country (Hungary) is free from highly pathogenic Avian Influenza as defined in the International Animal Health Code of the OIE.
 az exportáló ország (Magyarország) rizikója (veszélye) mentes az OIE Nemzetközi Állategészségügyi Kódexében meghatározottan szigorú pathogénitási szabványtól.
 2. The poultry (chicken) / duck / goose / turkey / quail / pheasant) other product described above is obtained from poultry, which:
 A fent leírt emberi fogyasztásra szánt baromfi (tyúk / kacsa / liba / pulyka / bors / fácán) termék olyan baromfifőből származik, amely(ek)re:
 (a) has been held in the territory of the exporting country (Hungary) since hatching
 (a) az exportáló ország (Magyarország) területén tartottak kelteztől kezdve.


Page No.: 2021.11.24. Certificate No.: 02-06/03/0895-13(2023)
Date: 2023/04/04/2018.

(b) comes from holdings;
(b) **származásuk gazdaságokból:**

i) in which and around which, within a radius of 10 km, including where appropriate the territory of a neighbouring country, there have been no outbreaks of Vesicular Stomatitis Newcastle Disease (VSDN) in the previous two months;

ii) és annak 10 km sugarú körzetében a Vesicular-stomatitis velgna-vicetoroty fertőzés a legutolsáig megelőző 2 hónapban nem fordult elő;

i) in which there have been no outbreaks of Foot-and-mouth disease, Swine typhoid, Pullorum disease, in case of duck meat Duck virus hepatitis and Duck virus enteritis, Leptospira Newcastle Disease and other relevant infectious disease of poultry and salmonella enteritidis (phase type 4) has not been isolated during the past 12 months before slaughter of the animals,

ii) amelyekben az állatok leghaláláig megelőző 12 hónapban nem fordult elő baromfiherpesz, baromfihajlítás, kócsokos élethezés kivés vesevír okozta megfertőződés és kacsapertis, a Vesicular-stomatitis fertőzés változata, és egyéb súlyosan fertőző baromflifertőzők, valamint az idió szalmacoccia enteritidist (4-c fajtípust) nem izoláltak.

3. -Carassie period of slaughtering :
Végzett tesz : a végző időpontja 2025.11.13.-2025.11.22.
- Postray test: period of slaughtering and processing.
- Baromfi hús : a végző és a feldolgozás időpontja : 2025.11.13.-2025.11.22.

4. that the poultry product for human consumption described above:
a first lot, number fogaztatási szám baromfi termék:

(a) comes from slaughterhouse which is under permanent veterinary supervision. The poultry product described above is appropriate for human consumption as a result of date and post mortem inspections carried out by the official veterinarian of the exporting country;

(a) olyan vizsgálóból származik, amely folyamatosan állatorvosilag felügyelt állat áll; A first lot/baromfi termék az elvégzett első, post-mortem vizsgálatok általános vizsgálata alapján emberi fogyasztásra alkalmas;

(b) the package is marked with an identification mark in accordance with Regulation (EC) No 853/2004 Annex II Section I, to prove it has been treated sufficiently so to cause any harm to public health;

(b) a csomagoló a 853/2004/EK rendelet II. mellékletének 1. pontjában meghatározott csomagolás alátámasztó azonosító jelöléssel látták el, bizonyítva, hogy az elegendően kezelt, károsodást nem okoz;

(c) does not exceed the maximum level the harmful residues for public health (antibiotics, aminoglycosides, pesticides, hormones, heavy metal, radiactivity, etc.) and microorganisms according to the existing standard of Codex Alimentarius Commission;

(c) a termékben lévő károsítóanyagok tartalma maximálisan az (antibiotikumok, aminoglikozidok, szerves, peszticidek, hormonsók, nehézfémek, radioaktív anyagok, stb.) értéke nem haladja meg a Codex Alimentarius Bizottság által ajánlott szabványokat;

(d) has not been treated with ionized radiation or ultraviolet-ray treatment likely to alter the nature or composition of poultry meat and not be injured by residues;

(d) nem kezeltek úgy ionizáló sugárzással vagy ultraibolyasugárral, amely a bennszőrű minőségét megváltoztatná, és károsítaná azt sem kezelte, hogy a csomagoló anyagot a szállító ország hatóságai engedélyezett anyagból készült, amely az emberi egészségre nem ártalmas

A csomagolóanyag, amelyet a first lot/baromfi termék csomagolásához használtak, az exportáló ország által hatálybalírt engedélyezett anyagból készült, amely az emberi egészségre nem ártalmas

Budapest, 2021.11.24. Csaklár Nr. SZ-06/03/00004-132021
 (C) 3-6/9/2019.

Dated at / Készült: Készült
 (Place) (Hely)

m. 2025.11.24.
 (Date) (Dátum)



(Signature of the official veterinarian)⁽¹⁾
 (A hatósági állatorvos aláírása)⁽¹⁾
 Dr. Kaponyi Orsolya, Hírdőző állatorvos
 (Name in capital letters, qualification and title)
 (Név nyomatott betűvel, hivatal, beosztás)

Stamp / Pecét⁽²⁾

(1) Give the registration number, flag number or name of the ship. For bulk containers, include the container number and the seal number attached on containers.
 (1) A regisztrációs, a repülőgép (hajó) azonosító jelét, a konténerek esetében a konténer számát és a konténer plombaszámát is.

(2) The signature and stamp must be in a different colour to that of the printing of the certificate.
 (2) Az aláírás és a pecét színűnek a bizonyítvány nyomtatott szövegétől eltérőnek kell lennie.



Hình 2.7 Health Certifrcate

1. Afsender - Consignor - Expéditeur - Expéditeur Nowaco A/S Prinsensgade 15 DK-9000 Aalborg Denmark		Nr. S-193789	ORIGINAL	
2. Modtager - Consignee - Destinataire - Destinatar HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED 162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward, VN- Da Nang city, Vietnam		DE EUROPÆISKE FÆLLESSKABER EUROPEAN COMMUNITIES - COMMUNAUTÉS EUROPÉENNES COMUNIDAD EUROPEA		
4. Oplysninger vedrørende transport (afgørende for obligatorisk) Proposed means of transport - Expédition prévue par - Información relativa al transporte		5. Bemærkninger - Additional remarks - des remarques - Observaciones Seal No. 1: 1445453/MEX135847, 1445453/MEX135842, 1445453/MEX135849 Issued Retroactively		
Vessel: CMA CGM HELIUM Container No. CGMU5307224 SEGU8230826 SZLUS9498200		3. Oprindelsestid - Country of Origin - Pays d'origine - País de origen Hungary		
6. Lade nr. Koli - Number of packages - Caja - Numero de cajas		7. Mængde - Quantity - Cantidad		
Mærke og nummer		Description of the merchandise - Descripción de la mercancía		
1. S-193789		6900 Cartons Frozen CHICKEN FEET B-Grade H.S. Code: 020714 Gross 72.960 kg Net 69.000 kg Manufactured by: Master-Good Kft. 4600 Kisvárd, Ipár út 9. Szabolcs-Szatmár-Bereg County Hungary HU 112 END OF TEXT		
8. Undertegnede myndighed har bekræftet, at de ovenfor beskrevne varer har oprindelse i det i rubrik 3 nævnte land. The undersigned authority certifies that the above goods originate from the country of point 3. L'autorité soussignée certifie que les marchandises désignées ci-dessus sont originaires du pays de la rubrique 3. La autoridad que suscribe certifica que las mercancías arriba mencionadas son originarias del país que figura en la casilla n° 3.				
 Digital Certificate of Origin - digitally signed Zsolt E. Schür 20-12-2025 09:08 Köbenhavn V, DK Contact us in case of certificate discrepancy: Please see our contact page Verification code: 7750541474144278955 				

Master- Good Kft.
Hu-4600 Kisvárd, Ipár út 9. Hungary HU112EK

CERTIFICATE OF ORIGIN
WE HEREBY DECLARE THE FOLLOWING

PRODUCT: Frozen chicken Feet B grade
HS code: 020714

NET WEIGHT: 23000 KG
GROSS WEIGHT: 24320 KG
Origin: HUNGARY

Notify /buyer: Nowaco A/S
Prinsensgade 15, 9000
Denmark, Aalborg

Consignee: HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE
COMPANY LIMITED
162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward,
Da Nang city, Viet Nam

Container number: CGMU 530722-4

HU-4600 Kisvárd 25.11.2025.


Master Good Kft.
4600 Kisvárd, Ipár út 9.
Address mail: 12467087-2-15
22

Hình 2.8 Certificate of Origin (C/O)

Người thực hiện bước này là nhà xuất khẩu hoặc đại lý của nhà xuất khẩu tại nước ngoài. Đây là bước rất quan trọng trong quy trình nhập khẩu vì các chứng từ trên sẽ được sử dụng để khai báo hải quan, kiểm dịch động vật và làm thủ tục thông quan. Nếu thông tin trên chứng từ không chính xác hoặc thiếu chứng từ kiểm dịch, lô hàng có thể bị chậm thông quan hoặc không đủ điều kiện nhập khẩu.

2.3.2. Tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ nhập khẩu

Sau khi nhận được bộ chứng từ từ nhà xuất khẩu, bộ phận chứng từ của Melody Logistics sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ và sự thống nhất giữa các chứng từ.

Người trực tiếp thực hiện là nhân viên chứng từ của công ty.

Đầu vào gồm: Commercial Invoice, Packing List, Bill of Lading, Health Certificate, Certificate of Origin, Veterinary Certificate

Đầu ra là bộ hồ sơ nhập khẩu hoàn chỉnh và chính xác để phục vụ cho quá trình khai báo hải quan và kiểm dịch.

Trong quá trình kiểm tra chứng từ, nhân viên chứng từ cần đối chiếu kỹ tên hàng hóa, trọng lượng, số container, số seal container, cảng đi, cảng đến và thông tin người

nhận hàng. Đối với hàng đông lạnh, cần đặc biệt lưu ý về Health Certificate và giấy chứng nhận kiểm dịch từ nước xuất khẩu.

Nếu phát hiện sai sót, Melody Logistics sẽ liên hệ với nhà xuất khẩu để yêu cầu chỉnh sửa chứng từ trước khi tàu cập cảng nhằm tránh phát sinh chi phí lưu container lạnh tại cảng.

2.3.3. Theo dõi lịch trình tàu và nhận *Arrival Notice*

Sau khi tàu vận chuyển hàng hóa rời cảng xuất khẩu, bộ phận chứng từ và điều vận của Melody Logistics sẽ theo dõi lịch trình tàu và cập nhật thời gian dự kiến tàu đến cảng nhập khẩu.

Người thực hiện bước này gồm bộ phận chứng từ của Melody Logistics và hãng tàu. Đầu vào gồm Booking information, Bill of Lading và dữ liệu vận chuyển từ hãng tàu. Đầu ra là Arrival Notice (A/N) và kế hoạch nhận hàng tại cảng.

Đối với hàng thực phẩm động vật đông lạnh, thời gian xử lý hàng hóa tại cảng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hàng và chi phí phát sinh. Vì vậy, Melody Logistics cần chủ động theo dõi ETA của tàu để bố trí nhân sự làm kiểm dịch, khai báo hải quan và sắp xếp xe vận chuyển container lạnh.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần kiểm tra tình trạng container lạnh và nhiệt độ bảo quản trong suốt quá trình vận chuyển quốc tế nhằm hạn chế rủi ro ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa.

[illegible]

đồng bộ dữ liệu giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý chuyên ngành. Trước tiên, nhân viên chứng từ tiến hành đăng ký xin cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm động vật đông lạnh tại Cục Thú y. Sau khi hồ sơ được tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ, cơ quan thú y sẽ xem xét nguồn gốc hàng hóa, quốc gia xuất khẩu, tình hình dịch bệnh của nước xuất khẩu cũng như các điều kiện vệ sinh thú y liên quan trước khi cấp giấy phép kiểm dịch nhập khẩu cho doanh nghiệp thông qua hệ thống một cửa quốc gia.

Sau khi được cấp giấy phép nhập khẩu, bộ phận chứng từ tiếp tục thực hiện bước khai báo đăng ký kiểm dịch với Chi cục Chăn nuôi và Thú y địa phương nơi hàng hóa nhập khẩu hoặc nơi doanh nghiệp đăng ký bảo quản hàng hóa sau thông quan. Đây là cơ sở để cơ quan thú y địa phương tiến hành giám sát, kiểm tra hồ sơ và tổ chức kiểm dịch thực tế đối với lô hàng khi cập cảng. Đồng thời, những chỉ thị hoặc xác nhận của Chi cục Thú y cũng là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp tiếp tục triển khai các bước nghiệp vụ tiếp theo như lấy mẫu kiểm nghiệm, làm thủ tục hải quan và đưa hàng hóa về kho bảo quản đúng quy định.

Hồ sơ đăng ký kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm động vật đông lạnh thường bao gồm các chứng từ cơ bản như:

- Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm động vật;
- Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc chứng nhận y tế (Health Certificate) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;
- Vận đơn (Bill of Lading);
- Hóa đơn thương mại (Invoice);
- Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List);
- Một số chứng từ khác theo yêu cầu của cơ quan thú y trong từng trường hợp cụ thể.

Kết quả đầu ra của quá trình này là giấy phép nhập khẩu động vật hoặc sản phẩm động vật do cơ quan thú y cấp. Đây là chứng từ pháp lý đặc biệt quan trọng trong bộ hồ sơ nhập khẩu bởi nó chứng minh lô hàng đã được cơ quan quản lý chuyên ngành cho phép nhập khẩu vào Việt Nam.

Trong quá trình khai báo hồ sơ, nhân viên chứng từ phải đặc biệt chú trọng đến tính chính xác và đồng nhất của thông tin trên các chứng từ. Các nội dung như tên hàng hóa, tên khoa học của sản phẩm động vật, xuất xứ hàng hóa, số lượng, trọng lượng, cảng nhập khẩu, phương tiện vận chuyển, cơ sở lưu kho bảo quản sau nhập khẩu và mục đích

sử dụng hàng hóa đều phải được khai báo đầy đủ và chính xác. Nếu thông tin sai lệch hoặc không thống nhất giữa các chứng từ, doanh nghiệp có thể bị yêu cầu sửa đổi hồ sơ, kéo dài thời gian xử lý hoặc nghiêm trọng hơn là bị từ chối cấp giấy phép kiểm dịch nhập khẩu.

Theo quy định tại Luật Thú y năm 2015, động vật và sản phẩm động vật nhập khẩu thuộc diện kiểm dịch bắt buộc phải được cơ quan thú y Việt Nam kiểm tra trước khi đưa vào lãnh thổ Việt Nam nhằm phòng chống nguy cơ xâm nhập dịch bệnh từ nước ngoài. Đồng thời, Nghị định 35/2016/NĐ-CP cũng quy định rõ các trường hợp tạm ngừng hoặc cấm nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật nếu phát hiện nguy cơ mang mầm bệnh hoặc xuất phát từ quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

Ngoài ra, việc thực hiện đăng ký kiểm dịch nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia còn góp phần nâng cao tính minh bạch và hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Hệ thống này cho phép doanh nghiệp nộp hồ sơ điện tử, theo dõi trạng thái xử lý hồ sơ trực tuyến, giảm thời gian đi lại và hạn chế việc sử dụng hồ sơ giấy truyền thống. Đồng thời, dữ liệu cũng được kết nối giữa cơ quan hải quan và cơ quan thú y giúp quá trình thông quan hàng hóa được diễn ra nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Có thể thấy rằng, thủ tục đăng ký kiểm dịch nhập khẩu đối với thực phẩm động vật đông lạnh không chỉ là yêu cầu pháp lý bắt buộc mà còn là biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ ngành chăn nuôi trong nước, kiểm soát an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Vì vậy, bộ phận chứng từ của doanh nghiệp cần có kiến thức chuyên môn vững vàng, nắm rõ quy trình nghiệp vụ và thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới để bảo đảm quá trình thực hiện thủ tục diễn ra thuận lợi, hạn chế rủi ro phát sinh và tránh ảnh hưởng đến tiến độ giao nhận hàng hóa.

Một số căn cứ pháp lý liên quan đến hoạt động đăng ký kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm động vật gồm:

- Luật Thú y 2015;
- Nghị định 35/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;
- Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT;
- Các quy định về thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

- Các quy định của cơ quan thú y về kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm và vệ sinh thú y đối với hàng hóa nhập khẩu

ĐỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CỤC THỦ Y		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
Số: 5458/TV-KĐDV	Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026		
V/v: Kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu			
Kính gửi: CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS			
Tra lời công văn số BNNPTNT/11260146304 ngày 16/03/2026 của CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS về việc kiểm dịch nhập khẩu:			
Tên hàng	Số lượng	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
Chăn gà đông lạnh	10000 (Kilogram)	POLAND	Cảng Đà Nẵng
Chăn gà đông lạnh	170000 (Kilogram)	HUNGARY	Cảng Đà Nẵng
Chăn gà đông lạnh	140000 (Kilogram)	LITHUANIA	Cảng Đà Nẵng
Chăn gà đông lạnh	140000 (Kilogram)	RUSSIAN FEDERATION	Cảng Đà Nẵng

• Từ Công ty: Norvime Foods A/S ; Nowata A/S ; MB VICTORY VENTURES VP, ESS-FOOD A/S; A/C INTERNATIONAL, INC.,

• Nhà máy sản xuất: CEDROB S.A. Ujardów 2A, 06-400 Ciechanów, Ubojnia Drobia odpowiedzialoscia (mã 14023901), ADRÓS opoka z ograniczoną odpowiedzialnością (mã 30290502), Plukon Sieradz sp. z o.o. (mã 10140507), Master Good Kft. (mã 101 112), All "Vitamus prakotyrai" (mã LT 41-38 EHT, Joint Stock Company "Chicken Kingdom" (JSC "Chicken Kingdom") mã RU-036/MD03986, Joint Stock Company "Chicken Kingdom" Short name: JSC "Chicken Kingdom" mã RU-046/SV03636, Joint Stock Company "Vasilevskaya poultry factory" (Short name JSC "Vasilevskaya PF") mã RU-059/NQ01309, Joint Stock Company "Chicken Kingdom" (JSC "Chicken Kingdom") mã RU-022/QB04135, Joint Stock Company "Chicken Kingdom" (short name: JSC "Chicken Kingdom") mã RU-059/PT04526, Joint Stock Company "Chicken Kingdom" (JSC "Chicken Kingdom") mã RU-032/GH02370,

• Thời gian thực hiện: Đến hết ngày 21/6/2026.

• Mục đích sử dụng: Kinh doanh thực phẩm.

Cục Chăn nuôi và Thú y có ý kiến như sau:

- Đồng ý để Công ty được kiểm dịch số hàng nêu trên. Hàng nhập vào Việt Nam phải có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp, xác nhận, sản phẩm được lấy từ động vật khỏe mạnh, trong vùng cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc không có bệnh truyền nhiễm theo quy định; được kiểm tra trước và sau khi giải mổ và không có dấu hiệu của bất kỳ bệnh truyền nhiễm nào, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y và phù hợp để sử dụng làm thực phẩm.
- Trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, Công ty phải khai báo kiểm dịch nhập khẩu với Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng IV.
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng IV thực hiện kiểm dịch hàng nhập theo quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Nơi gửi:
- Chi cục Thú y vùng IV;
- Lưu VT, KD.

CỤC THỦ Y

Đã ký

Đương Tất Thắng

Hình 2.10 Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu do cục thú y cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>		Mẫu 3	
Thành phố Đà Nẵng, ngày 02 tháng 04 năm 2026			
ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (*)			
Số: BNNPTNT/123456789			
Kính gửi: Chi cục Thú y vùng IV (**)			
Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS			
Địa chỉ: 1629 Mẹ Suốt, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam			
Điện thoại: 0877974089 Fax: E-mail: Hieuva114455@gmail.com			
Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch là hàng (***) Nhập khẩu hoặc nhập kho ngoại hoặc TNTX hoặc qua cảnh /việc khác, ZVIZ, quá cảnh khác (nếu ...)			
1. Tên hàng: Chăn gà đông lạnh	2. Nơi sản xuất: CEDROB S.A. Ujardów 2A, 06-400 Ciechanów, Ubojnia Drobia	3. Số lượng: 1800.0 (Kilo/Hộp/Bao/Gi)	4. Trọng lượng tịnh: 17000.0 (Kilogram)
5. Trọng lượng cả bì: 18140.0 (Kilogram)	6. Loại bao bì: Carton	7. Số hộp đóng hoặc số thùng từ thành toán (L/C, IT): BHLCSU6445022509	8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: Norvime Foods A/S
9. Nước xuất khẩu: POLAND	10. Cửa khẩu xuất: GDANSK	11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS	12. Nước nhập khẩu: VIETNAM
13. Phương tiện vận chuyển: OOCL FELIXSTOWE 009 E Số container: OERU4314605	14. Cửa khẩu nhập: Cảng Đà Nẵng	15. Mục đích sử dụng: Kinh doanh thực phẩm 16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y (nếu có): 5458/TV-KĐDV ngày 27 tháng 03 năm 2026 17. Địa điểm kiểm dịch: Cảng Đà Nẵng 18. Thời gian kiểm dịch: từ ngày 06/04/2026 đến ngày 30/04/2026 19. Địa điểm giám sát (nếu có): CÔNG TY CP GIAO NHẬN NHANH LIÊN PHƯƠNG, KCN ĐINH VŨ, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG 20. Thời gian giám sát: từ ngày 06/04/2026 đến ngày 30/04/2026 21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: 02 Chúng tôi xin cam kết: báo điện nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đồng thời tuân thủ các quy định về kiểm dịch và chỉ đơn hàng hóa ra thị trường sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).	
		TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN BẢNG KÝ (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) GIÁM ĐỐC MAI VĂN HIỆU	
		XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: Cảng Đà Nẵng đã khai báo vào thời gian: ngày 30 tháng 04 năm 2026	
		Vào và số 0203/2026/DHĐĐKB, ngày 27 tháng 03 năm 2026 Chi cục Thú y vùng IV (**) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Đã ký Phan Hân Đức	
		XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (Trong trường hợp là hàng không được nhập khẩu) Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:	

Hình 2.11 Đơn khai báo kiểm dịch

2.3.5. Lấy lệnh giao hàng EDO

Trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển hiện nay, việc sử dụng lệnh giao hàng điện tử (Electronic Delivery Order – EDO) đã dần thay thế hình thức lệnh giao hàng giấy truyền thống. Đây được xem là một bước tiến quan trọng trong quá trình số hóa ngành logistics bởi EDO giúp doanh nghiệp tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí đi lại và hạn chế nhiều rủi ro phát sinh trong quá trình nhận hàng tại cảng.

Trước đây, khi sử dụng lệnh giao hàng giấy (DO), nhân viên chứng từ thường phải trực tiếp đến văn phòng hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu để nộp hồ sơ, đóng dấu, thanh toán phí và nhận lệnh giấy. Quy trình này khá mất thời gian, đặc biệt trong những thời điểm lượng hàng nhập khẩu tăng cao hoặc khi văn phòng hãng tàu ở xa khu vực cảng. Ngoài ra, doanh nghiệp còn có thể gặp các tình huống như thất lạc chứng từ, chờ đợi xử lý lâu hoặc phải di chuyển nhiều lần để bổ sung hồ sơ. Tuy nhiên, với sự phát triển của công nghệ và hệ thống giao dịch điện tử, phần lớn hãng tàu hiện nay đã chuyển sang sử dụng EDO nhằm tối ưu hóa quy trình giao nhận hàng hóa.

Sau khi nhận được giấy báo hàng đến (Arrival Notice – AN) từ hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu cùng với vận đơn đường biển (Bill of Lading), bộ phận chứng từ của doanh nghiệp sẽ bắt đầu tiến hành thủ tục lấy lệnh giao hàng điện tử. Đây là bước quan trọng nhằm xác nhận doanh nghiệp đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán và được quyền nhận hàng tại cảng hoặc kho lưu giữ container.

Đầu tiên, nhân viên chứng từ tiến hành kiểm tra thông tin trên AN và Bill of Lading để đối chiếu các nội dung quan trọng như tên người nhận hàng, số vận đơn, số container, số seal, tên tàu, số chuyến, cảng dỡ hàng và thời gian hàng cập cảng. Việc kiểm tra kỹ thông tin ở bước này có ý nghĩa rất quan trọng bởi nếu phát hiện sai sót muộn sẽ dễ gây ảnh hưởng đến tiến độ nhận hàng và phát sinh thêm chi phí lưu container, lưu bãi.

Sau khi xác nhận thông tin chính xác, bộ phận chứng từ sẽ liên hệ với hãng tàu hoặc đăng nhập vào hệ thống điện tử của hãng tàu để thực hiện thanh toán các khoản phí liên quan. Tùy từng hãng tàu và từng lô hàng cụ thể mà các khoản phí có thể bao gồm: Phí D/O (Delivery Order fee), phí THC (Terminal Handling Charge), phí vệ sinh container, phí CIC, phí handling, phí lưu container hoặc lưu bãi (nếu có) và một số phụ phí khác theo quy định của hãng tàu.

Hiện nay, đa số hãng tàu đều hỗ trợ thanh toán trực tuyến thông qua chuyển khoản ngân hàng hoặc cổng thanh toán điện tử. Điều này giúp doanh nghiệp không cần trực tiếp đến văn phòng hãng tàu như trước mà vẫn có thể hoàn tất thủ tục nhanh chóng và thuận tiện hơn. Sau khi hãng tàu xác nhận đã nhận được thanh toán đầy đủ, hệ thống sẽ phát hành lệnh giao hàng điện tử EDO cho doanh nghiệp thông qua email hoặc cổng thông tin trực tuyến của hãng tàu.

Lệnh EDO sau khi được cấp sẽ được truyền dữ liệu trực tiếp đến cảng, depot hoặc đơn vị khai thác liên quan. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể sử dụng mã EDO hoặc bản điện tử để thực hiện thủ tục lấy hàng mà không cần xuất trình lệnh giấy như trước đây. Điều này không chỉ giúp rút ngắn thời gian xử lý mà còn hạn chế nguy cơ mất chứng từ hoặc làm giả lệnh giao hàng.

Đầu vào của quy trình lấy lệnh giao hàng điện tử EDO bao gồm:

- Arrival Notice (AN);
- Bill of Lading;
- Giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền (nếu hãng tàu yêu cầu);
- Thông tin thanh toán phí local charge;
- Một số chứng từ liên quan khác tùy theo quy định của từng hãng tàu.

Đầu ra của quy trình là:

- Lệnh giao hàng điện tử EDO;
- Xác nhận doanh nghiệp đủ điều kiện nhận hàng;
- Dữ liệu lệnh được cập nhật trên hệ thống cảng hoặc depot phục vụ quá trình lấy container/hàng hóa.

Có thể thấy rằng việc áp dụng EDO đã giúp quy trình giao nhận hàng nhập khẩu trở nên hiện đại và hiệu quả hơn rất nhiều so với trước đây. Thời gian xử lý được rút ngắn đáng kể, doanh nghiệp giảm được áp lực di chuyển, đồng thời tăng tính minh bạch trong quá trình giao dịch với hãng tàu. Đặc biệt trong bối cảnh ngành logistics ngày càng phát triển theo hướng số hóa, EDO đang trở thành hình thức giao hàng phổ biến và gần như bắt buộc đối với nhiều hãng tàu quốc tế.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhân viên chứng từ cũng cần đặc biệt lưu ý một số vấn đề quan trọng nhằm tránh phát sinh rủi ro ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng:

- Cần kiểm tra chính xác thông tin trên vận đơn và AN trước khi thanh toán phí;

- Theo dõi thời hạn miễn lưu container và lưu bãi để tránh phát sinh chi phí ngoài dự kiến;
- Kiểm tra kỹ email hoặc hệ thống nhận EDO nhằm bảo đảm lệnh đã được phát hành thành công;
- Lưu trữ đầy đủ hóa đơn thanh toán và xác nhận giao dịch để phục vụ đối chiếu khi cần thiết;
- Chủ động liên hệ hãng tàu ngay khi phát hiện sai sót về tên consignee, số container hoặc tình trạng vận đơn;
- Đối với vận đơn gốc (Original B/L), cần bảo đảm đã thực hiện surrender hoặc ký hậu đúng quy định trước khi xin cấp EDO.

CMA CGM VIETNAM NO 81-85 HAM NGHI STREET, SAIGON WARD HO CHI MINH CITY VIET NAM TEL:0084-8-39148400 FAX:0084-8-39151716 VAT NO. 0304207743			
Payment info Bill of Lading: GDY0409404 Customer: 0008453193/001 Your Ref: -		DEBIT NOTE VNDIC086713 COPY Date: 19-MAY-2026 Payment Ref/Local Inv No.: C26TAA00191237	
Payable to: CÔNG TY CỔ PHẦN CMA-CGM VIỆT NAM Số 81-85, Đường Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TEL:0084-8-39148400 FAX:0084-8-39151716 VAT NO.: 0304207743 Contact info Invoiced By: Ushail JAYAKUMAR		Invoice To: CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS 162/9 Mễ Suối, Phường Hòa Khánh, TP Đà Nẵng, Việt Nam VAT NO.: 0402248709	
Voyage: 0HJEWN1MA Vessel: CMA CGM FUJI Call Date: 21 MAY 2026			
Place of Receipt: - Discharge Port: DA NANG Load Port: GDANSK Place of Delivery: -			
Commodity Code Description Package Qty 020714 Frozen cuts and edible offal o 40RA 1			
Container Number(s): CGMU5365968			
Size/Type	Charge Description	Tax	Based on
40RA C	Phi dỡ hàng tại nơi đến	F1	1 UNI
40RA C	Phi bảo trì container, Cảng dỡ hàng	F1	1 UNI
40RA C	Phi vận chuyển container tại cảng dỡ hàng	F1	1 UNI
40RA C	Phi chứng từ hàng nhập	F1	1 FIX
Rate of Exchange		Currency Charge Totals	
1 USD = 26,372.000000 VND		VND 8,370,000.00	
VAT applied as indicated on charges		Total Excluding Tax 8,370,000.00	
F1 C Freight tax 8,370,000.00 @5.26% 440526.00 VND 16.74 USD		Total VAT 5.26% 440,526.00	
		Total VAT 440,526.00	
		Total Including Tax 8,810,526.00	
(C)For and on behalf of CMA - CGM BOULEVARD JACQUES SAADE 4 QUAI D'ARENC CEDEX 02 13235 MARSEILLE-FRANCE Carrier No. VNCMA3014391 FR72562024422		Total Amount: 8,810,526.00 VND Payable by 21-MAY-2026 Vui lòng thanh toán toàn bộ số tiền trên hóa đơn trước hoặc vào ngày đến hạn, không khấu trừ. Toàn bộ phí ngân hàng do người chuyển chịu.	
Another Bank Account: 001 - 109966 - 101 (USD) Name of Beneficiary: CÔNG TY CP CMA-CGM VIETNAM (CMA-CGM VIETNAM JSC); Swift Code: HSBCVNVX HSBC HCMC 235 DONG KHOI STREET BEN NGHE WARD DISTRICT 1 HO CHI MINH CITY VIET NAM SG Account Number: 001 - 109966 - 001 (VND)			

Hình 2.12 Debit Note thanh toán của hãng tàu để thanh toán lấy lệnh EDO

		LỆNH GIAO HÀNG ĐIỆN TỬ (Electronic Delivery Order)	
Số lệnh (Release No): JBF233996545 Mã bảo mật (Security Code): VFZQ4SWB6 Người nhận (Receiver): HARMONY LOGISTICS TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED 162 9 ME SUOT STREET HOA KHANH WARD DA NANG CITY VIETNAM TAX ID 0402248709 840327048772 EMIAL THIEMND HUNGTHINH GMAIL COM			
Số chuyến (Actual Voyage): 0HJEWN1NC Ngày cập cảng (ETA): 21/05/2026 Tên tàu (Vessel): CMA CGM FUJI Cảng dỡ hàng (POD): DA NANG PORT Cảng đích/Nơi giao hàng (FPOD/Delivery): DA NANG PORT		Số Container (Container No): CGMU5385968 Số vận đơn (Bill Lading No): GDY0409404 Kích thước/Kiểu Container (Size/Type): 40RA Số Seal (Seal No): HY957417 ; IW2204076865	
Hạn nhận Container (Release Expiry Date): 22/05/2026 Hạn trả Container rỗng (Return Expiry Date): 25/05/2026 Nơi trả Container rỗng (Depot): G-FORTUNE DA NANG DEPOT Địa chỉ (Address): NO 10 YET KIEU STREET, THO QUANG WARD, SON TRA DISTRICT, DANANG CITY Số điện thoại (Phone Number): 759302113 Đối với container SOC, vui lòng bỏ qua yêu cầu trả rỗng của CMA-CGM. (For SOC containers, please ignore the empty return request from CMA-CGM.)			
Mọi thông tin xin liên hệ: Công ty cổ phần CMA CGM Vietnam JSC. Tầng 8, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM (Đề nghị Quý khách kiểm tra Số Container/ Seal/ Tên hàng hóa trước khi nhận hàng)			

Hình. 2.13 Lệnh giao hàng điện tử (EDO)

2.3.6. Khai báo hải quan điện tử

Sau khi hoàn tất các thủ tục chuẩn bị hồ sơ nhập khẩu và được cấp giấy phép kiểm dịch nhập khẩu theo quy định, bộ phận chứng từ của Melody Logistics sẽ tiến hành thực hiện khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS. Đây là bước nghiệp vụ đặc biệt quan trọng trong quy trình nhập khẩu hàng hóa bởi kết quả khai báo hải quan sẽ quyết định việc lô hàng có được thông quan đúng tiến độ hay không.

Hiện nay, hoạt động khai báo hải quan điện tử được thực hiện theo quy định của Luật Hải quan 2014, Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 59/2018/NĐ-CP, cùng các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan liên quan đến thủ tục hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS. Ngoài ra, đối với mặt hàng thực phẩm có nguồn gốc động vật đông lạnh, doanh nghiệp còn phải tuân thủ các quy định chuyên ngành về kiểm dịch động vật theo Luật Thú y 2015 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Người trực tiếp thực hiện công việc này là nhân viên chứng từ xuất nhập khẩu của Melody Logistics. Trước khi tiến hành khai báo trên hệ thống, nhân viên chứng từ cần kiểm tra kỹ toàn bộ hồ sơ nhập khẩu nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa các chứng từ và hạn chế tối đa sai sót trong quá trình truyền tờ khai.

Hồ sơ đầu vào phục vụ cho quá trình khai báo hải quan điện tử bao gồm:

- Commercial Invoice (Hóa đơn thương mại);
- Packing List (Phiếu đóng gói hàng hóa);
- Bill of Lading (Vận đơn đường biển);
- Certificate of Origin – C/O (Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa nếu có);
- Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm động vật;
- Giấy đăng ký kiểm dịch với cơ quan thú y;
- Delivery Order (Lệnh giao hàng);
- Các chứng từ khác theo yêu cầu quản lý chuyên ngành hoặc từng loại hàng cụ thể.

Sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, nhân viên chứng từ tiến hành nhập dữ liệu khai báo trên phần mềm hải quan điện tử kết nối với hệ thống VNACCS/VCIS. Nội dung khai báo bao gồm các thông tin quan trọng như người nhập khẩu, người xuất khẩu, số vận đơn, số container, cảng xếp hàng, cảng dỡ hàng, điều kiện giao hàng Incoterms, phương thức thanh toán, trị giá hóa đơn và thông tin chi tiết của hàng hóa.

Trong đó, việc xác định chính xác mã HS Code được xem là một trong những khâu quan trọng nhất của quá trình khai báo hải quan. Mã HS không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến mức thuế nhập khẩu mà còn liên quan đến chính sách quản lý chuyên ngành, điều kiện kiểm tra nhà nước và các thủ tục kiểm dịch đi kèm. Đối với mặt hàng thực phẩm động vật đông lạnh, doanh nghiệp cần căn cứ vào Biểu thuế xuất nhập khẩu hiện hành, tính chất sản phẩm, thành phần cấu tạo và mục đích sử dụng để áp mã HS phù hợp theo quy định của pháp luật hải quan Việt Nam.

Bên cạnh đó, nhân viên chứng từ cũng phải khai báo chính xác trị giá tính thuế của lô hàng theo quy định tại Thông tư 39/2015/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 60/2019/TT-BTC về xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Trị giá tính thuế thường được xác định dựa trên trị giá giao dịch thực tế của hàng hóa cộng với các khoản chi phí liên quan theo điều kiện giao hàng quốc tế (Incoterms). Nếu khai báo sai trị giá hoặc không phù hợp với cơ sở dữ liệu giá của cơ quan hải quan, doanh nghiệp có thể bị tham vấn giá hoặc kiểm tra sau thông quan.

Ngoài việc xác định mã HS và trị giá tính thuế, nhân viên chứng từ còn cần lựa chọn chính xác loại hình nhập khẩu phù hợp với mục đích của lô hàng như nhập kinh doanh tiêu dùng, nhập sản xuất xuất khẩu hoặc nhập gia công. Việc khai sai loại hình có thể

dẫn đến việc phải sửa đổi tờ khai, kéo dài thời gian thông quan và phát sinh nguy cơ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành.

Sau khi hoàn tất quá trình nhập dữ liệu, hệ thống VNACCS/VCIS sẽ tiếp nhận và tự động phân luồng tờ khai hải quan. Kết quả phân luồng thường bao gồm:

- Luồng xanh: miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa;
- Luồng vàng: kiểm tra hồ sơ hải quan;
- Luồng đỏ: kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa.

Đầu ra của quy trình này gồm:

- Tờ khai hải quan điện tử đã đăng ký;
- Kết quả phân luồng tờ khai;
- Thông tin tiếp nhận xử lý của cơ quan hải quan trên hệ thống VNACCS/VCIS.

Đối với hàng thực phẩm động vật đông lạnh nhập khẩu, ngoài quy trình hải quan thông thường, doanh nghiệp còn phải đặc biệt lưu ý đến các quy định quản lý chuyên ngành liên quan đến kiểm dịch động vật, an toàn thực phẩm và nguồn gốc xuất xứ hàng hóa. Trong nhiều trường hợp, cơ quan hải quan chỉ cho phép thông quan sau khi doanh nghiệp hoàn tất việc kiểm tra chuyên ngành và có kết quả đạt yêu cầu từ cơ quan thú y.

Ngoài ra, nếu lô hàng có C/O hợp lệ từ các quốc gia hoặc khu vực đã ký hiệp định thương mại tự do với Việt Nam như ATIGA, EVFTA, CPTPP hoặc RCEP thì doanh nghiệp có thể được hưởng mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt. Vì vậy, nhân viên chứng từ cần kiểm tra kỹ tiêu chí xuất xứ, mẫu C/O và thời hạn hiệu lực của chứng từ nhằm bảo đảm doanh nghiệp được áp dụng đúng mức thuế ưu đãi theo quy định.

Trong quá trình thực hiện khai báo hải quan điện tử, bộ phận chứng từ cũng cần lưu ý một số vấn đề quan trọng như:

- Kiểm tra tính đồng nhất của thông tin trên toàn bộ chứng từ nhập khẩu;
- Khai báo đúng số container, số seal và thông tin vận chuyển;
- Theo dõi thời gian khai báo để tránh phát sinh lưu container và lưu bãi;
- Chủ động cập nhật các chính sách quản lý chuyên ngành mới đối với thực phẩm đông lạnh nhập khẩu;
- Lưu trữ đầy đủ hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan;
- Thường xuyên đối chiếu thông tin với khách hàng và hãng tàu nhằm hạn chế sai sót phát sinh.

Có thể thấy rằng, khai báo hải quan điện tử không chỉ đơn thuần là thao tác truyền dữ liệu lên hệ thống VNACCS/VCIS mà còn là một nghiệp vụ mang tính pháp lý và chuyên môn cao. Việc khai báo chính xác, đầy đủ và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành sẽ giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian thông quan, giảm thiểu rủi ro phát sinh chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu trong thực tế.

Hình 2.14 *Tờ khai nhập khẩu*

Sau khi doanh nghiệp hoàn tất việc khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS và tờ khai được cơ quan hải quan tiếp nhận, lô hàng sẽ được chuyển sang bước kiểm dịch động vật nhập khẩu theo quy định của cơ quan thú y. Đối với mặt hàng thực phẩm có nguồn gốc động vật đông lạnh, đây là một khâu đặc biệt quan trọng bởi kết quả kiểm dịch là điều kiện bắt buộc để lô hàng được phép thông quan và lưu thông trên thị trường Việt Nam. Quy trình này không chỉ nhằm kiểm soát dịch bệnh

động vật mà còn góp phần bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với người tiêu dùng.

Người trực tiếp tham gia thực hiện quy trình này bao gồm cán bộ cơ quan thú y, cán bộ hải quan liên quan và nhân viên hiện trường (OPS) của Melody Logistics. Trong thực tế, bộ phận OPS đóng vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng, đồng thời chịu trách nhiệm phối hợp xử lý các công việc phát sinh trong quá trình lấy mẫu và kiểm hóa hàng hóa.

Đầu vào của quy trình kiểm dịch bao gồm:

- Hồ sơ đăng ký kiểm dịch nhập khẩu;
- Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu do Cục Thú y cấp;
- Tờ khai hải quan điện tử;
- Bộ chứng từ nhập khẩu liên quan;
- Container hàng hóa thực tế tại cảng;
- Thông tin vị trí container và kế hoạch lấy mẫu.

Sau khi tờ khai hải quan được phân luồng, doanh nghiệp sẽ căn cứ vào kết quả phân luồng để triển khai các bước tiếp theo. Đối với trường hợp tờ khai phân vào luồng đỏ, doanh nghiệp có thể kết hợp thực hiện kiểm hóa hải quan cùng với quá trình lấy mẫu kiểm dịch nhằm tiết kiệm thời gian và hạn chế việc mở container nhiều lần. Đây là phương án thường được áp dụng đối với hàng thực phẩm đông lạnh bởi việc mở container liên tục có thể làm ảnh hưởng đến nhiệt độ bảo quản và chất lượng hàng hóa bên trong.

Trước khi tiến hành lấy mẫu kiểm dịch, bộ phận OPS của Melody Logistics cần thực hiện thủ tục đăng ký dịch chuyển container kiểm hóa và lấy mẫu tại cảng. Nhân viên OPS sẽ liên hệ với cảng để làm lệnh dịch container từ bãi lưu giữ sang khu vực kiểm hóa hoặc khu vực lấy mẫu kiểm dịch theo kế hoạch đã đăng ký. Việc dịch container phải được bố trí phù hợp với lịch làm việc của cơ quan thú y, hải quan giám sát và hải quan kiểm hóa nhằm bảo đảm quá trình kiểm tra diễn ra liên tục, tránh phát sinh thời gian chờ đợi kéo dài gây ảnh hưởng đến chất lượng hàng đông lạnh.

Đồng thời, trước khi thực hiện lấy mẫu, doanh nghiệp phải chuẩn bị công văn xin kiểm dịch lấy mẫu gửi đến Hải quan giám sát tại cảng để đăng ký kiểm tra dưới sự giám sát của cơ quan hải quan. Nội dung công văn thường bao gồm số tờ khai, số container, tên hàng hóa, địa điểm kiểm tra, thời gian dự kiến thực hiện và đề nghị cơ quan hải quan cử cán bộ giám sát quá trình mở container lấy mẫu kiểm dịch. Sau khi tiếp nhận hồ sơ,

Hải quan giám sát sẽ kiểm tra thông tin, bố trí cán bộ hiện trường và lập biên bản giám sát kiểm dịch theo đúng quy định.

Khi đến thời gian lấy mẫu, bộ phận OPS sẽ trực tiếp phối hợp cùng cán bộ thú y, Hải quan giám sát và Hải quan kiểm hóa (nếu tờ khai thuộc luồng đỏ) để thực hiện mở container. Đây là giai đoạn đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên nhằm bảo đảm quá trình kiểm tra diễn ra đúng quy trình nghiệp vụ và hạn chế tối đa ảnh hưởng đến chất lượng hàng đông lạnh.

Tại hiện trường, cán bộ thú y sẽ tiến hành kiểm tra tổng thể tình trạng container lạnh trước khi mở hàng, bao gồm:

- Tình trạng niêm phong container;
- Số seal container;
- Tình trạng vệ sinh bên ngoài container;
- Nhiệt độ bảo quản thực tế của container lạnh;
- Tình trạng hoạt động của máy lạnh container.

Sau khi hoàn tất bước kiểm tra ban đầu, container sẽ được mở dưới sự giám sát của các bên liên quan. Cán bộ thú y tiến hành lấy mẫu sản phẩm theo tỷ lệ và phương pháp quy định đối với từng loại hàng hóa cụ thể. Mẫu hàng sau khi lấy sẽ được niêm phong và chuyển đến cơ quan kiểm nghiệm hoặc phòng thí nghiệm được chỉ định để tiến hành kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y, vi sinh vật, an toàn thực phẩm hoặc các nguy cơ dịch bệnh theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp tờ khai thuộc luồng đỏ, Hải quan kiểm hóa sẽ đồng thời tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình lấy mẫu kiểm dịch. Sau khi hoàn tất việc kiểm tra, container sẽ được đóng lại và niêm phong bằng seal hải quan dưới sự chứng kiến của các bên liên quan nhằm bảo đảm tính nguyên trạng của hàng hóa trong thời gian chờ kết quả kiểm dịch.

Trong suốt quá trình lấy mẫu và kiểm hóa, nhân viên OPS của Melody Logistics có trách nhiệm hỗ trợ bố trí nhân công, điều phối xe nâng, chuẩn bị dụng cụ cắt seal và phối hợp với cảng để bảo đảm việc mở container diễn ra nhanh chóng, đúng kế hoạch. Đồng thời, bộ phận OPS cũng phải theo dõi sát thời gian thao tác nhằm hạn chế việc container mở quá lâu gây thất thoát nhiệt lạnh bên trong.

Sau khi hoàn tất việc lấy mẫu và niêm phong container, nhân viên OPS sẽ tiến hành ký tally với cảng để xác nhận hoàn thành quá trình kiểm dịch và kiểm hóa tại hiện trường. Đây là cơ sở để cảng thực hiện dịch chuyển container trở lại vị trí lưu bãi hoặc

khu vực chờ thông quan. Đối với container lạnh, sau khi được đưa về bãi, cảng sẽ tiến hành cắm điện trở lại cho container nhằm duy trì nhiệt độ bảo quản ổn định trong suốt thời gian chờ kết quả kiểm dịch và hoàn tất thủ tục thông quan. Việc tái cắm điện kịp thời có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hàng thực phẩm đông lạnh nhằm hạn chế nguy cơ tăng nhiệt độ container gây ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm.

Đối với hàng thực phẩm động vật đông lạnh, việc duy trì nhiệt độ ổn định trong suốt quá trình kiểm tra là yếu tố đặc biệt quan trọng. Nếu container bị mở trong thời gian dài hoặc nhiệt độ không được kiểm soát phù hợp, chất lượng hàng hóa có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng như tan đông, giảm chất lượng cảm quan hoặc phát sinh nguy cơ mất an toàn thực phẩm. Vì vậy, doanh nghiệp thường phải chủ động bố trí nhân sự đầy đủ và phối hợp nhịp nhàng với cơ quan chức năng để rút ngắn tối đa thời gian thao tác tại hiện trường.

Sau khi quá trình lấy mẫu hoàn tất, các bên sẽ cùng ký xác nhận biên bản lấy mẫu kiểm dịch, biên bản giám sát kiểm dịch và biên bản kiểm hóa hải quan (nếu có). Đây là cơ sở pháp lý chứng minh lô hàng đã được cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra đúng quy định. Mẫu hàng sau đó sẽ được chuyển đi phân tích và doanh nghiệp phải chờ kết quả kiểm dịch từ cơ quan thú y trước khi được phép hoàn tất thủ tục thông quan.

Đầu ra của quy trình kiểm dịch bao gồm:

- Phiếu lấy mẫu kiểm dịch;
- Biên bản giám sát kiểm dịch;
- Biên bản kiểm hóa hải quan (nếu có);
- Xác nhận niêm phong seal hải quan sau kiểm tra;
- Phiếu tally xác nhận dịch chuyển container;
- Kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu từ cơ quan thú y;
- Thông báo đủ điều kiện thông quan lô hàng.

Trong trường hợp kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu, cơ quan thú y sẽ xác nhận hoàn tất kiểm dịch trên hệ thống và doanh nghiệp có thể tiếp tục thực hiện thủ tục thông quan, đưa hàng ra khỏi cảng và vận chuyển về kho bảo quản. Ngược lại, nếu phát hiện lô hàng không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y hoặc có nguy cơ dịch bệnh, cơ quan chức năng có thể yêu cầu tái xuất, tiêu hủy hoặc áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Có thể thấy rằng, quy trình kiểm dịch và lấy mẫu đối với hàng thực phẩm động vật đông lạnh là một nghiệp vụ có tính phối hợp cao giữa doanh nghiệp logistics và các cơ



Mẫu 15b

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
NHẬP KHẨU**

Số: 0319/2026/D00/CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng: **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS**

Địa chỉ giao dịch: 162/9 Mẹ Suốt, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0877974089 Fax: Email: Hieuvan114455@gmail.com

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Trọng lượng (Kg)	Mục đích sử dụng
Chân gà đông lạnh	Carton	1778.0	26670.0	Kinh doanh thực phẩm
Tổng số		1778.0	26670.0	

Tổng số (viết bằng chữ): Hai nghìn sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi Kilogram

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: Noridane Foods A/S - Amategade 9B, Copenhagen K DK-1256, Denmark

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến: CEDROB S.A. Ujazdówek 2A, 06-400Ciechanów, Ubojnia DrobiuUjazdówek (mã 14023901) - Ujazdówek 06-400 Ciechanów

Nước xuất khẩu: POLAND Nước quá cảnh (nếu có):

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Cảng Đà Nẵng Thời gian nhập: 22/05/2026

Nơi chuyển đến: CÔNG TY CP GIAO NHẬN NHANH LIỀN PHƯƠNG, KCN ĐÌNH VŨ, PHƯỜNG ĐỒNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: Đơn khai báo kiểm dịch số: BNNPTNT 12260293020; Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y (5458/TY-KĐĐV ngày 27/3/2026); giấy Chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

Phương tiện vận chuyển: Tàu biển: OOCL VALENCIA / 0VAN2E1MA Số cont: CGMU8021342

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến: 22/07/2026

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại Đà Nẵng, ngày 23/05/2026

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hình 2.18 Giấy chứng nhận kiểm dịch sau khi đã có kết quả kiểm dịch

2.3.8. Nộp thuế và thực hiện thủ tục thông quan

Sau khi cơ quan kiểm dịch cấp kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu, doanh nghiệp tiến hành thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với lô hàng nhập khẩu, bao gồm nộp thuế nhập

khẩu và thuế giá trị gia tăng (VAT) theo quy định của cơ quan hải quan. Đây là điều kiện bắt buộc để tờ khai hải quan được thông quan và hàng hóa được phép đưa ra khỏi cảng.

Trong giai đoạn này, các bên tham gia gồm nhà nhập khẩu, bộ phận kế toán của doanh nghiệp và cơ quan hải quan. Hồ sơ sử dụng để thực hiện thủ tục bao gồm: tờ khai hải quan, thông báo thuế của cơ quan hải quan và hồ sơ kiểm dịch đã được phê duyệt đạt yêu cầu.

Quy trình thông quan hàng hóa sau kiểm dịch được thực hiện như sau:

- Trước tiên, sau khi có kết quả kiểm dịch hợp lệ, cơ quan hải quan cập nhật trạng thái hồ sơ trên hệ thống VNACCS/VCIS.
- Tiếp theo, hệ thống hải quan sẽ xác định số thuế mà doanh nghiệp phải nộp, bao gồm: Thuế nhập khẩu (nếu mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu); Thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với hàng nhập khẩu.
- Sau khi nhận được thông báo thuế, doanh nghiệp hoặc bộ phận kế toán tiến hành nộp tiền thuế thông qua ngân hàng liên kết với hệ thống hải quan điện tử.
- Khi hệ thống hải quan xác nhận doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, tờ khai hải quan sẽ được chuyển sang trạng thái “đã thông quan”.
- Cuối cùng, doanh nghiệp thực hiện thủ tục nhận hàng tại cảng và đưa hàng về kho bảo quản hoặc phân phối.

Trong thực tế, Melody Logistics thường hỗ trợ khách hàng kiểm tra số tiền thuế phải nộp, đối chiếu chứng từ thanh toán và theo dõi tình trạng thông quan trên hệ thống hải quan nhằm bảo đảm quá trình nhận hàng diễn ra đúng tiến độ.

Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp chậm thực hiện việc nộp thuế hoặc hồ sơ phát sinh sai sót, lô hàng có thể bị kéo dài thời gian lưu tại cảng. Đối với hàng đông lạnh hoặc hàng yêu cầu bảo quản lạnh, việc chậm thông quan còn có thể phát sinh thêm chi phí lưu container lạnh, lưu bãi và các khoản phụ phí khác, làm gia tăng chi phí nhập khẩu của doanh nghiệp.

15/26, 2:36 PM Agritax: In Chứng từ theo mẫu C1-02

Mẫu số 02
Ký hiệu: C1-02/NS
Mã hiệu: 262041301A
Số: 2342063

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☒ Chuyển khoản ☐
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu:

Người nộp ngân sách nhà nước: **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS** Mã số thuế: **0402248709**
Địa chỉ: **162/9 Mệ Suốt** Tỉnh, TP: **Thành phố Đà Nẵng**
Người nộp thay:
Địa chỉ:
Phường/xã/đặc khu:
Đề nghị NHNo&PTNT Việt Nam chỉ nhánh:
Hoặc thu tiền mặt để nộp ngân sách nhà nước.
Số tài khoản đơn vị hưởng: **7111**
Tên cơ quan quản lý thu: **Hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng**
Tại Kho bạc Nhà nước: **KBNN Khu vực XIII - Phòng Giao dịch số 1**
Mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu: **Agribank Chi nhánh Cẩm Lệ Nam Đà Nẵng**
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

**AGRIBANK KCN.ĐN
02363 937 999
ĐÃ THU TIỀN**

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH UNT/ NH Phối hợp thu/KBNN ghi		
STT	Số tờ khai/ Số QĐ/ Số TB/ Mã định danh HS Hoặc khoản phải nộp (ID)	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Mã DBHC
1	108146532650	13/04/2026	Thuế nhập khẩu	43 155 731	43 155 731	755	1901	48TTT
Tổng cộng				43 155 731				

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi năm nghìn bảy trăm ba mươi một đồng.**

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG GHI KHI HẠCH TOÁN:
Mã Cơ quan quản lý thu: **34CE** Nợ TK: **101101**
Có TK: **200501002**

NGƯỜI NỘP TIỀN
Ngày 15 tháng 04 năm 2026
Người nộp tiền: **Nguyễn Duy Thanh**
Kế toán trưởng: **Phan Thị Tuyết**
Thủ trưởng: **Nguyễn Thị Tân Bình**

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT VIỆT NAM
Ngày 15 tháng 04 năm 2026
Thủ quỹ: **Phan Thị Tuyết**
Giao dịch viên: **Phan Thị Tuyết**
Kiểm soát viên: **Nguyễn Thị Tân Bình**

TRƯỞNG PHÒNG KT-NC
Nguyễn Thị Tân Bình

Hình 2.19 Giấy nộp thuế tờ khai

2.3.9 Nhận container lạnh tại cảng

Sau khi tờ khai hải quan được cơ quan hải quan xác nhận thông quan, công ty tiến hành thực hiện thủ tục nhận container lạnh tại cảng và bàn giao cho đơn vị vận tải nội địa để đưa hàng về kho của khách hàng. Đây là công đoạn quan trọng nhằm bảo đảm hàng hóa được bảo quản đúng điều kiện nhiệt độ và hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình giao nhận.

Trong bước này, người thực hiện chủ yếu là nhân viên hiện trường của công ty giao nhận, đại diện hãng tàu, cảng và đơn vị vận tải nội địa.

Đầu vào của quy trình gồm:

- Delivery Order (D/O) do hãng tàu phát hành;
- Phiếu EIR (Equipment Interchange Receipt);
- Phiếu xuất container;
- Giấy giới thiệu của chủ hàng hoặc doanh nghiệp nhập khẩu;
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân của nhân viên nhận hàng;
- Thông tin booking vận chuyển nội địa và số xe đầu kéo.

Đầu ra của quy trình:

- Container lạnh được bàn giao cho đơn vị vận tải nội địa và vận chuyển ra khỏi cảng an toàn.

Sau khi hoàn tất thủ tục thông quan và nghĩa vụ thuế, nhân viên hiện trường tiến hành đến hãng tàu để nhận lệnh giao hàng (Delivery Order). Tiếp theo, nhân viên sử dụng giấy giới thiệu của doanh nghiệp nhập khẩu để làm thủ tục đăng ký nhận container tại cảng.

Đối với Cảng Tiên Sa, hiện nay việc đăng ký lấy container chủ yếu được thực hiện thông qua hệ thống Eport điện tử của cảng. Nhân viên hiện trường đăng nhập hệ thống Eport để:

- Khai báo thông tin container;
- Đăng ký xe đầu kéo vào nhận hàng;
- Thực hiện lệnh bốc container;
- Thanh toán các chi phí nâng hạ, lưu bãi (nếu có);
- Nhận phiếu xác nhận lấy hàng điện tử.

Sau khi hoàn tất đăng ký trên hệ thống, cảng sẽ cấp lệnh xuất container để tài xế điều xe vào bãi nhận hàng.

Ngoài hệ thống Eport của Cảng Tiên Sa, tại các cảng, ICD hoặc depot khác, doanh nghiệp có thể thực hiện thủ tục nhận container bằng nhiều hình thức khác nhau như:

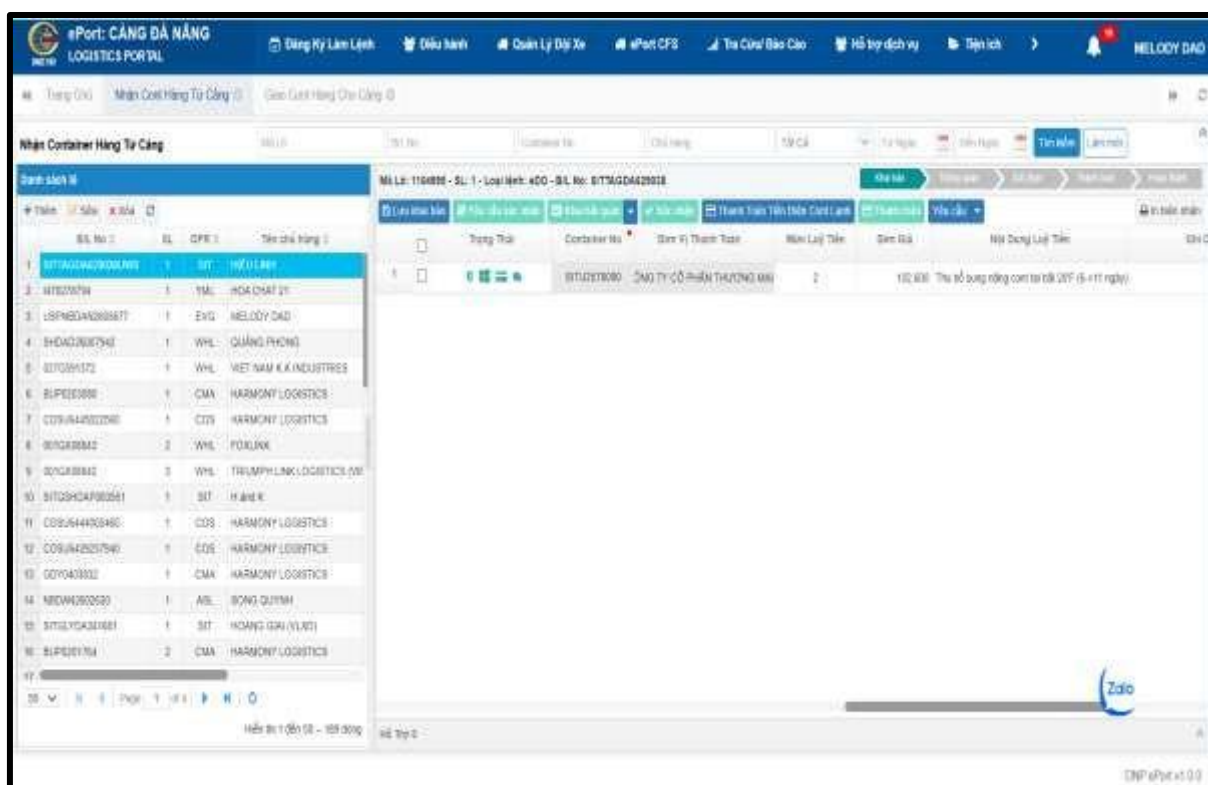
- Làm lệnh điện tử qua hệ thống Eport riêng của cảng hoặc depot;
- Nhận lệnh giao hàng trực tiếp tại quầy chứng từ của cảng;
- Thực hiện xác nhận lệnh qua email hoặc hệ thống nội bộ của hãng tàu;
- Kết hợp giữa lệnh giấy và lệnh điện tử tùy theo quy định của từng cảng hoặc depot.

Sau khi container được hạ xuống xe đầu kéo, nhân viên hiện trường tiến hành kiểm tra thực tế container trước khi đưa hàng ra khỏi cảng. Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Tình trạng vỏ container;
- Số container và số seal;
- Tình trạng hoạt động của máy lạnh;
- Nhiệt độ bảo quản thực tế của container lạnh;
- Thời gian cắm điện và nhiệt độ cài đặt theo yêu cầu của lô hàng.

Nếu phát hiện container bị móp méo, thủng, máy lạnh hoạt động không ổn định hoặc nhiệt độ không đạt yêu cầu, nhân viên hiện trường phải lập biên bản hiện trường với cảng hoặc hãng tàu ngay tại thời điểm nhận hàng để xác định trách nhiệm giữa các bên liên quan. Điều này giúp doanh nghiệp hạn chế các tranh chấp phát sinh về chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển và bảo quản lạnh.

Sau khi hoàn tất kiểm tra, container lạnh được bàn giao cho đơn vị vận tải nội địa để vận chuyển về kho của khách hàng theo kế hoạch giao hàng đã thống nhất.



Hình 2.20 Web Eport cảng Đà Nẵng

TIEN SA CONTAINER TERMINAL		EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT	
CONTAINER: OERU4314605	LOCATION: M-06-3-1	REFERENCE: 260417SP574272	
ACTIVITY: Out		VALID TO: 19/04/2026 23:59:59	
OPERATOR: COS		CHECK IN: 17/04/2026 18:49:06	
CUSTOMER: CÔNG TY TNHH TM & DV HARMONY LOGISTICS		CHECK OUT: 17/04/2026 19:18:15	
		BL/Booking No: COSU6445022560	
CONTAINER DETAILS:			
STATUS: FULL	SEAL 1: IW220407618	SEAL 2:	WEIGHT: 32700
ISO: 45R0	TYPE: Refrigerated	SIZE: 40	TEMPERATURE: -20 C
SOUND/DAMAGE:	CARGO TYPE: Reefer	IMDG: /	VENTILATION:
REMARK: cont lạnh, cont lạnh sai seal HY1047160 cont lạnh, cont lạnh,, cont lạnh, TEMP -13C,SET -20C			
VESSEL DETAILS:			
VESSEL: AEGEAN EXPRESS	VOY AGE: 373S / 373S	DATE/TIME: 14/04/2026 05:15:00 / 14/04/2026 20:30:00	
TRANSPORTATION DETAILS:			
TRANS COMPANY: CÔNG TY TNHH TM & DV HARMONY LOGISTICS			
PLATE NO: 43C23422.	EMPTY RETURN PLACE:		
OUT GATE 1 / MANN ^API			
_____ TERMINAL SIGNATURE		_____ TRANSPORTATION SIGNATURE	

Hình 2.21 EIR điện tử khi nhận cont hàng ở cảng

2.3.10. Vận chuyển container lạnh về kho bảo quản

Sau khi hoàn tất thủ tục nhận container lạnh tại cảng, Melody Logistics tiến hành tổ chức vận chuyển container về kho của khách hàng hoặc kho lạnh bảo quản theo kế hoạch đã thống nhất trước đó. Đây là giai đoạn quan trọng nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa được duy trì ổn định trong suốt quá trình vận chuyển nội địa.

Người thực hiện trong bước này gồm bộ phận điều vận của doanh nghiệp giao nhận và đơn vị vận tải nội địa phụ trách xe đầu kéo container lạnh.

Đầu vào của quy trình gồm:

- Phiếu điều xe;
- Phiếu giao nhận container;
- Lệnh vận chuyển;
- Thông tin địa điểm giao hàng;
- Yêu cầu nhiệt độ bảo quản của lô hàng.

Đầu ra của quy trình: Container lạnh được giao đến kho khách hàng hoặc kho lạnh đúng thời gian và đúng điều kiện bảo quản theo kế hoạch.

Sau khi container được đưa ra khỏi cảng, bộ phận điều vận của công ty tiến hành sắp xếp xe đầu kéo phù hợp với loại container và quãng đường vận chuyển. Đồng thời,

điều vận viên sẽ liên hệ với tài xế và khách hàng để xác nhận thời gian giao hàng, địa điểm hạ container và các yêu cầu liên quan đến quá trình nhận hàng.

Đối với hàng lạnh, yếu tố thời gian đóng vai trò đặc biệt quan trọng vì hàng hóa cần được duy trì trong điều kiện nhiệt độ ổn định nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm. Do đó, kế hoạch vận chuyển thường được xây dựng cụ thể về:

- Thời gian xe vào cảng nhận container;
- Thời gian dự kiến vận chuyển;
- Thời gian giao hàng tại kho;
- Phương án xử lý khi phát sinh sự cố trên tuyến đường.

Trong suốt quá trình vận chuyển, đơn vị vận tải phải bảo đảm container lạnh luôn được cấp điện thông qua máy phát điện (genset) hoặc hệ thống cấp điện chuyên dụng trên xe đầu kéo để duy trì đúng nhiệt độ cài đặt theo yêu cầu của lô hàng. Tài xế cần thường xuyên kiểm tra:

- Nhiệt độ container;
- Tình trạng hoạt động của máy lạnh;
- Mức nhiên liệu của máy phát điện;
- Tình trạng seal container trong quá trình di chuyển.

Ngoài ra, quá trình vận chuyển nội địa có thể chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan như:

- Điều kiện thời tiết xấu (mưa lớn, ngập lụt, bão);
- Tình trạng ùn tắc giao thông tại khu vực cảng hoặc các tuyến quốc lộ;
- Sự cố kỹ thuật của xe đầu kéo hoặc container lạnh;
- Hạn chế thời gian lưu thông đối với xe container tại một số khu vực nội thành.

Những yếu tố này có thể làm chậm tiến độ giao hàng và ảnh hưởng đến chất lượng bảo quản hàng hóa. Vì vậy, bộ phận điều vận cần chủ động theo dõi tình hình giao thông, thời tiết và liên tục cập nhật thông tin cho khách hàng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch vận chuyển khi cần thiết.

Khi container được giao đến kho khách hàng, hai bên tiến hành kiểm tra tình trạng container, số seal và nhiệt độ bảo quản trước khi xác nhận bàn giao hàng hóa. Sau khi hoàn tất việc giao nhận, tài xế hoặc nhân viên giao nhận sẽ lập biên bản giao nhận container và cập nhật kết quả giao hàng về cho bộ phận điều vận để kết thúc quá trình vận chuyển nội địa.

2.3.11. Giao hàng và kiểm tra hàng hóa tại kho

Sau khi container lạnh được vận chuyển đến kho của khách hàng hoặc kho lạnh bảo quản, Melody Logistics tiếp tục phối hợp với khách hàng và đơn vị kho lạnh để thực hiện công tác giao nhận hàng hóa, kiểm tra tình trạng lô hàng và hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc trả container rỗng cho hãng tàu hoặc depot. Đây là giai đoạn cuối cùng trong quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container.

Người thực hiện trong bước này gồm khách hàng nhập khẩu, đơn vị kho lạnh, nhân viên giao nhận của công ty logistics và bộ phận kế toán – chứng từ.

Đầu vào của quy trình gồm:

- Container hàng đông lạnh;
- Hồ sơ giao nhận hàng hóa;
- Phiếu xuất kho hoặc lệnh giao hàng;
- Biên bản giao nhận container;
- Thông tin trả container rỗng của hãng tàu.

Đầu ra của quy trình:

- Biên bản hoàn tất giao hàng;
- Container rỗng được trả về đúng depot hoặc cảng theo chỉ định của hãng tàu;
- Hồ sơ lô hàng được hoàn thiện và lưu trữ đầy đủ.

Sau khi container được đưa đến kho khách hàng, nhân viên kho lạnh và đại diện khách hàng tiến hành mở seal container để dỡ hàng. Trong quá trình này, các bên sẽ phối hợp kiểm tra:

- Số lượng hàng hóa thực nhận;
- Tình trạng bao bì sản phẩm;
- Nhiệt độ bảo quản hàng hóa;
- Tình trạng đông lạnh của sản phẩm;
- Mã lô, hạn sử dụng và nhãn hàng hóa (nếu cần).

Đối với thực phẩm động vật đông lạnh, việc kiểm tra nhiệt độ và tình trạng bảo quản là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa sau quá trình vận chuyển quốc tế và nội địa. Nếu phát hiện hàng hóa có dấu hiệu rã đông, hư hỏng, thiếu hụt hoặc sai lệch số lượng, khách hàng cần lập biên bản hiện trường với sự xác nhận của đơn vị vận chuyển và các bên liên quan để làm căn cứ xử lý khiếu nại với hãng tàu hoặc đơn vị bảo hiểm.

Ngoài ra, quá trình dỡ hàng cần được thực hiện nhanh chóng nhằm hạn chế thất thoát nhiệt lạnh trong container, đặc biệt đối với các mặt hàng có yêu cầu bảo quản ở nhiệt độ sâu.

2.3.12. Trả container rỗng và hoàn tất hồ sơ lô hàng

Sau khi hoàn tất việc dỡ hàng, doanh nghiệp tiến hành vệ sinh sơ bộ container và thực hiện thủ tục trả container rỗng theo chỉ định của hãng tàu. Thông thường, hãng tàu sẽ cấp:

- Lệnh trả container rỗng;
- Thông tin depot hoặc cảng tiếp nhận container;
- Thời hạn miễn phí lưu container (free time).

Bộ phận chứng từ hoặc điều vận của doanh nghiệp sẽ kiểm tra thông tin trên lệnh trả rỗng để điều phối xe đầu kéo đưa container đến đúng depot được chỉ định. Trong thực tế, container rỗng có thể được trả tại:

- Depot container của hãng tàu;
- ICD;
- Cảng biển theo quy định từng hãng tàu và từng thời điểm.

Khi trả container rỗng, nhân viên depot sẽ kiểm tra:

- Tình trạng vỏ container;
- Mức độ vệ sinh container;
- Tình trạng máy lạnh đối với container lạnh;
- Seal container (nếu còn);
- Các hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng.

Nếu container bị hư hỏng, móp méo, mất phụ kiện hoặc mất vệ sinh nghiêm trọng, hãng tàu có thể yêu cầu doanh nghiệp bồi thường hoặc phát sinh thêm chi phí sửa chữa và vệ sinh container.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý thời gian trả container rỗng. Nếu trả trễ so với thời hạn miễn phí mà hãng tàu quy định, doanh nghiệp có thể bị tính: phí lưu container (demurrage), phí lưu bãi (storage), phí sử dụng container quá hạn (detention). Do đó, bộ phận điều vận cần theo dõi sát tiến độ dỡ hàng và chủ động sắp xếp phương tiện trả container đúng thời gian quy định nhằm hạn chế phát sinh chi phí.

Hoàn tất hồ sơ và quyết toán lô hàng

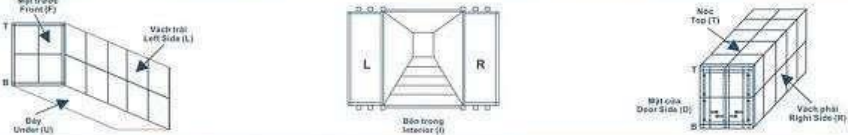
Sau khi container rỗng được trả thành công, bộ phận kế toán và chứng từ của Melody Logistics tiến hành:

- Đối chiếu toàn bộ chi phí phát sinh của lô hàng;
- Kiểm tra chứng từ giao nhận;
- Xuất hóa đơn dịch vụ cho khách hàng;
- Hoàn thiện bộ hồ sơ thanh toán;
- Lưu trữ hồ sơ nhập khẩu theo quy định của doanh nghiệp.

Hồ sơ lưu trữ thường bao gồm:

- Hợp đồng ngoại thương;
- Vận đơn;
- Tờ khai hải quan;
- Chứng từ kiểm dịch;
- Hóa đơn thương mại;
- Phiếu EIR;
- Biên bản giao nhận hàng hóa;
- Chứng từ thanh toán thuế và chi phí logistics.

Đây là bước cuối cùng nhằm kết thúc quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container, đồng thời tạo cơ sở cho doanh nghiệp theo dõi công nợ, kiểm soát chi phí và phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu chứng từ sau này.

 GREATING FORTUNE LOGISTICS DEPOT		PHIẾU GIAO NHẬN CONTAINER EQUIPMENT INTERCHANGE RECEIPT	
Tại địa điểm: Place of Delivery/Receive: G-Fortune DANANG		ngày tháng năm day 06 month 03 year 2026	
Giao cho/Nhận của: Delivery To/Receive From:		Trạng thái: Status: Empty	
		Nhập/Xuất: In/Out: IN	
Số Container: Container No: CGMU5440520	Hãng tàu: Line Operator: CMA	Kích cỡ: Size/Type: 40RH	Trọng lượng: Weight: 31390/0
Số Booking: Booking No:	Tên tàu: Vessel:	Số chuyến: Voyage:	Số Seal: Seal No:
			
Ghi chú: Remarks: H18 RACH HONG DAN KEO (XNC) RACH HONG MOP CONG TAY CAM WW 31390-2019			
Số Xe: Truck No: 43HD3990	Số Móc: Remooc No:	Thời gian vào: Container In Time: 06/03/2026 10:25:40	Thời gian ra: Container Out Time:
Khách Hàng / Customer		Người phát hành / Issuer	

Hình 2.22 Phiếu EIR hạ bãi trả rỗng

2.4. Đánh giá quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Melody Logistics

Quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Melody Logistics được xây dựng tương đối đầy đủ và phù hợp với đặc thù của mặt hàng thực phẩm đông lạnh nhập khẩu. Quy trình bao gồm nhiều công đoạn liên kết chặt chẽ từ khâu ký kết hợp đồng ngoại thương, khai báo kiểm dịch, khai báo hải quan, nhận hàng tại cảng cho đến vận chuyển, giao hàng và hoàn tất hồ sơ sau nhập khẩu.

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng phát triển mạnh mẽ cùng với yêu cầu quản lý chuyên ngành ngày càng nghiêm ngặt đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật, việc xây dựng một quy trình nhập khẩu khoa học và đồng bộ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động logistics của doanh nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, quy trình hiện tại vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được cải thiện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tối ưu hóa hoạt động giao nhận hàng hóa.

2.4.1. Ưu điểm của quy trình nhập khẩu

Thứ nhất, quy trình được xây dựng đầy đủ, logic và bám sát quy định pháp luật hiện hành.

Một trong những ưu điểm nổi bật của quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tại Melody Logistics là các bước nghiệp vụ được xây dựng khá đầy đủ, có tính liên kết và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về hải quan, kiểm dịch động vật và quản lý chuyên ngành đối với thực phẩm nhập khẩu.

Việc phân chia rõ ràng từng công đoạn giúp doanh nghiệp dễ dàng kiểm soát tiến độ xử lý lô hàng, hạn chế sai sót trong quá trình thực hiện và nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động logistics.

Ngoài ra, quy trình còn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật như:

- Luật Hải quan 2014;
- Luật Thú y 2015;
- Nghị định 35/2016/NĐ-CP;
- Các quy định của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Môi trường liên quan đến hàng thực phẩm động vật nhập khẩu.

Điều này giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro vi phạm pháp luật và giảm nguy cơ bị xử phạt hành chính trong quá trình nhập khẩu.

Thứ hai, doanh nghiệp ứng dụng mạnh công nghệ thông tin và hệ thống điện tử trong xử lý nghiệp vụ

Hiện nay, Melody Logistics đã áp dụng khá hiệu quả các hệ thống điện tử vào hoạt động giao nhận hàng hóa như:

- Hệ thống VNACCS/VCIS để khai báo hải quan điện tử;
- Cổng thông tin một cửa quốc gia để đăng ký kiểm dịch;
- Hệ thống EDO của hãng tàu;
- Hệ thống Eport tại cảng để đăng ký lấy container và trả container rỗng.

Việc sử dụng hệ thống điện tử giúp:

- Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ;
- Hạn chế sử dụng chứng từ giấy;
- Giảm chi phí đi lại;
- Tăng khả năng theo dõi và kiểm soát tình trạng lô hàng theo thời gian thực.

Đặc biệt, đối với hàng đông lạnh, yếu tố thời gian có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hàng hóa và chi phí logistics. Vì vậy, việc áp dụng EDO và Eport giúp doanh nghiệp giảm đáng kể thời gian nhận hàng tại cảng, hạn chế phát sinh phí lưu container lạnh và lưu bãi.

Bên cạnh đó, dữ liệu điện tử còn giúp tăng tính minh bạch trong quá trình giao dịch giữa doanh nghiệp với hãng tàu, cảng và cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ ba, quy trình có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận và cơ quan liên quan

Trong toàn bộ quá trình nhập khẩu, Melody Logistics đã thể hiện được sự phối hợp khá hiệu quả giữa:

- Bộ phận chứng từ;
- Bộ phận hiện trường (OPS);
- Bộ phận điều vận;
- Bộ phận kế toán;
- Hãng tàu;
- Cảng biển;
- Cơ quan hải quan;
- Cơ quan thú y.

Sự phối hợp này giúp hạn chế tình trạng chồng chéo công việc và bảo đảm tiến độ xử lý hàng hóa diễn ra liên tục. Đặc biệt đối với khâu kiểm dịch và lấy mẫu hàng đông lạnh, việc phối hợp đồng thời giữa OPS, hải quan và cơ quan thú y giúp giảm số lần mở container, hạn chế thất thoát nhiệt lạnh và giảm nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Ngoài ra, bộ phận điều vận cũng chủ động theo dõi tình hình giao thông, thời tiết và kế hoạch giao hàng nhằm bảo đảm container lạnh được vận chuyển đúng thời gian và đúng nhiệt độ bảo quản.

Thứ tư, doanh nghiệp có sự kiểm soát tương đối tốt đối với hàng hóa lạnh

Do đặc thù mặt hàng là thực phẩm động vật đông lạnh nên việc duy trì nhiệt độ bảo quản trong suốt chuỗi logistics là yếu tố đặc biệt quan trọng. Trong quy trình hiện tại, Melody Logistics đã chú trọng khá nhiều đến việc kiểm soát container lạnh như:

- Theo dõi nhiệt độ container;
- Kiểm tra máy lạnh container;

- Kiểm tra tình trạng seal;
- Kiểm tra thời gian cấm điện;
- Kiểm soát thời gian mở container khi lấy mẫu hoặc dỡ hàng.

Việc kiểm soát tốt các yếu tố trên góp phần hạn chế nguy cơ hàng hóa bị tan đông, giảm chất lượng hoặc mất an toàn thực phẩm trong quá trình vận chuyển và lưu kho.

2.4.2 Nhược điểm của quy trình nhập khẩu

Thứ nhất, quy trình còn phụ thuộc nhiều vào cơ quan quản lý nhà nước và thời gian xử lý chuyên ngành

Mặc dù doanh nghiệp đã áp dụng nhiều giải pháp điện tử trong xử lý hồ sơ, tuy nhiên quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh vẫn phụ thuộc rất lớn vào: Cơ quan thú y; Cơ quan hải quan; Hãng tàu; Cảng biển.

Đặc biệt, thời gian cấp giấy phép kiểm dịch và trả kết quả kiểm nghiệm mẫu đôi khi còn kéo dài, nhất là trong các giai đoạn cao điểm hoặc khi phát sinh yêu cầu kiểm tra bổ sung. Điều này có thể làm chậm tiến độ thông quan và gia tăng chi phí lưu container lạnh tại cảng.

Ngoài ra, đối với các lô hàng bị phân luồng đỏ, doanh nghiệp phải thực hiện đồng thời kiểm hóa và kiểm dịch thực tế, khiến thời gian xử lý kéo dài hơn so với hàng thông thường.

Thứ hai, nguy cơ phát sinh chi phí logistics còn khá cao

Do đặc thù hàng đông lạnh phải sử dụng container lạnh chuyên dụng và yêu cầu bảo quản nghiêm ngặt, doanh nghiệp có thể phát sinh nhiều loại chi phí nếu quy trình xử lý không được thực hiện đúng tiến độ như:

- Phí lưu container lạnh;
- Phí lưu bãi;
- Phí detention;
- Phí demurrage;
- Phí cấm điện container lạnh;
- Phí nâng hạ container;
- Chi phí kiểm hóa và lấy mẫu kiểm dịch.

Trong thực tế, chỉ cần chậm một khâu nhỏ như:

- Chậm nộp thuế;
- Sai chứng từ;

- Chậm lấy kết quả kiểm dịch;
- Không kịp đăng ký xe nhận hàng; cũng có thể làm tăng đáng kể tổng chi phí logistics của lô hàng.

Điều này cho thấy quy trình hiện tại vẫn chịu áp lực lớn về thời gian và khả năng phối hợp giữa các bên liên quan đặc biệt là yếu tố con người và nghiệp vụ trong công việc của từng người chịu trách nhiệm ở những bộ phận như: nhân viên hiện trường, chứng từ chỉ cần thiếu nghiệp vụ hay không có kinh nghiệm trong xử lý tình huống hy hữu xảy ra có thể dẫn đến những thất thoát chi phí cực lớn cho doanh nghiệp.

Thứ ba, hạn chế trong việc kiểm soát nhiệt độ và sự cố container lạnh

Một trong những nhược điểm lớn của quy trình nhập khẩu thực phẩm đông lạnh nguyên container là khó kiểm soát nhiệt độ xuyên suốt toàn bộ quá trình vận chuyển. Đối với mặt hàng đông lạnh, nhiệt độ bảo quản phải luôn được duy trì ổn định theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật từ lúc đóng hàng tại nước xuất khẩu, quá trình vận chuyển trên biển, lưu bãi tại cảng cho đến khi giao hàng về kho của doanh nghiệp nhập khẩu. Tuy nhiên, trên thực tế, quá trình vận chuyển thường kéo dài qua nhiều công đoạn và phụ thuộc vào nhiều đơn vị khác nhau như hãng tàu, cảng biển, kho lạnh và đơn vị vận tải nội địa nên việc kiểm soát nhiệt độ đồng bộ còn gặp nhiều khó khăn.

Nếu nhiệt độ container lạnh (Reefer Container) không được duy trì ổn định hoặc xảy ra tình trạng mất điện, ngắt kết nối nguồn lạnh tại cảng hay trong quá trình vận chuyển, chất lượng hàng hóa có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đối với thực phẩm đông lạnh, chỉ cần nhiệt độ thay đổi vượt mức cho phép trong một khoảng thời gian nhất định cũng có thể làm giảm chất lượng sản phẩm, mất độ tươi, thay đổi màu sắc, kết cấu hoặc phát sinh vi sinh vật gây ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm. Trong nhiều trường hợp nghiêm trọng, hàng hóa có thể bị hư hỏng hoàn toàn và không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường.

Bên cạnh đó, sự cố hư hỏng container lạnh cũng là một rủi ro lớn trong quá trình nhập khẩu hàng đông lạnh nguyên container. Các sự cố như hỏng máy lạnh, lỗi cảm biến nhiệt độ, mất nguồn điện hoặc trục trặc kỹ thuật của Reefer Container có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong quá trình vận chuyển quốc tế. Khi xảy ra sự cố, doanh nghiệp thường mất nhiều thời gian để xử lý do phải phối hợp với hãng tàu, cảng biển và đơn vị kỹ thuật liên quan. Điều này không chỉ làm chậm tiến độ giao hàng mà còn phát sinh thêm nhiều

chi phí như phí sửa chữa container, phí lưu bãi, lưu container và chi phí kiểm tra chất lượng hàng hóa.

Ngoài ra, việc kiểm soát nhiệt độ container lạnh hiện nay tại một số doanh nghiệp logistics vẫn còn phụ thuộc nhiều vào phương pháp theo dõi thủ công hoặc dữ liệu từ hãng tàu, chưa có hệ thống giám sát nhiệt độ theo thời gian thực một cách đồng bộ. Điều này làm giảm khả năng phát hiện sớm sự cố và xử lý kịp thời khi nhiệt độ container có biến động bất thường. Vì vậy, việc đầu tư công nghệ giám sát Reefer Container và nâng cao năng lực quản lý chuỗi lạnh đang trở thành yêu cầu cần thiết đối với các doanh nghiệp logistics hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm đông lạnh.

Thứ tư, trình độ chuyên môn và áp lực công việc đối với nhân viên nghiệp vụ còn khá lớn

Quy trình nhập khẩu thực phẩm đông lạnh đòi hỏi nhân viên phải có kiến thức chuyên môn vững về nghiệp vụ hải quan, kiểm dịch động vật, chính sách thuế xuất nhập khẩu và các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms). Bên cạnh đó, nhân viên còn phải thành thạo trong việc sử dụng hệ thống VNACCS, Eport, EDO cũng như nắm rõ quy trình xử lý container lạnh nhằm đảm bảo hàng hóa được bảo quản đúng tiêu chuẩn và quá trình thông quan diễn ra thuận lợi, hạn chế phát sinh rủi ro.

Trong khi đó, chính sách quản lý chuyên ngành và quy định nhập khẩu thường xuyên thay đổi, khiến nhân viên chứng từ và OPS phải liên tục cập nhật kiến thức mới. Bên cạnh đó, áp lực xử lý hàng theo thời gian thực tại cảng cũng khá lớn, đặc biệt đối với hàng lạnh vì nếu xử lý chậm sẽ phát sinh nhiều chi phí và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hàng hóa.

Do đó, doanh nghiệp cần tiếp tục đầu tư vào công tác đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng xử lý tình huống và tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm giảm áp lực cho nhân viên trong quá trình thực hiện công việc.

Nhìn chung, quy trình nhập khẩu thực phẩm đông lạnh nguyên container tại Melody Logistics đã được xây dựng tương đối bài bản và phù hợp với thực tế hoạt động logistics hiện nay. Quy trình có nhiều ưu điểm về tính đồng bộ, khả năng ứng dụng công nghệ và kiểm soát hàng lạnh. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cần tiếp tục hoàn thiện quy trình, tối ưu thời gian xử lý và nâng cao năng lực phối hợp nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động nhập khẩu trong thời gian tới.

2.4.3 Nguyên nhân ảnh hưởng đến quy trình nhập khẩu thực phẩm đông lạnh

2.4.3.1 Nguyên nhân khách quan

Nguyên nhân khách quan là những yếu tố phát sinh từ môi trường bên ngoài doanh nghiệp, doanh nghiệp khó kiểm soát hoặc không thể kiểm soát hoàn toàn.

a) Chính sách pháp luật và quy định kiểm dịch

Hàng thực phẩm đông vật đông lạnh là mặt hàng chịu sự quản lý nghiêm ngặt của cơ quan nhà nước về kiểm dịch, an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn chất lượng. Khi các quy định pháp luật thay đổi hoặc thủ tục kiểm tra chuyên ngành được siết chặt sẽ làm kéo dài thời gian thông quan, phát sinh thêm chi phí lưu kho, lưu container và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng.

Ví dụ: yêu cầu bổ sung giấy chứng nhận kiểm dịch, giấy chứng nhận xuất xứ hoặc thay đổi quy định về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

b) Ảnh hưởng của tình hình thị trường quốc tế

Biến động giá cả nguyên liệu, tỷ giá ngoại tệ, chi phí vận tải biển và tình hình cung – cầu trên thị trường quốc tế có thể làm tăng chi phí nhập khẩu. Ngoài ra, các cuộc khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh hoặc xung đột quốc tế cũng làm gián đoạn chuỗi cung ứng và ảnh hưởng đến nguồn hàng.

c) Điều kiện vận chuyển và logistics

Thực phẩm đông vật đông lạnh yêu cầu bảo quản nghiêm ngặt bằng container lạnh trong suốt quá trình vận chuyển. Các sự cố như mất điện, hỏng hệ thống làm lạnh, chậm tàu hoặc ùn tắc tại cảng có thể làm giảm chất lượng hàng hóa, gây hư hỏng hoặc phát sinh chi phí bảo quản.

d) Yếu tố thời tiết và dịch bệnh

Thời tiết xấu như bão, lũ hoặc dịch bệnh trên động vật tại nước xuất khẩu có thể khiến hàng hóa bị hạn chế xuất khẩu hoặc kiểm tra nghiêm ngặt hơn khi nhập khẩu. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian giao hàng và quy trình thông quan.

2.4.3.2 Nguyên nhân chủ quan

Nguyên nhân chủ quan là những yếu tố xuất phát từ phía doanh nghiệp nhập khẩu hoặc các bên liên quan trực tiếp trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

a) Năng lực nghiệp vụ của nhân viên

Nếu nhân viên chưa nắm rõ quy trình nhập khẩu, quy định hải quan và kiểm dịch sẽ dễ xảy ra sai sót trong khai báo chứng từ, dẫn đến việc bị yêu cầu sửa đổi hồ sơ hoặc kéo dài thời gian thông quan.

b) Công tác chuẩn bị chứng từ chưa đầy đủ

Các chứng từ như hợp đồng ngoại thương, invoice, packing list, bill of lading, giấy kiểm dịch hoặc chứng nhận an toàn thực phẩm nếu thiếu hoặc sai thông tin sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình làm thủ tục nhập khẩu.

c) Khả năng quản lý chuỗi lạnh chưa hiệu quả

Doanh nghiệp không kiểm soát tốt nhiệt độ bảo quản, kho lạnh hoặc phương tiện vận chuyển nội địa có thể làm giảm chất lượng thực phẩm đông lạnh, gây tổn thất hàng hóa và ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp.

d) Năng lực tài chính và quản lý chi phí

Quy trình nhập khẩu thực phẩm đông lạnh thường phát sinh nhiều chi phí như lưu container lạnh, lưu bãi, kiểm dịch và bảo quản kho lạnh. Nếu doanh nghiệp không có kế hoạch tài chính hợp lý sẽ dễ gặp khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng nhập khẩu.

e) Công tác phối hợp giữa các bộ phận chưa đồng bộ

Sự phối hợp chưa hiệu quả giữa bộ phận mua hàng, chứng từ, logistics và khai báo hải quan có thể làm chậm tiến độ xử lý hồ sơ và giao nhận hàng hóa.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Chương 2 tập trung phân tích thực trạng quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng. Nội dung chương giới thiệu tổng quan về doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và tình hình hoạt động kinh doanh, đồng thời mô tả chi tiết các bước trong quy trình nhập khẩu từ ký kết hợp đồng, thanh toán quốc tế, khai báo hải quan, kiểm dịch động vật đến nhận hàng và trả container rỗng. Qua đó, chương đã đánh giá những ưu điểm, hạn chế và các khó khăn còn tồn tại trong quá trình thực hiện nghiệp vụ nhập khẩu tại doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH NHẬP KHẨU THỰC PHẨM ĐỘNG VẬT ĐÔNG LẠNH NGUYÊN CONTAINER TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MELODY LOGISTICS TẠI ĐÀ NẴNG

3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển

3.1.1. Nhận diện và dự báo môi trường kinh doanh trong thời gian tới.

3.1.1.1. Tổng quan về tình hình kinh tế, thương mại Việt Nam và Thế giới

Trong thời gian tới, nền kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều biến động do ảnh hưởng của lạm phát, xung đột địa chính trị, biến động giá nhiên liệu và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, hoạt động thương mại quốc tế vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng, đặc biệt đối với nhóm hàng thực phẩm và nguyên liệu phục vụ tiêu dùng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và ngành logistics quốc tế tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Đối với lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, nhu cầu tiêu dùng toàn cầu hiện đang gia tăng mạnh nhờ tốc độ đô thị hóa, sự phát triển của hệ thống bán lẻ hiện đại và xu hướng sử dụng thực phẩm tiện lợi. Các mặt hàng như thịt bò, thịt gà, thủy sản, hải sản và thực phẩm chế biến đông lạnh ngày càng được tiêu thụ rộng rãi tại nhiều quốc gia. Điều này kéo theo sự phát triển mạnh của hệ thống Cold Chain Logistics nhằm đáp ứng yêu cầu bảo quản và vận chuyển hàng hóa trong điều kiện nhiệt độ ổn định.

Trong thời gian tới, ngành logistics lạnh được dự báo sẽ có nhiều thay đổi quan trọng liên quan đến yếu tố pháp lý và tiêu chuẩn quản lý quốc tế. Nhiều quốc gia đang có xu hướng siết chặt các quy định về:

- An toàn thực phẩm;
- Kiểm dịch động vật;
- Truy xuất nguồn gốc hàng hóa;
- Kiểm soát nhiệt độ container lạnh;
- Tiêu chuẩn vệ sinh thú y;
- Phát thải môi trường trong vận tải lạnh.

Đặc biệt, các thị trường lớn như Liên minh châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Nhật Bản hiện đang tăng cường áp dụng các quy định liên quan đến truy xuất nguồn gốc điện tử, kiểm soát dư lượng kháng sinh, chất bảo quản và điều kiện bảo quản lạnh đối với thực phẩm nhập khẩu. Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp

nhập khẩu trong thời gian tới không chỉ thực hiện hoạt động vận chuyển đơn thuần mà còn phải tham gia sâu hơn vào quá trình kiểm soát chất lượng và quản lý chuỗi lạnh.

Ngoài ra, xu hướng chuyển đổi xanh trong ngành logistics cũng đang tác động mạnh đến hoạt động vận tải thực phẩm đông lạnh. Nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế hiện đang đưa ra các tiêu chuẩn mới nhằm giảm phát thải khí carbon trong vận tải biển và logistics lạnh. Trong thời gian tới, các hãng tàu và doanh nghiệp logistics có thể phải áp dụng:

- Container lạnh tiết kiệm năng lượng;
- Công nghệ giám sát nhiệt độ thông minh;
- Hệ thống quản lý logistics số hóa;
- Tiêu chuẩn vận tải thân thiện môi trường.

Điều này sẽ làm gia tăng áp lực đầu tư công nghệ và chi phí vận hành đối với doanh nghiệp logistics.

Đối với Việt Nam, nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhờ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và sự mở rộng của các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP và RCEP. Hoạt động xuất nhập khẩu trong thời gian tới vẫn đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là nhóm hàng thực phẩm, nguyên liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

Riêng đối với hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh, Việt Nam hiện đang tăng cường hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến:

- Kiểm dịch động vật;
- An toàn thực phẩm;
- Kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu;
- Truy xuất nguồn gốc thực phẩm;
- Quản lý chuỗi lạnh và bảo quản thực phẩm.

Trong thời gian tới, các quy định quản lý nhập khẩu thực phẩm đông lạnh tại Việt Nam được dự báo sẽ ngày càng chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát chất lượng hàng hóa và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Các doanh nghiệp nhập khẩu sẽ phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về hồ sơ kiểm dịch, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận an toàn thực phẩm và điều kiện bảo quản lạnh trong suốt quá trình vận chuyển và lưu kho.

Bên cạnh đó, Việt Nam hiện cũng đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực hải quan và quản lý chuyên ngành thông qua hệ thống hải quan điện tử, cổng thông tin một cửa quốc gia và các nền tảng quản lý kiểm dịch trực tuyến. Điều này giúp rút ngắn

thời gian xử lý thủ tục nhưng đồng thời cũng yêu cầu doanh nghiệp logistics phải nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ và chuẩn hóa quy trình xử lý chứng từ.

Ngoài yếu tố pháp lý, ngành logistics lạnh tại Việt Nam trong thời gian tới cũng sẽ chịu áp lực cạnh tranh lớn hơn khi nhiều doanh nghiệp logistics quốc tế mở rộng hoạt động tại thị trường Việt Nam. Các doanh nghiệp nước ngoài hiện có lợi thế về:

- Công nghệ quản lý Cold Chain Logistics;
- Hệ thống kho lạnh hiện đại;
- Mạng lưới vận tải toàn cầu;
- Khả năng giám sát container theo thời gian thực;
- Năng lực quản trị chuỗi cung ứng lạnh.

Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp logistics trong nước vẫn còn hạn chế về cơ sở hạ tầng, công nghệ và nguồn nhân lực chuyên môn cao.

Nhìn chung, trong thời gian tới, thị trường nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh của thế giới và Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh cùng với sự mở rộng của thương mại quốc tế. Tuy nhiên, song song với cơ hội phát triển là các yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn môi trường và quản lý chuỗi lạnh. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp logistics cần chủ động đầu tư công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và thích ứng nhanh với các thay đổi pháp lý nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu của thị trường trong giai đoạn tới.

3.1.1.2. Bối cảnh và các xu hướng phát triển của ngành nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang chuyển dịch mạnh theo hướng số hóa, phát triển bền vững và tối ưu chuỗi cung ứng toàn cầu, ngành nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh cũng chịu ảnh hưởng lớn từ nhiều xu hướng phát triển mới. Đối với các doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp nhập khẩu, việc thích ứng với các xu hướng này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn góp phần tăng khả năng cạnh tranh trong môi trường thương mại quốc tế ngày càng khắt khe. Hiện nay, các xu hướng nổi bật của ngành nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tập trung chủ yếu vào phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và hiện đại hóa hoạt động Cold Chain Logistics.

Kinh tế số đang trở thành xu hướng phát triển tất yếu của ngành logistics và thương mại quốc tế. Trong lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, việc ứng

dụng công nghệ số không còn chỉ mang tính hỗ trợ mà đang dần trở thành yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả quản lý chuỗi lạnh và chất lượng dịch vụ logistics.

Theo Bộ Công Thương, chuyển đổi số logistics hiện là một trong những định hướng trọng tâm trong chiến lược phát triển logistics Việt Nam đến năm 2035. Xu hướng này tập trung vào việc ứng dụng công nghệ trong quản lý vận tải, khai báo hải quan điện tử, giám sát container lạnh và quản trị dữ liệu chuỗi cung ứng. (moit.gov.vn)

Đối với ngành nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh, kinh tế số được thể hiện rõ thông qua việc ứng dụng:

- Hệ thống khai báo hải quan điện tử VNACCS/VCIS;
- Công nghệ IoT theo dõi Reefer Container;
- Hệ thống GPS giám sát container lạnh;
- Phần mềm quản lý Cold Chain Logistics;
- Hệ thống quản lý kho lạnh tự động;
- Dữ liệu thời gian thực (Real-time Data).

Trong thực tế, quá trình nhập khẩu thực phẩm đông lạnh đòi hỏi khả năng kiểm soát nhiệt độ liên tục trong suốt quá trình vận chuyển và lưu bãi tại cảng. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp logistics hiện nay đang đầu tư mạnh vào hệ thống cảm biến nhiệt độ và nền tảng quản lý dữ liệu container lạnh theo thời gian thực nhằm giảm thiểu nguy cơ đứt gãy chuỗi lạnh.

Theo báo cáo của DHL về xu hướng Cold Chain Logistics toàn cầu, hơn 70% doanh nghiệp logistics lạnh quốc tế hiện đã ứng dụng công nghệ IoT và dữ liệu thời gian thực trong quản lý Reefer Container nhằm nâng cao khả năng kiểm soát nhiệt độ và giảm thất thoát hàng hóa. (dhl.com)

Đối với Melody Logistics, xu hướng kinh tế số đặt ra yêu cầu doanh nghiệp cần từng bước hiện đại hóa quy trình xử lý hàng đông lạnh thông qua:

- Số hóa chứng từ logistics;
- Theo dõi nhiệt độ container tự động;
- Kết nối dữ liệu giữa OPS, chứng từ và khách hàng;
- Quản lý lịch kiểm hóa và kiểm dịch bằng phần mềm;
- Ứng dụng dữ liệu thời gian thực trong điều phối container lạnh.

Việc chuyển đổi số không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả vận hành mà còn hỗ trợ giảm thời gian xử lý lô hàng, hạn chế sai sót chứng từ và tăng khả năng kiểm soát Cold Chain Logistics.

Song song với chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh đang trở thành xu hướng quan trọng trong ngành logistics và vận tải quốc tế. Kinh tế xanh hướng đến mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển logistics bền vững nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường.

Trong lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, hoạt động vận hành Reefer Container tiêu thụ lượng điện năng rất lớn do container phải duy trì nhiệt độ lạnh liên tục trong suốt quá trình vận chuyển và lưu bãi. Theo International Energy Agency (IEA), ngành logistics lạnh hiện là một trong những lĩnh vực tiêu thụ năng lượng cao trong chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu. (iea.org)

Hiện nay, nhiều hãng tàu và doanh nghiệp logistics quốc tế đang chuyển sang sử dụng:

- Reefer Container tiết kiệm điện;
- Hệ thống làm lạnh thân thiện môi trường;
- Công nghệ kiểm soát nhiệt độ tối ưu;
- Nhiên liệu giảm phát thải carbon;
- Hệ thống quản lý năng lượng thông minh.

Ngoài ra, các doanh nghiệp logistics cũng đang chú trọng tối ưu lịch trình vận chuyển nhằm giảm thời gian container lưu bãi và hạn chế tiêu hao điện lạnh không cần thiết.

Đối với Melody Logistics, xu hướng logistics xanh yêu cầu doanh nghiệp cần:

- Hạn chế thời gian mở container ngoài bãi;
- Tối ưu quy trình kiểm hóa và kiểm dịch;
- Phối hợp nhanh với cảng để cắm điện lại container sau kiểm tra;
- Giảm thời gian lưu container tại cảng;
- Ứng dụng công nghệ theo dõi nhiệt độ nhằm hạn chế thất thoát năng lượng.

Việc phát triển theo hướng logistics xanh không chỉ giúp doanh nghiệp giảm chi phí vận hành mà còn nâng cao hình ảnh doanh nghiệp trong bối cảnh khách hàng và đối tác quốc tế ngày càng quan tâm đến yếu tố phát triển bền vững.

Kinh tế tuần hoàn là mô hình phát triển hướng đến việc tối ưu sử dụng tài nguyên, giảm thiểu chất thải và tái sử dụng nguồn lực trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Trong lĩnh vực logistics lạnh và nhập khẩu thực phẩm đông lạnh, xu hướng này đang ngày càng được chú trọng nhằm giảm lãng phí thực phẩm và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Theo Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), khoảng 14% thực phẩm toàn cầu bị thất thoát trong quá trình vận chuyển và lưu trữ trước khi đến tay người tiêu dùng, trong đó chuỗi lạnh không hiệu quả là một trong những nguyên nhân chính. (unep.org)

Đối với hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, kinh tế tuần hoàn được thể hiện thông qua:

- Tối ưu vận hành kho lạnh;
- Hạn chế thất thoát hàng hóa;
- Tái sử dụng pallet và vật tư đóng gói;
- Tối ưu vòng quay container lạnh;
- Giảm lượng hàng hư hỏng do đứt gãy chuỗi lạnh.

Trong thực tế, nếu container lạnh bị mở quá lâu trong quá trình kiểm hóa hoặc kiểm dịch, hàng hóa có thể bị tan đông và mất khả năng lưu thông thương mại. Điều này không chỉ gây thiệt hại kinh tế mà còn làm gia tăng lượng thực phẩm phải tiêu hủy, ảnh hưởng đến môi trường và hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Do đó, Melody Logistics cần chú trọng:

- Kiểm soát chặt thời gian thao tác ngoài bãi;
- Chủ động phối hợp với hải quan và thú y để giảm thời gian kiểm tra;
- Theo dõi nhiệt độ Reefer Container liên tục;
- Tối ưu điều phối container lạnh;
- Hạn chế phát sinh hàng hư hỏng trong quá trình logistics.

Bên cạnh các xu hướng về kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, ngành nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh hiện nay còn chịu tác động mạnh từ nhiều xu hướng phát triển khác.

Trước hết là xu hướng siết chặt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Nhiều quốc gia hiện áp dụng quy định nghiêm ngặt hơn đối với hàng thực phẩm nhập khẩu như:

- Kiểm tra dư lượng kháng sinh;
- Kiểm dịch động vật;
- Theo dõi nhiệt độ bảo quản;
- Chứng nhận nguồn gốc sản phẩm;
- Kiểm soát vi sinh vật.

Điều này khiến doanh nghiệp logistics không chỉ đóng vai trò vận chuyển mà còn tham gia sâu hơn vào quá trình quản lý chất lượng chuỗi lạnh.

Ngoài ra, xu hướng phát triển thương mại điện tử thực phẩm và hệ thống bán lẻ hiện đại cũng làm gia tăng nhu cầu logistics lạnh tại Việt Nam. Các chuỗi siêu thị, nhà hàng và trung tâm phân phối hiện yêu cầu thời gian giao hàng nhanh hơn và tiêu chuẩn bảo quản lạnh nghiêm ngặt hơn trước.

Bên cạnh đó, xu hướng đầu tư vào hạ tầng kho lạnh và cảng lạnh chuyên dụng cũng đang phát triển mạnh tại Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu nhập khẩu thực phẩm đông lạnh ngày càng tăng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp logistics mở rộng hoạt động Cold Chain Logistics trong tương lai.

Nhìn chung, ngành nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh hiện nay đang phát triển theo hướng hiện đại hóa, số hóa và phát triển bền vững. Các xu hướng như kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn không chỉ làm thay đổi phương thức quản lý logistics lạnh mà còn đặt ra yêu cầu mới đối với các doanh nghiệp logistics trong việc nâng cao năng lực quản trị Cold Chain Logistics và tối ưu quy trình nhập khẩu hàng đông lạnh.

3.1.2 Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty

3.1.2.1 Định hướng

Trước xu hướng phát triển mạnh mẽ của ngành logistics và hoạt động xuất nhập khẩu hiện nay, Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng định hướng phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa dịch vụ logistics quốc tế, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và mở rộng thị trường hoạt động tại khu vực miền Trung.

Trong thời gian tới, công ty tiếp tục tập trung phát triển thế mạnh trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế bằng đường biển, đặc biệt là dịch vụ nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh bằng container lạnh nguyên container. Đây là nhóm hàng có nhu cầu nhập khẩu ngày càng tăng do sự phát triển của hệ thống siêu thị, nhà hàng, chuỗi thực phẩm đông lạnh và nhu cầu tiêu dùng trong nước ngày càng cao.

Bên cạnh đó, công ty định hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và điều hành nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Việc áp dụng khai báo hải quan điện tử, quản lý chứng từ số và theo dõi container trực tuyến sẽ giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, giảm chi phí vận hành và hạn chế sai sót trong quá trình giao nhận hàng hóa.

Ngoài việc nâng cao chất lượng dịch vụ, Melody Logistics cũng chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực ngoại thương, logistics và thủ tục hải quan. Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên nhằm nâng cao kỹ năng xử lý chứng từ, kiểm dịch, khai báo hải quan và giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình nhập khẩu hàng hóa.

Song song với đó, công ty tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các hãng tàu, đại lý vận tải quốc tế và doanh nghiệp xuất nhập khẩu nhằm đa dạng hóa dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong bối cảnh ngành logistics Việt Nam đang tăng trưởng nhanh và được Chính phủ định hướng trở thành ngành dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, Melody Logistics hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp logistics uy tín tại khu vực miền Trung, góp phần nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng và hoạt động xuất nhập khẩu của khách hàng trong thời gian tới.

3.1.2.2 Mục tiêu

Hiện nay, ngành logistics Việt Nam đang duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 14–16% mỗi năm và được đánh giá là một trong những ngành dịch vụ có tiềm năng phát triển mạnh trong giai đoạn tới. Đối với logistics lạnh, tốc độ tăng trưởng còn cao hơn do nhu cầu tiêu dùng thực phẩm đông lạnh, thực phẩm chế biến và nguyên liệu nhập khẩu ngày càng tăng. Trong bối cảnh đó, Melody Logistics định hướng tập trung phát triển chuyên sâu đối với nhóm hàng thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container nhằm tận dụng cơ hội mở rộng thị trường và gia tăng doanh thu dịch vụ logistics lạnh.

Về mục tiêu doanh thu, doanh nghiệp hướng đến duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 12–15% mỗi năm trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030. Mức tăng trưởng này được đánh giá là phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành logistics lạnh tại Việt Nam hiện nay. Việc gia tăng doanh thu chủ yếu dựa trên định hướng mở rộng số lượng khách hàng nhập khẩu thực phẩm đông lạnh, tăng sản lượng Reefer

Container xử lý mỗi năm và phát triển thêm các dịch vụ logistics liên quan như khai báo hải quan, kiểm dịch động vật, vận tải container lạnh và dịch vụ kho lạnh.

Bên cạnh đó, Melody Logistics cũng đặt mục tiêu nâng cao tỷ trọng doanh thu từ nhóm khách hàng sử dụng dịch vụ logistics trọn gói. Thay vì chỉ thực hiện từng công đoạn riêng lẻ, doanh nghiệp định hướng cung cấp đồng bộ các dịch vụ từ vận tải quốc tế, khai báo hải quan, kiểm dịch, vận chuyển nội địa cho đến theo dõi Reefer Container và quản lý chuỗi lạnh. Việc mở rộng mô hình dịch vụ tích hợp không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao giá trị dịch vụ trên mỗi lô hàng mà còn tăng khả năng kiểm soát toàn bộ quy trình logistics lạnh.

Song song với mục tiêu tăng trưởng doanh thu, Melody Logistics cũng hướng đến mục tiêu cải thiện hiệu quả lợi nhuận trong hoạt động logistics lạnh. Đối với doanh nghiệp logistics, lợi nhuận không chỉ phụ thuộc vào quy mô doanh thu mà còn chịu ảnh hưởng lớn từ khả năng quản lý chi phí vận hành và kiểm soát rủi ro trong quá trình xử lý lô hàng. Vì vậy, doanh nghiệp đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ròng bình quân khoảng 10–12% mỗi năm và từng bước nâng biên lợi nhuận ròng lên mức khoảng 8–12% trong giai đoạn tới.

Trong thực tế, hoạt động logistics lạnh thường phát sinh nhiều chi phí đặc thù như chi phí điện lạnh Reefer Container, chi phí lưu container tại cảng, chi phí DEM/DET, chi phí vận tải container lạnh và chi phí kiểm dịch chuyên ngành. Nếu quy trình xử lý lô hàng kéo dài hoặc phát sinh sự cố mất lạnh, doanh nghiệp có thể phải chịu thêm nhiều khoản chi phí ngoài dự kiến. Do đó, việc tối ưu quy trình nhập khẩu và nâng cao hiệu quả quản lý Cold Chain Logistics là yếu tố quan trọng giúp Melody Logistics cải thiện lợi nhuận hoạt động.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng định hướng giảm dần tỷ lệ chi phí phát sinh trong quá trình xử lý hàng đông lạnh thông qua việc nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận nội bộ và cơ quan chức năng tại cảng. Melody Logistics đặt mục tiêu giảm khoảng 5–8% chi phí vận hành mỗi năm thông qua việc rút ngắn thời gian xử lý container lạnh, hạn chế phát sinh chi phí lưu bãi và tối ưu hoạt động vận chuyển nội địa.

Để thực hiện mục tiêu này, doanh nghiệp định hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý Cold Chain Logistics, đặc biệt là hệ thống theo dõi nhiệt độ Reefer Container theo thời gian thực. Việc ứng dụng công nghệ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn tình trạng container lạnh, hạn chế nguy cơ đứt gãy chuỗi lạnh và giảm thiểu tổn

thất hàng hóa trong quá trình vận hành. Đồng thời, Melody Logistics cũng hướng đến số hóa quy trình xử lý chứng từ và nâng cao khả năng kết nối dữ liệu giữa bộ phận OPS, bộ phận khai báo hải quan và khách hàng nhằm giảm thời gian xử lý nghiệp vụ và hạn chế sai sót trong quá trình thực hiện.

Về định hướng thị phần, Melody Logistics đặt mục tiêu từng bước mở rộng thị phần dịch vụ logistics lạnh tại khu vực miền Trung, đặc biệt trong lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container. Trong giai đoạn tới, doanh nghiệp hướng đến mức tăng trưởng thị phần khoảng 3–5% mỗi năm thông qua việc mở rộng tệp khách hàng nhập khẩu thực phẩm đông lạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics lạnh.

Để đạt được mục tiêu này, Melody Logistics định hướng xây dựng hình ảnh doanh nghiệp chuyên sâu về xử lý hàng đông lạnh với khả năng kiểm soát tốt Cold Chain Logistics và quy trình kiểm dịch chuyên ngành. Đồng thời, doanh nghiệp cũng tập trung nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên OPS và nhân viên khai báo hải quan nhằm tăng khả năng xử lý nhanh các tình huống phát sinh trong quá trình kiểm hóa, kiểm dịch và giao nhận Reefer Container tại cảng.

Bên cạnh đó, Melody Logistics cũng định hướng tăng cường hợp tác với các hãng tàu, nhà xe container lạnh, kho lạnh và các đơn vị vận tải nhằm nâng cao khả năng chủ động trong quá trình xử lý lô hàng. Việc xây dựng mạng lưới đối tác ổn định sẽ giúp doanh nghiệp giảm phụ thuộc vào thị trường thuê ngoài và nâng cao hiệu quả vận hành logistics lạnh trong dài hạn.

Trong bối cảnh ngành logistics đang chuyển dịch mạnh theo hướng số hóa, phát triển xanh và hiện đại hóa chuỗi cung ứng lạnh, việc xây dựng mục tiêu phát triển rõ ràng sẽ tạo nền tảng quan trọng để Melody Logistics nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container. Không chỉ hướng đến tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, doanh nghiệp còn cần chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị Cold Chain Logistics, tối ưu chi phí vận hành và phát triển dịch vụ logistics lạnh theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và bền vững trong giai đoạn tới.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh

3.2.1. Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong công ty với các cơ quan chức năng

Trong hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container, sự phối hợp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp với các cơ quan chức năng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với hiệu quả xử lý lô hàng. Do đặc thù của mặt hàng thực phẩm đông lạnh yêu cầu nghiêm ngặt về thời gian thông quan, nhiệt độ bảo quản và quy trình kiểm tra chuyên ngành nên chỉ cần một khâu xử lý chậm trễ cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hàng hóa cũng như phát sinh nhiều chi phí liên quan. Vì vậy, việc tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong Melody Logistics với cơ quan thú y, hải quan và cảng là giải pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container.

Theo cơ sở lý luận về quản trị logistics và chuỗi cung ứng, hiệu quả hoạt động logistics phụ thuộc lớn vào khả năng phối hợp giữa các chủ thể tham gia trong chuỗi vận hành. Đối với doanh nghiệp logistics, hoạt động phối hợp không chỉ diễn ra giữa các bộ phận nội bộ mà còn bao gồm quá trình liên kết với các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị dịch vụ liên quan. Việc duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong xử lý nghiệp vụ, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình giao nhận hàng hóa.

Trong thực tế, quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tại Melody Logistics đòi hỏi sự phối hợp liên tục giữa bộ phận OPS hiện trường, bộ phận chứng từ, bộ phận khai báo hải quan và các đơn vị bên ngoài như cơ quan thú y, hải quan giám sát, hải quan kiểm hóa, điều độ cảng và nhà xe container. Đây là nhóm hàng hóa có yêu cầu kiểm dịch bắt buộc nên doanh nghiệp phải thực hiện nhiều công đoạn như đăng ký kiểm dịch, xin công văn giám sát hải quan, làm lệnh dịch container kiểm tra, lấy mẫu kiểm dịch và kiểm hóa thực tế tại cảng. Toàn bộ quá trình này cần được thực hiện nhanh chóng và đồng bộ nhằm hạn chế thời gian mở container ngoài bãi, bảo đảm nhiệt độ lạnh bên trong container luôn duy trì ổn định.

Tuy nhiên, nếu sự phối hợp giữa các bộ phận trong Melody Logistics chưa chặt chẽ hoặc việc trao đổi thông tin với cơ quan chức năng không kịp thời thì rất dễ xảy ra tình trạng chậm xử lý lô hàng. Ví dụ, nếu bộ phận chứng từ chậm hoàn tất hồ sơ kiểm dịch hoặc bộ phận OPS không chủ động đăng ký lịch kiểm tra với cảng và hải quan thì

container có thể phải lưu tại bãi trong thời gian dài để chờ xử lý. Đối với hàng đông lạnh, việc kéo dài thời gian lưu bãi không chỉ làm tăng chi phí điện lạnh, lưu container mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bảo quản hàng hóa.

Trong quá trình kiểm dịch và kiểm hóa thực tế, nhân viên OPS của Melody Logistics thường xuyên phải làm việc trực tiếp với cán bộ thú y, hải quan giám sát và điều độ cảng. Vì vậy, việc xây dựng mối quan hệ phối hợp chuyên nghiệp, thân thiện và ổn định với các cơ quan chức năng là yếu tố rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Khi duy trì được mối quan hệ làm việc tốt, quá trình trao đổi thông tin và xử lý nghiệp vụ sẽ thuận lợi hơn, đặc biệt trong những trường hợp cần hỗ trợ xử lý gấp hoặc phát sinh sự cố tại hiện trường.

Đối với hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông lạnh, thời gian xử lý ngoài bãi luôn mang tính cấp thiết do container phải duy trì nhiệt độ lạnh liên tục. Trong trường hợp container mở quá lâu để lấy mẫu kiểm dịch hoặc kiểm hóa, nhiệt độ bên trong container có thể bị ảnh hưởng, dẫn đến nguy cơ tan đông hoặc giảm chất lượng sản phẩm. Vì vậy, Melody Logistics cần chủ động phối hợp với cơ quan thú y và hải quan để sắp xếp thời gian kiểm tra hợp lý, đồng thời phối hợp với cảng trong việc ưu tiên dịch container lạnh vào khu vực kiểm tra đúng thời gian đã đăng ký.

Để nâng cao hiệu quả phối hợp, Melody Logistics cần xây dựng quy trình trao đổi thông tin rõ ràng giữa các bộ phận nội bộ. Các thông tin liên quan đến lịch tàu, tình trạng container, thời gian kiểm dịch, kế hoạch kiểm hóa và tiến độ xử lý hiện trường cần được cập nhật liên tục giữa bộ phận OPS, bộ phận chứng từ và bộ phận khai báo hải quan nhằm hạn chế sai sót trong quá trình xử lý lô hàng. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần tăng cường ứng dụng các công cụ quản lý và trao đổi thông tin nội bộ để hỗ trợ xử lý nhanh các tình huống phát sinh.

Melody Logistics cần chú trọng nâng cao kỹ năng giao tiếp và xử lý hiện trường cho nhân viên OPS và nhân viên khai báo hải quan. Đây là những bộ phận trực tiếp làm việc với cơ quan chức năng nên cần có tác phong chuyên nghiệp, chủ động và linh hoạt trong quá trình xử lý nghiệp vụ. Việc chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, đăng ký kiểm tra đúng thời gian và phối hợp nhanh chóng với cán bộ hiện trường sẽ giúp quá trình kiểm dịch và kiểm hóa diễn ra thuận lợi hơn, từ đó giảm thời gian container nằm ngoài bãi.

Ngoài ra, Melody Logistics cũng cần chủ động xây dựng phương án xử lý đối với các tình huống phát sinh như chậm lịch kiểm hóa, thiếu xe nâng, quá tải khu vực

kiểm tra hoặc sự cố container lạnh. Việc chủ động trao đổi trước với cảng, cơ quan thú y và hải quan giúp doanh nghiệp linh hoạt hơn trong điều phối công việc và hạn chế tối đa ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng.

Trong quá trình thực hiện giải pháp này, doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý đến việc duy trì thái độ hợp tác chuyên nghiệp với các cơ quan chức năng, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và hạn chế tối đa sai sót chứng từ. Đồng thời, nhân viên hiện trường cần theo dõi chặt chẽ thời gian mở container và tình trạng nhiệt độ container lạnh trong suốt quá trình kiểm tra nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa.

Nhìn chung, việc tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong Melody Logistics với các cơ quan chức năng không chỉ giúp rút ngắn thời gian xử lý lô hàng mà còn góp phần hạn chế rủi ro phát sinh, bảo đảm chất lượng thực phẩm đông lạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động logistics của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh hiện nay.

3.2.2 Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên.

Trong hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container, yếu tố con người đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm tiến độ thông quan, chất lượng hàng hóa và hiệu quả vận hành của doanh nghiệp logistics. Đây là nhóm hàng hóa có tính chất đặc thù do yêu cầu nghiêm ngặt về nhiệt độ bảo quản, thời gian xử lý tại cảng cũng như quy trình kiểm dịch và kiểm hóa chuyên ngành. Vì vậy, việc nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, đặc biệt là nhân viên OPS hiện trường và nhân viên khai báo hải quan, là một trong những giải pháp cần thiết nhằm hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh tại Melody Logistics.

Trên thực tế, nhân viên OPS là bộ phận trực tiếp xử lý hiện trường tại cảng và phối hợp với các cơ quan chức năng như hải quan, cơ quan thú y, điều độ cảng, hãng tàu và nhà xe container để thực hiện các công việc liên quan đến kiểm hóa, kiểm dịch và giao nhận container lạnh. Đối với mặt hàng thực phẩm đông lạnh, thời gian mở container để lấy mẫu hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa luôn phải được kiểm soát chặt chẽ nhằm hạn chế thất thoát nhiệt lạnh bên trong container. Nếu quá trình xử lý diễn ra chậm hoặc nhân viên thiếu kinh nghiệm thực tế, container có thể bị mở quá lâu ngoài bãi, dẫn đến hiện tượng tăng nhiệt độ, tan đông hàng hóa hoặc suy giảm chất lượng sản phẩm. Điều này không chỉ gây thiệt hại về kinh tế mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp.

Nhân viên khai báo hải quan cũng giữ vai trò rất quan trọng trong toàn bộ quy trình nhập khẩu hàng thực phẩm đông lạnh. Đây là bộ phận chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ, khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS, đăng ký kiểm dịch động vật nhập khẩu và xử lý các thủ tục liên quan đến cơ quan quản lý chuyên ngành. Đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật, hồ sơ nhập khẩu thường yêu cầu nhiều loại chứng từ nghiêm ngặt như Health Certificate, giấy phép kiểm dịch nhập khẩu, chứng nhận xuất xứ và các chứng từ an toàn thực phẩm khác. Chỉ cần xảy ra sai sót trong quá trình khai báo như khai sai mã HS, sai thông tin container hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp có thể bị kéo dài thời gian thông quan, phát sinh chi phí lưu container và lưu bãi tại cảng.

Đặc điểm của hàng đông lạnh là phải duy trì nhiệt độ bảo quản liên tục trong suốt quá trình vận chuyển và lưu giữ. Vì vậy, nhân viên nghiệp vụ cần có khả năng xử lý nhanh các tình huống phát sinh như:

- Chậm đăng ký kiểm dịch;
- Delay lịch kiểm hóa;
- Sự cố mất điện container lạnh;
- Hư hỏng máy lạnh container;
- Thiếu xe nâng hoặc nhân công mở hàng;
- Hải quan yêu cầu kiểm tra thực tế kéo dài;
- Tắc nghẽn khu vực kiểm hóa tại cảng.

Trong những trường hợp này, nếu nhân viên không có đủ kinh nghiệm và kỹ năng xử lý tình huống, hàng hóa có thể bị lưu ngoài bãi trong thời gian dài, làm tăng nguy cơ thất thoát nhiệt lạnh và phát sinh các chi phí lớn như phí DEM/DET, phí điện lạnh hoặc chi phí lưu bãi container.

Do đó, Melody Logistics cần chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên thông qua các chương trình đào tạo nghiệp vụ thường xuyên. Trước hết, doanh nghiệp cần tổ chức các khóa đào tạo định kỳ về:

- Quy trình khai báo hải quan điện tử;
- Quy trình kiểm dịch động vật nhập khẩu;
- Nghiệp vụ xử lý container lạnh;
- Quy trình kiểm hóa hàng thực phẩm đông lạnh;
- Các quy định pháp luật mới liên quan đến xuất nhập khẩu thực phẩm.

Việc cập nhật kiến thức thường xuyên sẽ giúp nhân viên hạn chế sai sót trong quá trình làm việc và nâng cao khả năng thích ứng với các thay đổi trong chính sách quản lý nhà nước.

Bên cạnh đào tạo lý thuyết, Melody Logistics cũng cần tăng cường đào tạo kỹ năng xử lý tình huống thực tế cho nhân viên OPS hiện trường. Do đặc thù của hàng đông lạnh yêu cầu tốc độ xử lý nhanh và tính phối hợp cao giữa nhiều bên liên quan, nhân viên cần được hướng dẫn cách xử lý các tình huống phát sinh như:

- Container mất lạnh trong thời gian kiểm hóa;
- Kéo dài thời gian lấy mẫu kiểm dịch;
- Delay lịch tàu hoặc thay đổi kế hoạch kiểm tra;
- Xử lý container bị giữ kiểm tra đột xuất;
- Điều phối xe nâng và nhân công khi lượng container tăng cao.

Thông qua việc mô phỏng các tình huống thực tế tại cảng, nhân viên sẽ nâng cao khả năng phản ứng nhanh và chủ động hơn trong quá trình xử lý công việc. Ngoài ra, doanh nghiệp cần xây dựng quy trình thao tác chuẩn (SOP) đối với hàng thực phẩm đông lạnh nhằm thống nhất quy trình thực hiện giữa các bộ phận. Quy trình này cần quy định rõ trách nhiệm của từng nhân viên trong các khâu như:

- Đăng ký kiểm dịch;
- Điều phối container kiểm hóa;
- Theo dõi nhiệt độ container lạnh;
- Phối hợp với cơ quan thú y và hải quan;
- Xử lý sự cố phát sinh tại hiện trường.

Việc chuẩn hóa quy trình làm việc sẽ giúp giảm sự phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, trong bối cảnh ngành logistics đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, Melody Logistics cũng cần nâng cao khả năng sử dụng phần mềm và hệ thống quản lý logistics cho nhân viên. Việc đào tạo sử dụng hệ thống theo dõi container lạnh, quản lý chứng từ điện tử và cập nhật dữ liệu trên hệ thống VNACCS/VCIS sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý và giảm thiểu sai sót trong quá trình vận hành.

Ngoài chuyên môn nghiệp vụ, doanh nghiệp cũng cần chú trọng phát triển kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ chuyên ngành cho nhân viên. Trong hoạt động logistics quốc tế, nhân viên thường xuyên làm việc với hãng tàu, đại lý nước ngoài và khách hàng

quốc tế, do đó khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp và xử lý công việc.

Nhìn chung, việc nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên không chỉ giúp Melody Logistics hạn chế rủi ro trong quá trình nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh mà còn góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, rút ngắn thời gian thông quan và tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh ngành logistics ngày càng phát triển và yêu cầu về an toàn thực phẩm ngày càng khắt khe.

3.2.3. Ứng dụng công nghệ theo dõi nhiệt độ container lạnh

Trong hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh nguyên container, việc duy trì nhiệt độ bảo quản ổn định trong suốt quá trình vận chuyển và lưu trữ là yêu cầu bắt buộc nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa và an toàn thực phẩm. Đối với nhóm hàng thực phẩm có nguồn gốc động vật như thịt bò đông lạnh, thịt gà đông lạnh, nội tạng động vật hoặc thủy sản đông lạnh, nhiệt độ bảo quản thông thường phải được duy trì ở mức từ -18°C trở xuống theo tiêu chuẩn của chuỗi lạnh quốc tế. Nếu nhiệt độ container thay đổi vượt ngưỡng cho phép trong thời gian dài, hàng hóa có thể xảy ra hiện tượng tan đông cục bộ, phát sinh vi sinh vật hoặc suy giảm chất lượng cảm quan của sản phẩm. Vì vậy, việc ứng dụng công nghệ theo dõi nhiệt độ container lạnh trong hoạt động Cold Chain Logistics là giải pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chuỗi lạnh tại Melody Logistics.

Theo cơ sở lý luận về Cold Chain Logistics, chuỗi lạnh là hệ thống logistics chuyên biệt được xây dựng nhằm duy trì nhiệt độ phù hợp cho hàng hóa nhạy cảm với nhiệt độ trong toàn bộ quá trình từ vận chuyển, lưu kho, xếp dỡ, kiểm hóa đến phân phối cuối cùng. Trong logistics lạnh, container lạnh (Reefer Container) là thiết bị quan trọng nhất dùng để vận chuyển hàng đông lạnh quốc tế. Reefer container được trang bị hệ thống máy lạnh độc lập có khả năng duy trì nhiệt độ ổn định trong khoảng từ -30°C đến $+30^{\circ}\text{C}$ tùy theo đặc tính hàng hóa.

Trong quá trình vận hành container lạnh, hệ thống máy lạnh sẽ liên tục lưu thông luồng khí lạnh bên trong container nhằm duy trì nhiệt độ cài đặt (Set Point Temperature). Tuy nhiên, quá trình vận hành Reefer Container có thể chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như:

- Mất nguồn điện container;
- Hư hỏng máy lạnh;

- Thời gian mở container kéo dài;
- Quá tải tại bãi container;
- Delay trong quá trình kiểm hóa và kiểm dịch;
- Điều kiện thời tiết bên ngoài.

Đối với hàng thực phẩm đông vật đông lạnh nhập khẩu, quá trình kiểm dịch và kiểm hóa thực tế tại cảng là công đoạn có nguy cơ cao làm gián đoạn chuỗi lạnh. Trong thời gian lấy mẫu kiểm dịch hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa, container buộc phải mở cửa dưới sự giám sát của hải quan và cơ quan thú y. Nếu thời gian thao tác kéo dài hoặc container không được cắm điện lại kịp thời sau kiểm tra, nhiệt độ bên trong container sẽ tăng nhanh và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hàng hóa.

Theo nghiên cứu của International Journal of Refrigeration, nhiệt độ bên trong Reefer Container có thể tăng từ 2°C đến 5°C chỉ sau khoảng 20–30 phút mở container trong điều kiện môi trường nhiệt độ cao. Đối với thực phẩm đông lạnh, sự thay đổi nhiệt độ liên tục có thể làm phá vỡ cấu trúc sản phẩm và làm giảm chất lượng bảo quản của hàng hóa.

Trong thực tế hoạt động tại Melody Logistics, công tác theo dõi nhiệt độ container lạnh hiện nay vẫn phụ thuộc nhiều vào việc kiểm tra thủ công từ nhân viên OPS hoặc dữ liệu cập nhật từ cảng và hãng tàu. Điều này dẫn đến một số hạn chế trong quá trình quản lý chuỗi lạnh, đặc biệt khi xử lý nhiều container cùng lúc hoặc khi phát sinh sự cố ngoài giờ hành chính. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp khó phát hiện kịp thời các tình huống như:

- Container mất điện lạnh tại bãi;
- Máy lạnh hoạt động không ổn định;
- Nhiệt độ container tăng bất thường;
- Chậm cắm điện sau kiểm hóa;
- Delay trong quá trình dịch container kiểm tra.

Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa mà còn làm tăng nguy cơ phát sinh tranh chấp với khách hàng và chi phí bồi thường hàng hư hỏng. Vì vậy, việc ứng dụng công nghệ theo dõi nhiệt độ container lạnh theo mô hình Cold Chain Logistics hiện đại là giải pháp cần thiết đối với Melody Logistics trong giai đoạn hiện nay. Công nghệ được sử dụng phổ biến hiện nay là hệ thống IoT (Internet of Things) kết hợp cảm biến nhiệt độ và hệ thống GPS theo dõi container lạnh theo thời gian thực.

Cụ thể, trên mỗi Reefer Container sẽ được lắp đặt cảm biến nhiệt độ (Temperature Sensor) và bộ truyền dữ liệu (Data Logger). Hệ thống này có khả năng:

- Ghi nhận nhiệt độ container liên tục theo thời gian thực;
- Theo dõi độ ẩm bên trong container;
- Giám sát tình trạng hoạt động của máy lạnh;
- Theo dõi thời gian đóng mở cửa container;
- Cảnh báo khi nhiệt độ vượt ngưỡng cho phép;
- Truyền dữ liệu trực tiếp về hệ thống quản lý trung tâm.

Khi xảy ra sự cố như container mất điện hoặc nhiệt độ tăng bất thường, hệ thống sẽ tự động gửi cảnh báo đến bộ phận OPS và bộ phận điều phối để xử lý ngay lập tức. Điều này giúp doanh nghiệp hạn chế nguy cơ đứt gãy chuỗi lạnh và giảm thiểu tổn thất hàng hóa trong quá trình vận chuyển và lưu bãi tại cảng.

Theo báo cáo của DHL về xu hướng phát triển Cold Chain Logistics toàn cầu, hơn 70% doanh nghiệp logistics lạnh quốc tế hiện đang áp dụng công nghệ giám sát nhiệt độ theo thời gian thực nhằm nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng hàng hóa và giảm tỷ lệ thất thoát trong chuỗi lạnh. Báo cáo cũng cho thấy việc ứng dụng công nghệ IoT giúp giảm khoảng 30% nguy cơ hư hỏng hàng đông lạnh trong quá trình vận hành logistics.

Đối với Melody Logistics, việc ứng dụng công nghệ theo dõi nhiệt độ container lạnh mang lại nhiều lợi ích trong quá trình nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh nguyên container. Trước hết, doanh nghiệp có thể kiểm soát liên tục tình trạng nhiệt độ container trong toàn bộ quá trình từ khi container cập cảng, kiểm hóa, kiểm dịch cho đến khi giao về kho lạnh của khách hàng. Điều này giúp nâng cao khả năng bảo đảm chất lượng hàng hóa và hạn chế nguy cơ phát sinh sự cố trong chuỗi lạnh.

Dữ liệu nhiệt độ được lưu trữ tự động trên hệ thống còn giúp doanh nghiệp dễ dàng truy xuất thông tin khi phát sinh tranh chấp liên quan đến chất lượng hàng hóa hoặc yêu cầu kiểm tra từ khách hàng và cơ quan chức năng. Đây là yếu tố rất quan trọng trong bối cảnh các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc và an toàn thực phẩm ngày càng được siết chặt trong hoạt động thương mại quốc tế.

Ngoài chức năng giám sát nhiệt độ, hệ thống Cold Chain Logistics hiện đại còn hỗ trợ Melody Logistics trong việc tối ưu hoạt động vận hành container lạnh. Thông qua dữ liệu GPS và dữ liệu vận hành container, bộ phận OPS có thể:

- Theo dõi vị trí container theo thời gian thực;
- Chủ động sắp xếp lịch kiểm hóa;
- Theo dõi thời gian container mở ngoài bãi;
- Kiểm soát thời gian cắm điện container;
- Điều phối xe vận chuyển phù hợp.

Việc quản lý tập trung dữ liệu container lạnh giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận và giảm thiểu thời gian xử lý lô hàng tại cảng.

Nhìn chung, việc ứng dụng công nghệ theo dõi nhiệt độ container lạnh trong hoạt động Cold Chain Logistics là giải pháp có ý nghĩa quan trọng đối với Melody Logistics. Không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng kiểm soát chuỗi lạnh và bảo đảm chất lượng thực phẩm đông lạnh nhập khẩu, giải pháp này còn góp phần giảm thiểu rủi ro vận hành, tối ưu chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics lạnh hiện nay.

3.2.4 Xây dựng hệ thống vendor chiến lược ổn định

Trong hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh nguyên container, hệ thống vendor giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi đây là nhóm đối tác trực tiếp tham gia vào toàn bộ quá trình vận hành chuỗi logistics lạnh của doanh nghiệp. Đối với Melody Logistics, các vendor hiện nay bao gồm hãng tàu, nhà xe container lạnh, xe tải giao hàng nội địa, đơn vị vận tải hàng lẻ, kho lạnh và các đơn vị hỗ trợ hiện trường tại cảng. Trong thực tế, hiệu quả xử lý lô hàng đông lạnh phụ thuộc rất lớn vào mức độ ổn định và khả năng phối hợp giữa doanh nghiệp với các vendor trong suốt quá trình vận chuyển, kiểm dịch, kiểm hóa và giao nhận hàng hóa.

Hiện nay, Melody Logistics đang hợp tác với nhiều vendor phục vụ hoạt động logistics lạnh như nhà xe container Khởi An Phú, Donatrans, đơn vị vận tải hàng lẻ Spider cùng các hãng tàu như EMC, SITC và CMA CGM. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng sử dụng hệ thống xe tải và xe lạnh nội địa để thực hiện vận chuyển hàng hóa từ cảng về kho bảo quản hoặc giao đến khách hàng. Đây đều là những mắt xích quan trọng trong chuỗi Cold Chain Logistics đối với hàng thực phẩm đông vật đông lạnh nhập khẩu.

Tuy nhiên, do đặc thù của hàng thực phẩm đông lạnh yêu cầu kiểm soát nhiệt độ nghiêm ngặt và thời gian xử lý nhanh, hoạt động nhập khẩu hiện nay vẫn chịu nhiều ảnh hưởng từ sự thiếu ổn định của hệ thống vendor. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp có thể gặp tình trạng thiếu đầu kéo container lạnh, thiếu xe tải giao hàng, chậm kéo

container kiểm hóa hoặc chậm bố trí phương tiện vận chuyển nội địa. Điều này làm cho thời gian lưu container tại cảng kéo dài, phát sinh thêm chi phí điện lạnh Reefer Container, phí lưu bãi và nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa bên trong container.

Đối với hàng thực phẩm đông vật đông lạnh, yếu tố thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Sau khi container được mở để kiểm hóa hoặc lấy mẫu kiểm dịch dưới sự giám sát của hải quan và cơ quan thú y, container cần được đóng lại và cắm điện lạnh trong thời gian ngắn nhất nhằm bảo đảm duy trì nhiệt độ ổn định. Nếu vendor hỗ trợ chậm trong việc điều xe nâng, đầu kéo hoặc xe tải vận chuyển nội địa, container có thể bị mở ngoài bãi quá lâu dẫn đến thất thoát nhiệt lạnh, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và phát sinh nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

Ngoài ra, hoạt động nhập khẩu thực phẩm đông lạnh hiện nay còn phụ thuộc khá lớn vào các hãng tàu quốc tế. Đối với Melody Logistics, các hãng tàu như EMC, SITC và CMA CGM đang là những đối tác vận chuyển chính đối với tuyến hàng lạnh nhập khẩu. Tuy nhiên, trong giai đoạn cao điểm hoặc khi thị trường logistics quốc tế biến động, doanh nghiệp thường gặp tình trạng thiếu Reefer Container, thiếu slot tàu hoặc thay đổi lịch tàu đột xuất. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch nhập khẩu hàng hóa và khả năng giao hàng đúng tiến độ cho khách hàng.

Bên cạnh hãng tàu và nhà xe container, hệ thống xe tải vận chuyển nội địa cũng đóng vai trò quan trọng trong chuỗi logistics lạnh của doanh nghiệp. Sau khi hoàn tất thủ tục thông quan, hàng thực phẩm đông lạnh cần được vận chuyển nhanh về kho bảo quản hoặc giao trực tiếp đến khách hàng bằng xe tải lạnh chuyên dụng nhằm duy trì nhiệt độ bảo quản phù hợp. Nếu doanh nghiệp không có hệ thống vendor vận tải nội địa ổn định, việc điều phối giao hàng có thể bị chậm trễ, làm tăng thời gian hàng hóa lưu trên container và phát sinh thêm nhiều chi phí vận hành.

Trong thực tế, nhiều doanh nghiệp logistics hiện nay vẫn phụ thuộc khá lớn vào vendor thuê ngoài nên khả năng chủ động trong vận hành còn hạn chế. Đối với Melody Logistics, việc xây dựng hệ thống vendor chiến lược ổn định không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả xử lý lô hàng mà còn góp phần giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành cold chain logistics. Khi doanh nghiệp duy trì được mối quan hệ hợp tác ổn định với hãng tàu, nhà xe container, đơn vị xe tải và các vendor hỗ trợ hiện trường,

khả năng điều phối container lạnh sẽ linh hoạt và hiệu quả hơn, đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm nhập khẩu thực phẩm đông lạnh.

Bên cạnh đó, hệ thống vendor ổn định còn giúp Melody Logistics nâng cao khả năng kiểm soát chi phí logistics. Trong hoạt động nhập khẩu hàng lạnh, các khoản chi phí như phí vận tải container, phí xe tải nội địa, phí điện lạnh Reefer Container, phí DEM/DET và phí lưu bãi có thể phát sinh rất lớn nếu quá trình vận hành không được phối hợp đồng bộ. Vì vậy, khi doanh nghiệp xây dựng được mạng lưới vendor ổn định và có khả năng phối hợp tốt, thời gian xử lý container sẽ được rút ngắn đáng kể, từ đó góp phần giảm chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả lợi nhuận.

Ngoài yếu tố chi phí, việc duy trì hệ thống vendor chiến lược còn giúp Melody Logistics nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong lĩnh vực logistics lạnh. Đối với khách hàng nhập khẩu thực phẩm đông lạnh, yếu tố quan trọng nhất không chỉ là giá cước mà còn là khả năng bảo đảm chất lượng hàng hóa và tiến độ giao hàng. Nếu doanh nghiệp có hệ thống vendor hoạt động ổn định, quá trình vận chuyển và giao nhận hàng hóa sẽ hạn chế được tình trạng chậm giao hàng, mất lạnh hoặc phát sinh sự cố ngoài kế hoạch.

Trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh ngày càng tăng và ngành logistics lạnh đang phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa chuỗi cung ứng lạnh, việc xây dựng hệ thống vendor chiến lược ổn định có ý nghĩa rất quan trọng đối với Melody Logistics. Đây không chỉ là giải pháp hỗ trợ hoạt động vận hành logistics lạnh mà còn là yếu tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu chi phí và bảo đảm chất lượng dịch vụ trong hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container hiện nay

3.3. Điều kiện và cách thức thực hiện giải pháp

Để các giải pháp hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container được triển khai hiệu quả trong thực tế, Melody Logistics cần xây dựng đầy đủ các điều kiện về nhân sự, cơ sở vật chất, công nghệ, tài chính và cơ chế phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ. Do đặc thù của hoạt động logistics lạnh yêu cầu tính liên kết cao giữa nhiều khâu trong chuỗi vận hành nên việc triển khai giải pháp không chỉ dừng ở mặt lý thuyết mà cần được thực hiện đồng bộ và có tính thực tiễn phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Trước hết, đối với giải pháp nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên, điều kiện quan trọng nhất là doanh nghiệp cần xây dựng đội ngũ nhân sự có kiến thức chuyên môn phù hợp với lĩnh vực logistics lạnh và nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh. Trong thực tế, bộ phận OPS hiện trường và bộ phận khai báo hải quan là hai bộ phận trực tiếp xử lý lô hàng tại cảng nên yêu cầu nghiệp vụ tương đối cao. Vì vậy, Melody Logistics cần bố trí nhân sự có kinh nghiệm thực tế về xử lý Reefer Container, kiểm hóa hàng đông lạnh và kiểm dịch động vật nhập khẩu.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ định kỳ cho nhân viên nhằm cập nhật các quy định mới liên quan đến hải quan, kiểm dịch động vật và an toàn thực phẩm. Các chương trình đào tạo nên tập trung vào các nội dung như quy trình khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS, xử lý hồ sơ kiểm dịch, quy trình làm việc với hải quan giám sát và nghiệp vụ xử lý container lạnh ngoài bãi. Đối với nhân viên OPS hiện trường, doanh nghiệp cần tăng cường đào tạo kỹ năng xử lý tình huống thực tế như xử lý container mất lạnh, delay kiểm hóa, sự cố máy lạnh container hoặc tình trạng quá tải khu vực kiểm tra tại cảng.

Ngoài đào tạo nội bộ, Melody Logistics cũng cần tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành logistics, xuất nhập khẩu và cold chain logistics do các trung tâm đào tạo hoặc hiệp hội logistics tổ chức. Điều này giúp đội ngũ nhân sự nâng cao kiến thức chuyên môn và từng bước tiếp cận với các mô hình quản lý logistics lạnh hiện đại.

Đối với giải pháp tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp với các cơ quan chức năng, điều kiện cần thiết là Melody Logistics phải xây dựng được cơ chế phối hợp thống nhất giữa bộ phận OPS, bộ phận chứng từ và bộ phận khai báo hải quan. Trong thực tế, nhiều trường hợp phát sinh chậm trễ do thông tin giữa các bộ phận chưa được cập nhật đồng bộ, dẫn đến việc đăng ký kiểm dịch chậm, thiếu hồ sơ hoặc không chủ động sắp xếp lịch kiểm hóa với cảng và hải quan.

Do đó, doanh nghiệp cần xây dựng quy trình trao đổi thông tin nội bộ rõ ràng đối với từng lô hàng nhập khẩu. Các thông tin như lịch tàu, số container, thời gian kiểm dịch, kế hoạch kiểm hóa và tiến độ xử lý tại hiện trường cần được cập nhật liên tục giữa các bộ phận nhằm hạn chế sai sót trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Đồng thời, Melody Logistics cũng cần phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhân viên phụ trách từng công đoạn nhằm nâng cao tính chủ động trong xử lý công việc.

Bên cạnh sự phối hợp nội bộ, doanh nghiệp cần duy trì mối quan hệ làm việc ổn định với cơ quan thú y, hải quan giám sát và điều độ cảng. Đây là điều kiện rất quan trọng giúp quá trình kiểm hóa và kiểm dịch diễn ra thuận lợi hơn. Trong thực tế, đối với hàng thực phẩm động vật đông lạnh, thời gian xử lý tại bãi kiểm hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hàng hóa do container phải duy trì nhiệt độ lạnh liên tục. Vì vậy, doanh nghiệp cần chủ động đăng ký lịch kiểm tra sớm, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và phối hợp chặt chẽ với cán bộ hiện trường nhằm rút ngắn thời gian mở container ngoài bãi.

Đối với giải pháp ứng dụng công nghệ theo dõi nhiệt độ container lạnh, điều kiện thực hiện quan trọng nhất là doanh nghiệp cần đầu tư hệ thống quản lý cold chain logistics phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại. Melody Logistics cần có khả năng kết nối dữ liệu nhiệt độ Reefer Container giữa hãng tàu, cảng và bộ phận OPS nhằm theo dõi liên tục tình trạng container lạnh trong suốt quá trình vận hành.

Trong giai đoạn đầu, doanh nghiệp có thể triển khai các giải pháp công nghệ ở mức cơ bản như sử dụng hệ thống theo dõi nhiệt độ container từ hãng tàu kết hợp với phần mềm quản lý container nội bộ. Sau đó, Melody Logistics có thể từng bước nâng cấp sang hệ thống IoT theo dõi Reefer Container theo thời gian thực nhằm nâng cao khả năng giám sát nhiệt độ và phát hiện sớm các sự cố mất lạnh.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần xây dựng quy trình kiểm tra nhiệt độ container trước và sau kiểm hóa nhằm kiểm soát tốt hơn chất lượng hàng hóa trong quá trình kiểm dịch và lấy mẫu. Bộ phận OPS cần được phân công theo dõi trực tiếp thời gian mở container, thời gian cắm điện trở lại và tình trạng hoạt động của máy lạnh Reefer Container trong suốt quá trình xử lý hiện trường.

Đối với giải pháp xây dựng hệ thống vendor chiến lược ổn định, điều kiện quan trọng là Melody Logistics cần xây dựng được mạng lưới vendor phù hợp với đặc thù logistics lạnh. Trong hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào hãng tàu, nhà xe container lạnh, xe tải giao hàng nội địa và các đơn vị hỗ trợ hiện trường. Vì vậy, việc lựa chọn vendor có kinh nghiệm xử lý Reefer Container và có khả năng hỗ trợ nhanh tại cảng là yếu tố rất cần thiết.

Hiện nay, Melody Logistics đang hợp tác với các nhà xe container như Khởi An Phú, Donatrans cùng các hãng tàu như EMC, SITC và CMA CGM. Để nâng cao hiệu quả phối hợp, doanh nghiệp cần duy trì mối quan hệ hợp tác ổn định với các vendor này

thông qua việc phối hợp kế hoạch vận chuyển thường xuyên, cập nhật sản lượng container định kỳ và nâng cao khả năng hỗ trợ hiện trường trong các giai đoạn cao điểm.

Bên cạnh đó, Melody Logistics cũng cần xây dựng cơ chế đánh giá năng lực vendor dựa trên các tiêu chí như thời gian phản hồi, khả năng điều xe, mức độ hỗ trợ container lạnh và khả năng xử lý sự cố phát sinh. Điều này giúp doanh nghiệp lựa chọn được các vendor có chất lượng dịch vụ ổn định và phù hợp với yêu cầu của hoạt động cold chain logistics.

Ngoài các điều kiện về nhân sự và vận hành, doanh nghiệp cũng cần chuẩn bị nguồn lực tài chính phù hợp để triển khai các giải pháp cải thiện quy trình nhập khẩu hàng đông lạnh. Việc đầu tư công nghệ theo dõi nhiệt độ container, đào tạo nhân viên hoặc xây dựng hệ thống quản lý logistics lạnh đều cần chi phí tương đối lớn trong giai đoạn đầu. Vì vậy, Melody Logistics cần có kế hoạch phân bổ ngân sách hợp lý và triển khai theo từng giai đoạn nhằm bảo đảm hiệu quả đầu tư và phù hợp với năng lực tài chính của doanh nghiệp.

Nhìn chung, để các giải pháp hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container được triển khai hiệu quả, Melody Logistics cần thực hiện đồng bộ nhiều điều kiện về nhân sự, công nghệ, vận hành và phối hợp nghiệp vụ. Việc tổ chức thực hiện bài bản và phù hợp với thực tế hoạt động sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý cold chain logistics, giảm thiểu rủi ro phát sinh và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực logistics lạnh hiện nay.

3.4. Những bài học kinh nghiệm và đóng góp cho doanh nghiệp từ chương trình thực tập tốt nghiệp

3.4.1. Bài học từ chương trình thực tập tốt nghiệp

Thông qua quá trình thực tập tại Melody Logistics, đã có cơ hội tiếp cận thực tế với môi trường làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu, đặc biệt là quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container. Đây là điều kiện quan trọng giúp củng cố kiến thức chuyên môn đã được học tại trường đồng thời hiểu rõ hơn về cách vận hành thực tế của doanh nghiệp logistics trong môi trường thương mại quốc tế hiện nay. Từ quá trình thực tập, có thể rút ra nhiều bài học thực tiễn quan trọng liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc và định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Trước hết, bài học quan trọng nhất là nhận thức rõ vai trò của tính chính xác và cẩn thận trong hoạt động logistics và xuất nhập khẩu. Đối với lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, mỗi khâu trong quy trình đều có sự liên kết chặt chẽ với nhau, từ kiểm tra chứng từ, khai báo hải quan, đăng ký kiểm dịch đến theo dõi container lạnh và giao nhận hàng hóa. Chỉ cần xảy ra sai sót nhỏ trong thông tin chứng từ hoặc chậm xử lý một công đoạn cũng có thể ảnh hưởng đến toàn bộ tiến độ nhập khẩu, phát sinh thêm chi phí lưu container, lưu bãi hoặc ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa. Qua đó cho thấy ngành logistics đòi hỏi người thực hiện phải có tinh thần trách nhiệm cao, khả năng kiểm soát công việc tốt và luôn cẩn trọng trong từng nghiệp vụ xử lý.

Trong quá trình thực tập cũng giúp hiểu rõ hơn tầm quan trọng của việc phối hợp giữa các bên trong chuỗi logistics. Hoạt động nhập khẩu hàng đông lạnh nguyên container không chỉ liên quan đến doanh nghiệp logistics mà còn có sự tham gia của nhiều đơn vị như hãng tàu, cơ quan hải quan, cơ quan kiểm dịch, cảng biển, đơn vị vận tải nội địa và khách hàng. Vì vậy, khả năng trao đổi thông tin nhanh chóng, phối hợp xử lý công việc và giải quyết các tình huống phát sinh là yếu tố rất quan trọng nhằm đảm bảo quá trình nhập khẩu diễn ra đúng tiến độ. Đây là bài học thực tế có ý nghĩa lớn vì trong môi trường doanh nghiệp, hiệu quả công việc không chỉ phụ thuộc vào năng lực cá nhân mà còn phụ thuộc vào khả năng làm việc nhóm và khả năng phối hợp với các bộ phận liên quan.

Ngoài kiến thức chuyên môn, quá trình thực tập còn giúp nhận thức rõ đặc thù của lĩnh vực logistics lạnh và những yêu cầu khắt khe trong quản lý chuỗi lạnh. Thực phẩm động vật đông lạnh là nhóm hàng yêu cầu nghiêm ngặt về điều kiện bảo quản nhiệt độ trong suốt quá trình vận chuyển và lưu kho. Qua thực tế làm việc, có thể thấy rằng việc kiểm soát nhiệt độ Reefer Container, theo dõi lịch tàu và xử lý sự cố container lạnh là những công việc rất quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa. Điều này cho thấy doanh nghiệp logistics hiện nay không chỉ thực hiện chức năng vận chuyển đơn thuần mà còn phải tham gia vào quá trình kiểm soát chất lượng và quản lý chuỗi cung ứng lạnh. Từ đó, bài học rút ra là cần không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn về Cold Chain Logistics cũng như cập nhật các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và kiểm dịch quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Một bài học quan trọng khác được rút ra trong quá trình thực tập là khả năng thích nghi với môi trường làm việc thực tế và áp dụng công việc trong ngành logistics.

Đặc thù của ngành logistics là khối lượng công việc lớn, thời gian xử lý nhanh và thường xuyên phát sinh các tình huống ngoài kế hoạch như chậm tàu, thiếu chứng từ, ùn tắc cảng hoặc sự cố container lạnh. Vì vậy, người làm trong lĩnh vực này cần có khả năng chịu áp lực tốt, chủ động xử lý công việc và linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề. Thông qua quá trình thực tập, đã có cơ hội rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng xử lý tình huống và khả năng thích nghi với môi trường doanh nghiệp thực tế.

Ngoài ra, chương trình thực tập còn giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp và tác phong làm việc chuyên nghiệp. Trong quá trình làm việc tại doanh nghiệp, việc trao đổi thông tin với khách hàng, hãng tàu và các bộ phận liên quan cần được thực hiện rõ ràng, chính xác và đúng thời gian. Điều này giúp hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ quy trình trong công việc. Đồng thời, quá trình thực tập cũng giúp hiểu rõ hơn mối liên hệ giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn doanh nghiệp, từ đó định hướng rõ hơn về mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai.

Nhìn chung, quá trình thực tập tại Melody Logistics đã mang lại nhiều kinh nghiệm thực tế và bài học quan trọng trong lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu. Đây không chỉ là cơ hội để củng cố kiến thức chuyên môn mà còn giúp nâng cao kỹ năng làm việc, khả năng thích nghi và tác phong nghề nghiệp. Những bài học và kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình thực tập sẽ là nền tảng quan trọng phục vụ cho công việc và quá trình phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

3.4.2. Những đóng góp của khoá luận cho doanh nghiệp

Khóa luận về quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Melody Logistics không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn có những giá trị thực tiễn nhất định đối với doanh nghiệp trong quá trình hoạt động và hoàn thiện quy trình logistics lạnh. Thông qua việc nghiên cứu lý thuyết kết hợp với khảo sát thực tế tại doanh nghiệp, khóa luận đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh, từ đặc điểm hàng hóa, quy trình nghiệp vụ, yêu cầu pháp lý đến các yếu tố ảnh hưởng trong hoạt động logistics lạnh. Đây có thể được xem là nguồn tài liệu tham khảo giúp doanh nghiệp nhìn nhận tổng quan hơn về quy trình hoạt động hiện tại và các vấn đề còn tồn tại trong quá trình xử lý hàng đông lạnh.

Một trong những đóng góp quan trọng của khóa luận là việc phân tích cụ thể quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại doanh nghiệp theo

từng bước nghiệp vụ thực tế, bao gồm từ khâu ký kết hợp đồng ngoại thương, kiểm tra chứng từ, khai báo hải quan, kiểm dịch động vật cho đến giao nhận hàng hóa và vận chuyển container lạnh về kho. Việc mô tả chi tiết quy trình giúp hệ thống hóa các công việc đang được thực hiện tại doanh nghiệp, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng rà soát, đánh giá và chuẩn hóa quy trình làm việc nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ.

Khóa luận đã làm rõ những đặc thù và yêu cầu khắt khe của nhóm hàng thực phẩm động vật đông lạnh như yêu cầu duy trì chuỗi lạnh liên tục, nguy cơ phát sinh dịch bệnh động vật, yêu cầu kiểm dịch và truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Việc phân tích các đặc điểm này giúp doanh nghiệp nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc kiểm soát nhiệt độ container lạnh, quản lý chất lượng hàng hóa và tuân thủ các quy định pháp lý trong hoạt động nhập khẩu. Điều này có ý nghĩa thực tiễn đối với Melody Logistics trong bối cảnh yêu cầu về an toàn thực phẩm và quản lý chuỗi lạnh ngày càng được siết chặt tại thị trường Việt Nam cũng như quốc tế.

Ngoài ra, khóa luận còn chỉ ra một số hạn chế và rủi ro thường gặp trong quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container như sai sót chứng từ, thời gian kiểm dịch kéo dài, khó khăn trong việc kiểm soát nhiệt độ xuyên suốt quá trình vận chuyển và sự cố container lạnh. Việc phân tích các hạn chế này góp phần giúp doanh nghiệp có cơ sở để xem xét cải thiện quy trình vận hành, tăng cường phối hợp giữa các bộ phận và nâng cao khả năng xử lý tình huống phát sinh trong thực tế. Đặc biệt, nội dung liên quan đến quản lý Reefer Container và kiểm soát Cold Chain Logistics có thể giúp doanh nghiệp nhận thấy tầm quan trọng của việc đầu tư công nghệ giám sát nhiệt độ và nâng cao năng lực quản trị logistics lạnh trong thời gian tới.

Khóa luận cũng có đóng góp trong việc cập nhật và tổng hợp các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh như kiểm dịch động vật, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và chính sách quản lý chuyên ngành. Đây là nội dung quan trọng đối với doanh nghiệp logistics vì nhóm hàng thực phẩm động vật đông lạnh chịu sự quản lý nghiêm ngặt của nhiều cơ quan chức năng. Việc hệ thống hóa các quy định này có thể hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình đào tạo nhân viên mới, nâng cao nhận thức về tuân thủ pháp luật và hạn chế các sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ nhập khẩu.

Ngoài giá trị thực tiễn đối với doanh nghiệp, khóa luận còn góp phần phản ánh thực trạng hoạt động logistics lạnh tại Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh nguyên container. Thông qua quá trình phân tích thực tế tại Melody Logistics, khóa luận cho thấy những khó khăn mà doanh nghiệp logistics nội địa đang gặp phải như sự phụ thuộc vào hãng tàu quốc tế, áp lực cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài, hạn chế về cơ sở hạ tầng kho lạnh và yêu cầu ngày càng cao về chuyên đổi số trong logistics lạnh. Từ đó, khóa luận có thể trở thành tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ cho việc nghiên cứu, cải tiến quy trình và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong tương lai.

Nhìn chung, khóa luận không chỉ mang tính chất nghiên cứu học thuật mà còn có giá trị thực tiễn đối với Melody Logistics trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhìn nhận rõ hơn về quy trình nhập khẩu thực phẩm đông vật đông lạnh nguyên container, các rủi ro tồn tại và định hướng hoàn thiện hoạt động logistics lạnh trong thời gian tới.

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Dựa trên những hạn chế được phân tích ở chương 2, chương 3 đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng. Các giải pháp chủ yếu tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên, tăng cường phối hợp giữa các bộ phận, ứng dụng công nghệ trong quản lý chuỗi lạnh và tối ưu hóa quy trình xử lý chứng từ, kiểm dịch và giao nhận hàng hóa. Đồng thời, chương cũng đưa ra định hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhập khẩu và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu tiêu dùng thực phẩm đông lạnh ngày càng gia tăng, hoạt động nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh đóng vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp và ngành logistics. Thông qua quá trình nghiên cứu đề tài, khóa luận đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động nhập khẩu và quy trình nhập khẩu thực phẩm động vật đông lạnh nguyên container, đồng thời phân tích thực trạng quy trình nhập khẩu tại Chi nhánh Công ty TNHH Melody Logistics tại Đà Nẵng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp đã xây dựng được quy trình nhập khẩu tương đối hoàn chỉnh và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại một số hạn chế như thủ tục kiểm dịch kéo dài, phát sinh chi phí lưu container và yêu cầu kiểm soát nghiêm ngặt chuỗi lạnh đối với hàng hóa đông lạnh.

Trên cơ sở đó, khóa luận đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quy trình nhập khẩu như nâng cao năng lực nhân sự, ứng dụng công nghệ trong quản lý container lạnh, tăng cường phối hợp xử lý chứng từ và tối ưu hóa hoạt động giao nhận hàng hóa. Những giải pháp này góp phần giúp doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực logistics.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, nhưng do hạn chế về thời gian và kinh nghiệm thực tế nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô và doanh nghiệp để đề tài được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	Tên tài liệu / văn bản
1	Luật Hải quan số 54/2014/QH13
2	Luật Thương mại 2005 quy định về khái niệm Ủy thác mua bán hàng hóa.
3	Luật Quản lý ngoại thương 2017
4	Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương
5	Nghị định 69/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 69/2018/NĐ-CP
6	Luật An toàn thực phẩm 2010
7	Luật Thú y 2015
8	Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn
9	Thông tư 11/2021/TT-BNNPTNT ban hành bảng mã HS hàng hóa thuộc quản lý Bộ NN&PTNT
10	Điều 28. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, Luật Thương Mại Việt Nam
11	Website Tổng cục Hải quan Việt Nam
12	Kỹ thuật kinh doanh xuất nhập khẩu, GS.TS. Võ Thanh Thu
13	Website Cục Thú y Việt Nam
14	Giáo trình Nghiệp vụ Ngoại thương – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
15	Giáo trình Giao nhận vận tải và bảo hiểm ngoại thương
16	Giáo trình Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng
17	Website Melody Logistics
18	Bài giảng GNHH và KHHQ -2025, ThS. Trần Thúy Kiều

PHỤ LỤC CHỨNG TỪ

Phụ lục 1: Bill Of Lading

SHIPPER NORIDANE FOODS AS AMALIEGADE 9B DK-1256 COPENHAGEN K DENMARK		COPY NON NEGOTIABLE BILL OF LADING		VOYAGE NUMBER 0VAN2E1MA	
				BILL OF LADING NUMBER GDY0409404	
CONSIGNEE HARMONY LOGISTICS TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED, 162/9 ME SUOT STREET, HOA KHANH WARD, DA NANG CITY VIETNAM TAX ID: 0402248709, +840327048772 Email: thiemnd.hungthinh@gmail.com		EXPORT REFERENCES			
NOTIFY PARTY , Carrier not to be responsible for failure to notify HARMONY LOGISTICS TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED, 162/9 ME SUOT STREET, HOA KHANH WARD, DA NANG CITY VIETNAM TAX ID: 0402248709, +840327048772 Email: thiemnd.hungthinh@gmail.com		 CARRIER: CMA CGM Société Anonyme au Capital de 234 988 330 Euros Head Office: 4, quai d'Arenç - 13002 Marseille - France Tel: (33) 4 88 91 90 00 - Fax: (33) 4 88 91 90 95 562 024 422 R.C.S. Marseille			
PRE CARRIAGE BY*		PLACE OF RECEIPT*		FREIGHT TO BE PAID AT	
				GDYNIA	
VESSEL OOCL VALENCIA		PORT OF LOADING GDANSK		PORT OF DISCHARGE DA NANG	
				FINAL PLACE OF DELIVERY*	
MARKS AND NOS CONTAINER AND SEALS		NO AND KIND OF PACKAGES		DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS AS STATED BY SHIPPER SHIPPER'S LOAD STOW AND COUNT SAID TO CONTAIN	
				GROSS WEIGHT CARGO	
				TARE	
				MEASUREMENT	
CGMU5385968 SEAL HY957417 SEAL IW2204076865		1 x 40RA 1800 CARTONS		28137.000 4610 50.000	
		Chicken Feet Deep Frozen NET WEIGHT: 27000 KG HS CODE 020714			
		FREIGHT PREPAID Cargo is stowed in a refrigerated container set at the shipper's requested carrying temperature of -20 degrees Celsius Shipped on Board OOCL VALENCIA 02-APR-2026 CMA CGM POLSKA SP Z OO As agents for the Carrier			
Weight in Kgs Total: 1 CONTAINER(S)		Sheet 1 of 2		28137.000 4610 50.000	
ABOVE PARTICULARS DECLARED BY SHIPPER. CARRIER NOT RESPONSIBLE.					
ADDITIONAL CLAUSES					
4. Goods at Port are at Merchant's risk, expenses and responsibility 77. Ground rent (storages/ power supply/ monitoring costs/ THC at Port of Discharge are for Merchant's account according to Port rates. 92. Reefer container can only be operated by electrical power. During land transportation the Carrier will not be liable in any respect whatsoever for consequences, due to non refrigeration. 194. For the purpose of the present carriage, clause 14(2) shall exclude the application of the York/Antwerp rules, 2004. 202. Demurrage and detention shall be calculated and paid as per general tariff available on the web site www.cma-cgm.com, or in any of CMA CGM agency. However if special free time conditions are granted, then rates applicable as per general tariff grid shall start from the day following the last free day. 216. Mis-declaration of cargo weight endangers crew, port workers and vessels' safety. Your cargo may be weighed at any place and time of carriage and any mis-declaration will expose you to claims for all losses, expenses or damages whatsoever resulting thereof and be subject to freight surcharge. 225. The Merchant acknowledges that the Carrier may carry the Goods identified in this Bill of Lading on the deck of any Vessel and in taking remittance of this Bill of Lading the Merchant (including the Shipper, the Consignee and the holder of the Bill of Lading, as the case may be) confirms his express acceptance of all the Terms and Conditions of this Bill of Lading and expressly confirms his unconditional and irrevocable consent to the possible carriage of the Goods on the deck of any Vessel. 274. The Container(s) mentioned in this Bill of Lading is/are the property of the Carrier. The Merchant is responsible for returning any empty Container, with interior clean, free of any dangerous goods placards, labels or markings, free of any residue, damage or used flexitank, at the designated place. The Merchant shall be liable to indemnify the Carrier for any loss or expense whatsoever arising out of the foregoing, including but not limited to the sound market value - or the depreciated value due by the Carrier to a container lessor. The Carrier is entitled to collect a deposit from the Merchant at the time of release of the container which shall be remitted as security for payment of any sums due to the Carrier, in particular for payment of all detention and demurrage and/or Container indemnity as referred above. 386. Merchant is reminded that in case of discrepancy between the Verified Gross Mass (VGM) sent to the Carrier, or the weight declared to the Carrier for non-containerized cargo, and the weight declared by					
RECEIVED by the carrier from the shipper in apparent good order and condition (unless otherwise noted herein) the total number or quantity of Containers or other packages or units indicated above stated by the shipper to comprise the cargo specified above for transportation subject to all the terms hereof (including the terms on page one) from the place of receipt or the port of loading, whichever is applicable, to the port of discharge or the place of delivery, whichever is applicable. Delivery of the Goods will only be made on payment of all Freight and charges. On presentation of this document (duly endorsed) to the Carrier, by or on behalf of the holder, the rights and liabilities arising in accordance with the terms hereof shall (without prejudice to any rule of common law or statutes rendering them binding upon the shipper, holder and carrier) become binding in all respects between the Carrier and Holder as though the contract contained herein or evidenced hereby had been made between them. All claims and actions arising between the Carrier and the Merchant in relation with the contract of Carriage evidenced by this Bill of Lading shall exclusively be brought before the Tribunal de Commerce de Marseille and no other Court shall have jurisdiction with regards to any such claim or action. Notwithstanding the above, the Carrier is also entitled to bring the claim or action before the Court of the place where the defendant has his registered office. In witness whereof three (3) original Bills of Lading, unless otherwise stated above, have been issued, one of which being accomplished, the others to be void. (OTHER TERMS AND CONDITIONS OF THE CONTRACT ON PAGE ONE)					
PLACE AND DATE OF ISSUE		GDYNIA 02 APR 2026		SIGNED FOR THE CARRIER CMA CGM S.A. BY CMA CGM POLSKA SP Z OO as agents for the carrier CMA CGM S. A.	
SIGNED FOR THE SHIPPER *APPLICABLE ONLY WHEN THIS DOCUMENT IS USED AS A COMBINED TRANSPORT BILL OF LADING					

Phụ lục 2: Hợp đồng thương mại



NOWACO A/S - 9090 Aalborg - Denmark -

HARMONY LOGISTICS TRADING
& SERVICE COMPANY LIMITED
162/2 Me Suot street
Hoa Khanh ward
Da Nang city
Vietnam

Loading Date
Shipment Date/ETD
Delivery Date/ETA
Delivery Address

Confirmation of Sale S-193795
3/461656 Page 1

Account No. 29795 Order Date 17-11-25
Our ref. KLTN Our VAT No. DK62497718
Salesman KLTN Your VAT No. VN0402248709
Your order/ref.

Payment Terms
20% prepayment, 80% T/T against fax copies

Bankdetails Nordea A/S
Our Bank Prinsensgade 15
Beneficiary DK-9000 Aalborg
Account No. NOWACO A/S
20005005779579
IBAN Account No. DK7020005005779579
SWIFT Code NDEADKKK

Your Bank

Transport Method Seafreight
Means of Transport
Transport Description 2x40 fcl for December 2025 with ETA Da
Nang after 22-02-26
Transport Temp. -18/-20° C
Seal - marks/numbers

Delivery Terms CIF (INCOTERMS 2020)
Place of delivery DA NANG
Destination Vietnam
Shipment
Department code 25 Custom duty code

Item No.	Quantity	Item Description	Quantity/ Unit	Unit Price	USD
					Amount
13290	46	02071499 Hungarian frozen CHICKEN FEET, processed, M/tons B-grade, packed fixed weight 10 kg per carton. HU-112	46 M/tons	790,00	36.340,00
		Brand: Master Good			

The exporter of the products covered by this document
(customs authorisation No. DKREX200852356)
declares that, except where otherwise clearly indicated,
these products are of EU preferential origin.

NOWACO A/S terms and conditions apply to the sale and delivery.

The terms and conditions can be found at <http://www.nowaco.com/terms-conditions.aspx>

Risk and liability will be subject to situation in The Red Sea / Suez.
As per agreement, In case of any extra cost, caused by situation in the Red Sea / Suez.
(Such as, but not limited to War Risk surcharges Nowaco will not
be responsible and will not participate in any extra cost).

Claims, if any, must be reported in writing within 3 days from receipt of goods.
(In case of any claim (cif term) the insurance is subject to a deductible of
USD 3.500 any one occurrence)

Continued 36.340,00

Jurisdiction: Maritime and Commercial Court,
Copenhagen, Denmark, subject to Danish law.

NOWACO A/S
Prinsensgade 15
9000 Aalborg
Denmark
Phone No. (+45) 7788 6100
Fax (+45) 9630 8090
E-mail nowaco@nowaco.com
Web site www.nowaco.com
Reg. No. 62497718

Food For The World

Phụ lục 3: Hóa đơn thương mại



NOWACO A/S - 9000 Aalborg - Denmark -

HARMONY LOGISTICS TRADING
& SERVICE COMPANY LIMITED
162/2 Me Suot street
Hoa Khanh ward
Da Nang city
Vietnam

Loading Date
Shipment Date/ETD 10-03-26
Delivery Date/ETA 10-04-26
Delivery Address

Invoice S-193798

695621
Page 1

Account No.	29795	Invoice Date	10-03-26
Our ref.	PATA	Due Date	10-04-26
Your order/ref.		Our VAT No.	DK62497718
Our Order No.	3/461661	Your VAT No.	VN0402248709

Payment Terms
20% prepayment, 80% T/T against fax copies

Bankdetails Nordea A/S

Our Bank Prinsensgade 15
DK-9000 Aalborg
Beneficiary NOWACO A/S
Account No. 20005005779579
IBAN Account No. DK7020005005779579
SWIFT Code NDEADKKK

Your Bank

Transport Method Seafreight
Means of Transport CMA CGM Argon
Transport Description 1x40 fcl for December 2025 shipment with
ETA Da Nang after 22-02-26
Transport Temp. -18/-20° C
Seal - marks/numbers KLW479689

Delivery Terms	CIF	(INCOTERMS 2020)
Place of delivery	DA NANG	
Destination	Vietnam	
Shipment		
Department code	25	Custom duty code

Item No.	Quantity	Item Description	Quantity/Unit	Unit Price	USD Amount
13290	2.300 cartons	02071499 Hungarian frozen CHICKEN FEET, processed, B-grade, packed fixed weight 10 kg per carton. HU-112	23 M/tons	790,00	18.170,00

Brand: Master Good

The exporter of the products covered by this document
(customs authorisation No. DKREX200852356)
declares that, except where otherwise clearly indicated,
these products are of EU preferential origin.

Total gross weight: 24.320 Kgs

Risk and liability will be subject to situation in The Red Sea / Suez.
As per agreement, In case of any extra cost, caused by situation in the Red Sea / Suez.
(Such as, but not limited to War Risk surcharges Nowaco will not
be responsible and will not participate in any extra cost).

Claims, if any, must be reported in writing within 3 days from receipt of goods.
(in case of any claim (cif term) the insurance is subject to a deductible of
USD 3.500 any one occurrence)
(Only applies to transport damage)

(Insurance coverage stops when container is discharged at CY/Container Yard (CIF incoterms).
Risk and responsibility after container discharged at CY / Container Yard

Continued 18.170,00

Jurisdiction: Maritime and Commercial Court,
Copenhagen, Denmark, subject to Danish law.

NOWACO A/S
Prinsensgade 15
9000 Aalborg
Denmark
Phone No. (+45) 7788 6100
Fax: (+45) 9630 8090
E-mail: nowaco@nowaco.com
Web site: www.nowaco.com
Reg. No. 62497718

Food For The World

Phụ lục 4: Packing List

MASTER - GOOD KFT. 4600, KISVÁRDA, IPARI U. 9. HUNGARY HU 12467037						
PACKING LIST / RAKOMÁNY JEGYZÉK						
CONSIGNEE / ÁTVEVŐ		HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED 162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward, Da Nang city, Viet Nam				
CONSIGNEE REG.No. / ÁTVEVŐ ADÓSZÁMA						
Container no.		SEGU 923082-6				
PLACE OF DELIVERY OF THE GOODS / ÁRU KISZOLGÁLTATÁSI HELYE		HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED 162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward, Da Nang city, Viet Nam				
NATURE OF THE GOODS		PALLET	METOD OF PACKING	PACKING UNIT	WEIGHT/SULY	
TERMÉK MEGNEVEZÉSE		EUR	CSCMAGOLÁS MÓDJA	CSOM. EGYSEG	NETTÓ	BRUTTÓ
Date of production: 14.11.2025. - 22.11.2025		PCS/DB	PCS/DB		KG	KG
Expiry date: 16.05.2027. - 24.05.2027						
Frozen chicken Feet B grade /Gy.fagy. Csirke B láb		20	karton	2300	23 000	24 320
TOTAL/Összesen:		20		2300	23 000	24 320

Kisvárdá, 2025.11.25.

Master Good Kft.
4600 Kisvárdá, Ipari út 9.
Adószám: 12467037-2-15
22

112
EK

Phụ lục 5: Health Certificate

Date: Kisvárdai, 2025.11.24. Certificate No: SZ-06/63/00054-133/2025
02.3/649/2010.

Original



ANIMAL HEALTH CERTIFICATE ÁLLATEGÉSZSÉGÜGYI BIZONYÍTVÁNY

for poultry (chicken / duck / geese / turkey / quail / pheasants / other) products from
Hungary for human consumption intended for consignment to the Socialist Republic of
Vietnam

emberi fogyasztásra szánt baromfi (tyúk / kacs / liba / pulyka / fürj / fácán / egyéb)
termékek Magyarországról a Vietnámi Szocialista Köztársaságba történő kiviteléhez

(This certificate is for veterinary purposes only and must accompany the consignment until it reaches the place of
destination.)

(Ez a bizonyítvány kizárólag állategészségügyi célt szolgál és a szállítmányt a rendeltetési helyig kell kísérnie.)

Reference number:

Hivatkozási szám: SZ-06/63/00054-133/2025

Country (and region, where applicable) of dispatch: HUNGARY

Feladó ország (ahol alkalmazandó, terület): MAGYARORSZÁG

Ministry:

Minisztérium: Agrárminisztérium

Ministry of Agriculture of Hungary

Competent issuing authority:

Kiállító illetékes hatóság: Szabolcs-Szatmár-Bereg Vármegyei Kormányhivatal Kisvárdai Járási
Hivatala Élelmiszerlánc-biztonsági és Állategészségügyi Osztály I. Identification of products:

I. A termék azonosítása: Csirke /Chicken

- The poultry originated from: Hungary

- A baromfi termék származik: Magyarország

(Animal species) (Állatfaj)

- Name of the commodity: Frozen chicken Feet B grade

- Az árucikk neve: Gy.fagy. csirke láb B min.

- Nature of packing: carton

- A csomagolás módja: karton

- Number of packing units:

- Csomagolási egységek száma: 2300 karton

- Net weight:

- Nettó súly: 23000 kg

- Konténer number:

- Konténerszám: SZLU 949820-0

- Container Seal-Number:

- Konténer plombaszám: MBX 136849; 1445453

II. A termék származása: Magyarország

II. Origin of product: Hungary



Name(s) address(es) and official approval number(s) of slaughterhouse / processing facility / warehouse approved by the competent authority of the country of origin:

A származási ország illetékes hatósága által jóváhagyott vágóhíd(ak) / feldolgozó üzem(ek) / hűtőház(ak) neve(i), címe(i) és hivatalos jóváhagyási száma(i):

Master-Good Kft. 4600 Kisvárd, Ipari út 9. Szabolcs-Szatmár Bereg County Hungary HU 112

III. Destination of products:

III. Az áru rendeltetése: Da Nang, Vietnam

The poultry product, described above is to be sent from:

A fent leírt emberi fogyasztásra szánt baromfi terméket küldik:

Master-Good Kft. 4600 Kisvárd, Ipari út 9. Szabolcs-Szatmár Bereg County Hungary
HU 112

(Place of dispatch) (A feladás helye)

Da Nang, VIETNAM

(Place of destination) (Rendeltetési hely)

by the following means of transport ⁽¹⁾: vessel

a következő szállítási eszközzel ⁽¹⁾: hajó, CMA CGM HELIUM OR SUB

date and place of shipment :

a feladás időpontja és helye: 2025.11.24. Master-Good Kft. 4600 Kisvárd, Ipari út 9. Szabolcs-Szatmár Bereg County Hungary

Name and address of consignor (exporter and exporter company):

A feladó (exportőr és exportőr cég) neve és címe: Master-Good Kft. 4600 Kisvárd, Ipari út 9. Szabolcs-Szatmár Bereg County Hungary on Behalf of Nowaco A/S - Prinsensgade 15, DK-9000 Aalborg, Denmark.

Name and address of consignee (importer and importer company):

A címzett (importőr és importőr cég) neve és címe:

HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED
162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward, Da Nang city, Viet Nam

IV. Health attestation:

IV. Egészségügyi tanusítvány:

I the undersigned, official veterinarian, certify that:

Alulírott hatósági állatorvos igazolom, hogy:

1. region (county) of the exporting country (Hungary) is free from Highly Pathogenic Avian Influenza, as defined in the International Animal Health Code of the OIE.

az exportáló ország (Magyarország) régiója (megye) mentes az OIE Nemzetközi Állat-egészségügyi Kódexben meghatározottak szerint magas pathogenitású madárinfluenzától.

2. The poultry (chicken / duck / geese / turkey / quail / pheasants) other product described above is obtained from poultry, which:

A fent leírt emberi fogyasztásra szánt baromfi (tyúk / kacs / liba / pulyka / fűrj / fácán) termék olyan baromfiból származik, amelyek(et):

(a) has been held in the territory of the exporting country (Hungary) since hatching;

(a) az exportáló ország (Magyarország) területén tartottak keltetésüktől fogva,



Official signature and stamp of the official veterinarian, including the text 'HU 323' and 'Egészségügyi Minisztérium'.

(b) comes from holdings:

(b) származási gazdaságában:

- in which and around which, within a radius of 10 km, including where appropriate the territory of a neighbouring country, there have been no outbreaks of Viscerotropic Velogenic Newcastle Disease (VVND) in the previous two months;
- és annak 10 km sugarú körzetében a Newcastle-betegség velogén-viscerotróp formája a levágásukat megelőző 2 hónapban nem fordult elő;
- in which there have been no outbreaks of Fowl cholera, Fowl typhoid, Pullorum disease, in case of duck meat Duck virus hepatitis and Duck virus enteritis, Lentogenic Newcastle Disease and other serious infectious disease of poultry and Salmonella enteritidis (phage type 4) has not been isolated during the past 12 months before slaughter of the animals.
- az állatok levágását megelőző 12 hónapban nem fordult elő baromfikolera, baromfitífusz, kacsahús esetében kacsavírus okozta májgyulladás és kacsapertis, a Newcastle-betegség lentogén változata, és egyéb súlyos fertőző baromfi betegségek, valamint ez idő alatt Salmonella enteritidist (4-es fajtípus) nem izoláltak.

3. - Carcass: period of slaughtering :

Vágott test: a vágás időpontja 2025.11.13.-2025.11.22.

- Poultry meat: period of slaughtering and processing :

- Baromfi hús: a vágás és a feldolgozás időpontja : 2025.11.13.-2025.11.22.

4. that the poultry product for human consumption described above:
a fent leírt, emberi fogyasztásra szánt baromfi termék:

- (a) comes from slaughterhouse which is under permanent veterinary supervision. The poultry product described above is appropriate for human consumption as a result of ante and post mortem inspections carried out by the official veterinarian of the exporting country;
- (a) olyan vágóhídről származik, amely folyamatos állategészségügyi felügyelet alatt áll. A fent leírt baromfi termék az elvégzett ante és post mortem hatósági állatorvosi vizsgálatok alapján emberi fogyasztásra alkalmas;
- (b) the package is marked with an identification mark in accordance with Regulation (EC) No 853/2004 Annex II Section I, to prove it has been treated hygienically not to cause any harm to public health;
- (b) a csomagot a 853/2004/EK rendelet II. mellékletének I. szakaszával összhangban alkalmazott azonosító jelöléssel látták el, bizonyítva, hogy az higiénikusan kezelték, közegészségügyi kárt nem okoz;
- (c) does not exceed the maximum level the harmful residues for public health (antibiotics, antimicrobials, pesticides, hormones, heavy metal, radioactivity, etc.) and microorganism according to the exhorting standard of Codex Alimentarius Commission.
- (c) a termékben lévő közegészségre ártalmas maradékanyagok (antibiotikumok, antimikrobiális szerek, peszticidek, hormonok, nehézfémek, radioaktív anyagok, stb.) értéke nem haladja meg a Codex Alimentarius Bizottság által ajánlott szabványokat.
- (d) has not been treated with ionized radiation or ultraviolet-ray-treatment likely to alter the nature or components of poultry meat and not be injected by tenderizers;
- (d) nem kezelték oly módon ionizáló sugárzással vagy ultraibolyasugárral, amely a baromfihús minőségét vagy az összetevőit megváltoztatná, és húspuhítóval nem kezelték; The packing material used to wrap or pack the poultry product described above is approved by the competent authority of the exporting country and was made from those material, which do not cause harmful effect on human health.

A csomagolóanyag, amelyet a fent leírt baromfi termék csomagolásához használtak, az exportáló ország által hatóságilag engedélyezett anyagból készült, amely az emberi egészségre nem ártalmas

Done at / **Készült:** Kiszvárd
(Place) (Hely)

on: 2025.11.24.
(Date) (Dátum)

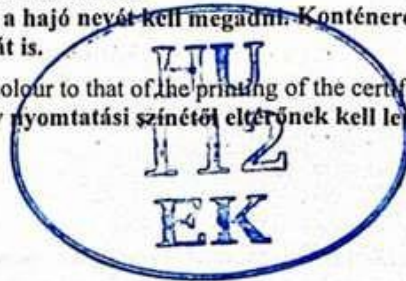



(Signature of the official veterinarian) ⁽²⁾
(A hatósági állatorvos aláírása) ⁽²⁾

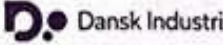
Dr. Kaponyás Orsolya, Hatósági állatorvos
(Name in capital letters, qualification and title)
(Név nyomtatott betűvel, hivatal, beosztás)

Stamp / Pecsét ⁽²⁾

- (1) Give the registration number, flight number or name of the ship. For bulk containers, include the container number and the seal number attached on containers.
(1) A rendszámot, a repülőgép járatszámát vagy a hajó nevét kell megadni. Konténerek esetében a konténer számát és a konténer plombaszámát is.
- (2) The signature and stamp must be in a different colour to that of the printing of the certificate.
(2) Az aláírás és a pecsét színének a bizonyítvány nyomtatási színétől eltérőnek kell lennie.



Phụ lục 6: Certificate of Origin (C/O)

1. Afsender - Consignor - Expéditeur - Expedidor		Nr. coo636576		ORIGINAL	
Nowaco A/S Prinsensgade 15 DK-9000 Aalborg Denmark		S-193789			
2. Modtager - Consignee - Destinataire - Destinatario		DE EUROPÆISKE FÆLLESSKABER EUROPEAN COMMUNITIES - COMMUNAUTÉS EUROPÉENNES COMUNIDAD EUROPEA			
HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE COMPANY LIMITED 162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward, VN- Da Nang city, Vietnam		OPRINDELSESCERTIFIKAT CERTIFICATE OF ORIGIN - CERTIFICAT D'ORIGINE CERTIFICADO DE ORIGEN			
		3. Oprindelsesland - Country of Origin - Pays d'origine - País de origen			
		Hungary			
4. Oplysninger vedrørende transport (udfyldning ikke obligatorisk) Proposed means of transport - Expédition prévue par - Información relativa al transporte		5. Bemærkninger - Additional remarks - des remarques - Observaciones			
Vessel: CMA CGM HELIUM Container No. CGMU5307224 SEGU9230826 SZLU9496200		Seal No.s: 1445452/MBX136847, 1445462/MBX136842, 1445453/MBX136849 Issued Retroactively			
6. Lebe nr.	Koli - Number of packages - Cais - Numero de bultos		Varebeskrivelse - Description of goods - Description des marchandises - Descripción de la mercancía		7. Mængde - Quantity - Quantité - Cantidad
	Marke og nummer	Antal og art			
1	S-193789	6900 Cartons	Frozen CHICKEN FEET B-Grade H.S. Code: 020714 Manufactured by, Master-Good Kft. 4600 Kisvarda, Ipán út 9. Szabolcs-Szatmar Bereg Country Hungary HU 112 END OF TEXT	Gross 72.960 kg	Net 69.000 kg
8. Undertegnede myndighed/organ bekræfter, at de ovenfor beskrevne varer har oprindelse i det i rubrik 3 nævnte land. The undersigned authority certifies that the above goods originate from the country of point 3. L'autorité soussignée certifie que les marchandises désignées ci dessus sont originaires du pays de la rubrique 3. La autoridad que suscribe certifica que las mercancías arriba mencionadas son originarias del país que figura en la casilla n° 3.					
		Digital Certificate of Origin - digitally signed Zainab Emerald Schur 23-12-2025 09:08 København V, DK			
		Contact us in case of certificate discrepancy: Please see our contact page			
		Verification code: 7750041474144278956			

Master- Good Kft.
Hu-4600 Kisvárd, Ipari út 9. Hungary HU112EK

CERTIFICATE OF ORIGIN

WE HEREBY DECLARE THE FOLLOWING

PRODUCT: Frozen chicken Feet B grade

HS code: 020714

NET WEIGHT: 23000 KG

GROSS WEIGHT: 24320 KG

Origin: HUNGARY

Notify /buyer: Nowaco A/S
Prinsensgade 15, 9000
Denmark, Aalborg



Consignee: HARMONY LOGISTICS TRADING & SERVICE
COMPANY LIMITED
162/9 Me Suot street, Hoa Khanh ward,
Da Nang city, Viet Nam

Container number: CGMU 530722-4

HU-4600 Kisvárd 25.11.2025.

Master Good Kft.
4600 Kisvárd, Ipari út 9.
Adóigazgató: 12467037-2-15
22

Phụ lục 7: Thông báo hàng đến (Arrival Notice)



Page 1 of 2
19-MAY-2026

ARRIVAL NOTICE

HARMONY LOGISTICS TRADING AND
SERVICE COMPANY LIMITED, 162/9 ME
SUOT STREET, HOA KHANH WARD,
DA NANG CITY VIETNAM
TAX ID: 0402248709, +840327048772
EMIAL: THIEMND.HUNGTHINH@GMAIL.COM

VESSEL / VOY-NO /POD ETA:	CMA CGM FUJI	0HJEWN1MA	21-MAY-26
VESSEL CUSTOMS' ID:			
POL/POD/IMPORT ABP:	GDANSK	DA NANG (DA NANG TERMINAL)	
B/L-NO / DEST / TYPE:	GDY0409404		NEGOTIABLE
B/L CUSTOMS' ID:			
SHIPPER:	NORIDANE FOODS AS	COPENHAGEN	DENMARK
CONSIGNEE:	HARMONY LOGISTICS TRADING AND	TAX ID: 0402248709, +840327048772	VIET NAM
NOTIFY:	HARMONY LOGISTICS TRADING AND	TAX ID: 0402248709, +840327048772	VIET NAM

PLEASE NOTE:

BỘ HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH NHẬP KHẨU - CMA CGM VIỆT NAM

Click vào đây để xem file hướng dẫn: <https://www.cma-cgm.com/local/vietnam/import-information-guide>
Guideline: Import Procedures Handbook

- 1) Lưu ý sử dụng "PHẦN THÔNG TIN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG KHAI HẢI QUAN" trong Thông báo Hàng đến (NOA) để biết chính xác thông tin (Tên tàu, Số chuyến, Ngày tàu về, Thời hạn khai báo Manifest, vv...)
 - 2) Đối với Nơi Nhận Hàng tại: Cát Lái, Cát Lái Giang Nam, SPITC, VICT, Bình Dương, ICD Phước Long 3, TCIT, Gemalink, Tân Cảng Hiệp Phước => Khách hàng gửi yêu cầu E-DO qua MyCS: <https://mycustomerservice.cma-cgm.com/> để nhận E-DO về địa chỉ email đã đăng ký. Xem hướng dẫn chi tiết tại mục 1-2-3 trong guideline
 - 3) Đối với các ICD khác, vui lòng đến văn phòng CMA để nhận Lệnh giao hàng giấy (Paper DO) sau khi đã gửi yêu cầu trên MyCS
 - 4) Nếu Cảng Đỗ Hàng là: Gemalink, TCIT, TCTT tại Vũng Tàu và Nơi Nhận Hàng là: Cát Lái hoặc các ICD tại Hồ Chí Minh, xin lưu ý hàng hóa sẽ được vận chuyển bằng Xà lan từ Vũng Tàu về Hồ Chí Minh trong vòng 4-7 ngày, hoặc tùy thuộc vào tình hình cầu cảng. Do vậy, trong trường hợp Quý khách hàng cần nhận hàng gấp, xin thông báo tới email VNM.Service@cma-cgm.com trước 02 ngày tàu về để hãng tàu gửi kế hoạch ưu tiên xếp dỡ cho cảng
 - 5) Kiểm tra Free Time và tính toán chi phí nếu có (sau 1 ngày tàu cập) bằng chức năng D&D Charges trên website. Xem hướng dẫn tại mục 5 trong guideline.
 - 6) Ngoại trừ Nơi Nhận Hàng là Cát Lái, các cảng/ICD khác khách hàng cần thanh toán phí cầm điện tại CMA trước khi gửi yêu cầu lấy EDO
 - 7) Để kiểm tra trạng thái vận đơn (Waybill / Telex Release), liên hệ email VNM.Service@cma-cgm.com.
 - 8) Tham khảo thông báo mới nhất về phí phụ thu, biểu phí và các thông tin khác được cập nhật trên local website: <https://www.cma-cgm.com/local/vietnam> và <https://www.cma-cgm.com/local/vietnam/tariffs-local-charges>
 - 9) Khách hàng được hưởng Thuế suất 0%, Ủy quyền cho Bên thứ ba hoặc Thay đổi thông tin xuất hóa đơn, vui lòng báo lại cho hãng tàu trước 02 ngày tàu cập trong giờ làm việc hoặc ngay khi nhận được NOA. Sau thời gian nói trên, hóa đơn sẽ được xuất cho Consignee (hoặc Notify Party) trên vận đơn. Phí hủy hóa đơn: VND 600,000/hóa đơn (chưa bao gồm VAT).
 - 10) Từ ngày 15/08/2023, xin lưu ý CMA CGM KHÔNG CHẤP NHẬN THANH TOÁN CHUYỂN KHOẢN TỪ TÀI KHOẢN CẢ NHẬN do các quy định về vấn đề bảo mật. Khách hàng vui lòng thanh toán tất cả các khoản phí, tiền cước lô hàng từ tài khoản ngân hàng của Quý công ty. Nếu quý khách muốn ủy quyền xuất hóa đơn cho bên thứ ba (Third-party company), Giấy Ủy Quyền Thanh Toán cần phải được cung cấp trong trường hợp này.
 - 11) Từ 01/07/2022, đối với những lô hàng phải đóng tiền cước container, quý khách vui lòng gửi yêu cầu hoàn cước trong vòng 30 ngày kể từ ngày trả rỗng. Xem hướng dẫn chi tiết tại mục 7-8 trong guideline.
 - 12) Phí thanh toán chậm (Late Payment Fee) sẽ phát sinh nếu khách hàng không thanh toán hóa đơn Local Charges trong vòng 07 ngày kể từ ngày tàu cập.
- Biểu phí: VND 1,800,000/BL/tuần đầu tiên & VND 3,600,000/BL/tuần - kể từ tuần thứ 02 trở đi (chưa bao gồm thuế 5.26%).

Vì những yếu tố khách quan, Thông tin Ngày Tàu Về / Cảng cập có thể thay đổi hoặc hàng hóa không xếp lên tàu như dự kiến.
(Information of Arrival Notice is estimated, given without guarantee and subject to change with/without prior notice)

PHẦN THÔNG TIN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG KHAI HẢI QUAN

TÊN TÀU: CMA CGM FUJI
SỐ CHUYẾN: 0HJEWN1NC
NGÀY TÀU VỀ DỰ KIẾN: May 21, 2026
NƠI NHẬN HÀNG: DA NANG PORT (TIEN SA TERMINAL)
Nếu nơi nhận hàng không đúng với thông tin trên Bill, vui lòng thông báo hãng tàu trước khi mở tờ khai, và trước ngày tàu về 1 ngày.
THÔNG TIN KHAI NSW TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ HOUSE BILL:
SỐ KHAI BÁO NSW: 26068439
HẠN KHAI NSW: 17:00:00 May 20, 2026
Nếu khách hàng không thấy số khai báo NSW, vui



Page 2 of 2
19-MAY-2026

ARRIVAL NOTICE

HARMONY LOGISTICS TRADING AND
SERVICE COMPANY LIMITED, 162/9 ME
SUOT STREET, HOA KHANH WARD,
DA NANG CITY VIETNAM
TAX ID: 0402248709, +840327048772
EMIAL: THIEMND.HUNGTHINH@GMAIL.COM

VESSEL / VOY-NO / POD ETA: CMA CGM FUJI 0HJEWN1MA 21-MAY-26

VESSEL CUSTOMS' ID:

lồng liên hệ hãng tàu để cung cấp ID:
PIC: Ms Uyên ĐT: +84 236 3 584 111 / Mail:
vnm.service@cma-cgm.com
Tất cả các yêu cầu về lô hàng, vui lòng ghi
rõ số BL chính xác để được hỗ trợ sớm
nhất
KIỂM TRA FREETIME (SAU 1 NGÀY ETA)
YÊU CẦU HÓA ĐƠN NHẬP:
INVOICING TEAM- ĐT: +84 (28) 39331355 /
vnm.service@cma-cgm.com
SAU ATA+7 NẾU KHÔNG THANH TOÁN, LATE PAYMENT FEE
VND1,800,000 1/BL/1ST WEEK (excluded 5.26% VAT) &
3,600,000 VND/1BL/EACH NEXT WEEK
THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN XUẤT HÓA ĐƠN:
TRƯỚC ETA 1 NGÀY (NGÀY LÀM VIỆC VÀ PHẢI
TRƯỚC 12H TRƯA)
SAU THỜI ĐIỂM TRÊN, CMA SẼ XUẤT HÓA ĐƠN CHO
CONSIGNEE TRÊN BL.
MỌI YÊU CẦU THAY ĐỔI SẼ PHÁT SINH CHI PHÍ
ĐIỀU CHỈNH HÓA ĐƠN 660,000 VNĐ.
IMPORTANT:
ĐỐI VỚI LÔ HÀNG NHẬN HÀNG BẰNG OBL, VUI LÒNG
KÝ ĐÓNG DẤU CỦA CONSIGNEE (VÀ NOTIFY ĐỐI VỚI
BL TO ORDER)
Đối với lô hàng nhận hàng qua bên thứ 3, vui
lòng nộp Giấy ủy quyền gốc để nhận lệnh
Đối với những lô hàng có cước cont, vui lòng
nộp Công văn hoàn cước và phiếu hạ rỗng
trong vòng 30 ngày sau khi container được hạ
rỗng
Vui lòng thanh toán từ Tài khoản công ty, nếu
ủy quyền cho bên thứ ba thanh toán, vui lòng
nộp Giấy ủy quyền có ký đóng dấu của Bên
ủy quyền và Bên được ủy quyền
ĐỊA CHỈ NHẬN NỘP OBL: CMA CGM DA NANG, 3rd Floor,
75 Quang Trung street, Hai Chau district, Da Nang city,
Vietnam
Yêu cầu EDO, vui lòng email vào địa chỉ:
vnm.service@cma-cgm.com và copy email ca nhan
dan.unguyenthithu@cma-cgm.com
"VUI LÒNG KHÔNG MỞ TỜ KHAI CHO ĐẾN KHI CONTAINER
THỰC SỰ DỠ XUỐNG CẢNG.
VÌ MỘT SỐ YẾU TỐ KHÁCH QUAN, KẾ HOẠCH XẾP
DỠ HÀNG HOẶC KẾ HOẠCH TÀU CẬP CẢNG CÓ THỂ
THAY ĐỔI SO VỚI THÔNG BÁO HÀNG ĐẾN BAN ĐẦU.
THAY ĐỔI SẼ ĐƯỢC CẬP NHẬT QUA EMAIL.
KHÁCH HÀNG NÊN TRUY CẬP WEBSITE CẢNG ĐÀ NẴNG,
VÀ KIỂM TRA TÌNH TRẠNG DỠ CONTAINER TẠI WEBSITE
CMA - MỤC CONTAINER TRACKING TRƯỚC KHI MỞ TỜ
KHAI"

CONTAINER	SEAL	SIZE	PCS/QTY/TYPE	COMMODITY	WEIGHT (KGM)	MEAS (MTQ)	CUST.ID
CGMU5385968	HY957417	40RA	1800 CARTONS	Frozen cuts and edible offal o	28137.000	50.000	

FOR FURTHER INFORMATION PLEASE CONTACT

CMA CGM VIETNAM JSC, NO 81-85 HAM NGHI STREET., SAI GON WARD, HO CHI MINH CITY

Tel: +84-28-39331399

Fax:

Email: VNM.Service@cma-cgm.com

Phụ lục 8: Tờ khai hải quan

<IMP>

1/3

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

0826488574

Số tờ khai108264885740Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra3Mã loại hìnhA11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai0207

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCKCDANANGMã bộ phận xử lý tờ khai00

Ngày đăng ký21/05/2026 16:12:58Ngày thay đổi đăng ký / /

Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

Người nhập khẩu

Mã0402248709

TênCÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS

Mã bưu chính

Địa chỉ162/9 Mẹ Suốt, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số điện thoại+84

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

TênNORIDANE FOODS A/S

Mã bưu chính

Địa chỉAMALIEGADE 9B COPENHAGEN K

Mã nướcDK

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Số vận đơn

1020426GDYQ409339

Địa điểm lưu kho34CES01XN CANG TIEN SA

Địa điểm dỡ hàngVNDS CANG TIEN SA(D.NANG)

Địa điểm xếp hàngPLGDN GDANSK

Phương tiện vận chuyển9999 OOCL VALENCIA OVAN2E1MA

Ngày hàng đến21/05/2026

Ký hiệu và số hiệu

Số lượng1.778 CT

Tổng trọng lượng hàng (Gross)27.786 KGM

Số lượng container1

Ngày được phép nhập kho đầu tiên

Mã văn bản pháp quy khácVZ

Số hóa đơnA - SF99791

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành26/03/2026

Phương thức thanh toánKC

Tổng trị giá hóa đơnA - CIF - USD -23.736,3

Tổng trị giá tính thuế620.276.991,6

Tổng hệ số phân bổ trị giá23.736,3 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1VZ01 - BNNPTNT12260293020

2-

3-

4-

5-

Mã phân loại khai trị giá6

Khai trị giá tổng hợp

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển

Phí bảo hiểm

Mã tênMã phân loạiTrị giá khoản điều chỉnhTổng hệ số phân bổ

1-

2-

3-

4-

5-

Chi tiết khai trị giá

02042026##, PTTT= TT,Nhà Sản Xuất: CEDROB S.A. Ujazdowek 2A, (MÃ:PL 14023901 WE)#& tên tàu, số chuyển trên

AN: CMA CGM FUJI OHJENNINC

Tên sắc thuế

Tổng tiền thuế

Số dòng tổng

1N Thuế NK44.659.943 VND1

Tổng tiền thuế phải nộp44.659.943 VND

Số tiền bảo lãnh

Tỷ giá tính thuếUSD-

26.132 VND

Mã xác định thời hạn nộp thuếD

Người nộp thuế1

Mã lý do để nghị BP

Phân loại nộp thuếA

Tổng số trang của tờ khai3

Tổng số dòng hàng của tờ khai1

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai	108264885740	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	3	Mã loại hình	All	2	[4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CKCDANANG	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	0207		
Ngày đăng ký	21/05/2026 16:12:58	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00		
Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /		

Số định kèm khai báo điện tử	1	2	3	-
------------------------------	---	---	---	---

Phần ghi chú Lô hàng có mã Rex: DKREX20D964255#Hàng không thuộc danh mục CITES, tham vấn trực tiếp.

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp	Số quản lý người sử dụng	00012
------------------------------------	--------------------------	-------

Phân loại chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan

Ngày khai báo nộp thuế / /
Tổng số tiền thuế chậm nộp

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)		Ngày đến	/ /	Ngày khởi hành	/ /
Địa điểm					
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~	/ /	
	2	/ /	~	/ /	
	3	/ /	~	/ /	
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế					

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai	108264885740	Số tờ khai đầu tiên	/			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	3	Mã loại hình	A11	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	0207
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CKCDANANG	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00			
Ngày đăng ký	21/05/2026 16:12:58	Ngày thay đổi đăng ký	/	/	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/

<01>			
Mã số hàng hóa	02071499	Mã quyền lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa	Chăn gà đông lạnh (CHICKEN FEET DEEP FROZEN) chưa qua sơ chế, chưa thấm tâm phụ gia, gà loại Gallus domesticus, thùng=15kg, NSX:03.2026, RSD:03.2028. Mỗi 100%		

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	26.670	KGM
Trị giá hóa đơn	23.736,3	Số lượng (2)	26.670	KGM
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	0,89 - USD	KGM
Trị giá tính thuế (S)	620.276.991,6	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	23.257,48 - VND - KGM
Thuế suất	7,2%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	44.659.943,3952	VND	Nước xuất xứ	PL - POLAND - B25
Số tiền miễn giảm		VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	664.936.934,9952	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND	VK010	SƠ CAY, RỪNG TRONG, CHĂN
	Số tiền miễn giảm		VND		NUOI, THUY SAN NUOI TRONG, DANH BAT
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Phụ lục 9: Lệnh giao hàng điện tử (EDO)



LỆNH GIAO HÀNG ĐIỆN TỬ
(Electronic Delivery Order)

Số lệnh (Release No): **JB233996545**

Mã bảo mật (Security Code): **VFZQ4SWB6**

Người nhận (Receiver): **HARMONY LOGISTICS TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED 162 9 ME SUOT STREET HOA KHANH WARD DA NANG CITY VIETNAM TAX ID 0402248709 840327048772 EMIAL THIEMND HUNGTHINH GMAIL COM**

Số chuyến (Actual Voyage): OHJEWN1NC	Số Container (Container No): CGMU5385968
Ngày cập cảng (ETA): 21/05/2026	Số vận đơn (Bill Lading No): GDY0409404
Tên tàu (Vessel): CMA CGM FUJI	Kích thước/Kiểu Container (Size/Type): 40RA
Cảng dỡ hàng (POD): DA NANG PORT	Số Seal (Seal No): HY957417 ; IW2204076865
Cảng đích/Nơi giao hàng (FPOD/Delivery): DA NANG PORT	
Hạn nhận Container (Release Expiry Date): 22/05/2026	
Hạn trả Container rỗng (Return Expiry Date): 25/05/2026	
Nơi trả Container rỗng (Depot): G-FORTUNE DA NANG DEPOT	
Địa chỉ (Address): NO 10 YET KIEU STREET, THO QUANG WARD, SON TRA DISTRICT, DANANG CITY	
Số điện thoại (Phone Number): 759302113	
Đối với container SOC, vui lòng bỏ qua yêu cầu trả rỗng của CMA-CGM.	
<i>(For SOC containers, please ignore the empty return request from CMA-CGM.)</i>	

Mọi thông tin xin liên hệ: **Công ty cổ phần CMA CGM Vietnam JSC. Tầng 8, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM**
(Đề nghị Quý khách kiểm tra Số Container/ Seal/ Tên hàng hóa trước khi nhận hàng)

Phụ lục 10: Giấy chứng nhận kiểm dịch

**CỤC THỦ Y
CHI CỤC THỦ Y VÙNG IV**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 15b

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số: 0319/2026/D00/CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng: **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV HARMONY LOGISTICS**
Địa chỉ giao dịch: 162/9 Mẹ Suốt, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0877974089 Fax: Email: Hieuvan114455@gmail.com
Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Trọng lượng (Kg)	Mục đích sử dụng
Chân gà đông lạnh	Carton	1778.0	26670.0	Kinh doanh thực phẩm
Tổng số		1778.0	26670.0	

Tổng số (viết bằng chữ): Hai mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi Kilogram

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu: Noridane Foods A/S - Amaliegade 9B, Copenhagen K DK-1256, Denmark

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến: CEDROB S.A. Ujazdówek 2A, 06-400Ciechanów, Ubojnia DrobiuUjazdówek (mã 14023901) - Ujazdówek 06-400 Ciechanów

Nước xuất khẩu: POLAND Nước quá cảnh (nếu có): .

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Cảng Đà Nẵng Thời gian nhập: 22/05/2026

Nơi chuyển đến: CÔNG TY CP GIAO NHẬN NHANH LIÊN PHƯƠNG, KCN ĐÌNH VŨ, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: Đơn khai báo kiểm dịch số: BNNPTNT 12260293020; Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y (5458/TY-KĐDV ngày 27/3/2026); giấy Chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

Phương tiện vận chuyển: Tàu biển: OOCL VALENCIA / 0VAN2E1MA Số cont: CGMU8021342

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến: 22/07/2026

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại Đà Nẵng, ngày 23/05/2026

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)